

# Sổ tay Hướng dẫn Sử dụng

---

QM43B QM50B QM55B QM65B QM75B QM65B-N QM43B-T QM55B-T

---

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm và để cải tiến hoạt động, nội dung của hướng dẫn này có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

# Mục lục

## Trước khi sử dụng sản phẩm

Lưu ý an toàn	5
Biểu tượng an toàn	5
Điện và an toàn	6
Cài đặt	7
Hoạt động	9
Lưu ý khi xử lý panel	11
Làm sạch	12
Cất giữ và bảo trì	13

## Chuẩn bị

Kiểm tra các thành phần	14
Các linh kiện	15
Các cổng	16
QM43B/QM50B/QM55B/QM65B/QM65B-N/ QM75B	16
QM43B-T/QM55B-T	17
Trình đơn điều khiển	18

Menu quản trị viên (Kiểu máy được hỗ trợ: QMB-T)	19
Điều khiển từ xa	20
Trước khi Lắp đặt Sản phẩm (Hướng dẫn Lắp đặt)	22
Góc nghiêng và xoay	22
Thông gió	22
Lắp đặt giá treo tường	23
Chuẩn bị trước khi lắp đặt giá treo tường	23
Lắp đặt giá treo tường	23
Thông số kỹ thuật của bộ giá treo tường (VESA)	24

## Sử dụng màn hình cảm ứng (Kiểu máy được hỗ trợ: QMB-T)

Màn hình cảm ứng	25
Đọc lưu ý dưới đây trước khi sử dụng sản phẩm	25
Kết nối lớp phủ cảm ứng	25
Kết nối màn hình cảm ứng	26
Kết nối với máy tính	26
Kết nối với máy tính xách tay hoặc máy tính bảng	27
Đặt cấu hình thiết đặt màn hình cảm ứng	28
Điều chỉnh	28

## Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

Trước khi kết nối	30
Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối	30
Kết nối với máy tính	30
Kết nối sử dụng cáp HDMI	30
Kết nối sử dụng cáp DP	31
Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI	31
Kết nối với thiết bị video	32
Kết nối sử dụng cáp HDMI	32
Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI	32
Kết nối HDMI với hệ thống Âm thanh và thiết bị Video	33
Kết nối với Hệ thống âm thanh	33
Kết nối với Cáp LAN	33
Thay đổi Nguồn vào	34
Source	34
Web Browser	35
Workspace	37
SMARTVIEW+	37
Screen Mirroring	37

# Mục lục

## Điều khiển Nhiều Màn hình

Kết nối cáp	38
Cáp RS232C	38
Cáp mạng LAN	39
Kết nối	41
Các mã điều khiển	42
Sử dụng MDC	49
Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC	49

## Tính năng Player

Player	50
Xem nội dung	50
Khi nội dung đang chạy	51
Trình đơn khả dụng	51
Định dạng tệp tương thích với Player	52
Schedule	56
Custom Home	57

Clone Product	58
ID Settings	59
Device ID	59
Device ID Auto Set	59
PC Connection Cable	59
Video Wall	60
Video Wall	60
Horizontal x Vertical	60
Screen Position	61
Format	61
Network Status	62
On/Off Timer	63
On Timer	63
Off Timer	64
Holiday Management	64
Ticker	65

## Menu

Picture	66
OnScreen Display	70
Sound	72
Network	74
Cài đặt mạng (Có dây)	75
Cài đặt mạng (Không dây)	77
Use WPS	79
System	81
Support	93

---

# Mục lục

## Hướng dẫn xử lý sự cố

Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung	95
Kiểm tra sản phẩm	95
Kiểm tra độ phân giải và tần số	95
Kiểm tra những mục sau đây.	96

## Các thông số kỹ thuật

Thông số chung	102
Chế độ hẹn giờ cài sẵn	104

## Phụ lục

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)	105
Không phải lỗi sản phẩm	105
Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng	105
Khác	105
Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh	106
Hiện tượng lưu ảnh là gì?	106
Biện pháp ngăn ngừa đề xuất.	106
License	107





# Chương 01

## Trước khi sử dụng sản phẩm

### Lưu ý an toàn

Các hướng dẫn an toàn sau đây là để đảm bảo an toàn cá nhân của bạn và ngăn ngừa thiệt hại về tài sản. Vui lòng đọc những thông tin sau đây để đảm bảo sử dụng sản phẩm đúng cách.




### Biểu tượng an toàn

Biểu tượng	Tên	Ý nghĩa
	Cảnh báo	Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn.
	Thận trọng	Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn.
	Cấm	KHÔNG được làm việc này.
	Hướng dẫn	Làm theo các chỉ dẫn.


### THẬN TRỌNG

#### NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT. KHÔNG ĐƯỢC MỞ RA.

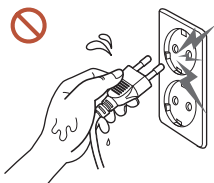
THẬN TRỌNG: ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG THÁO NẮP MÁY (HOẶC LƯNG MÁY). NGƯỜI SỬ DỤNG KHÔNG THỂ BẢO DƯỠNG CHI TIẾT NÀO BÊN TRONG. HÃY CHUYỂN TẮT CẢ CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CHO NHÂN VIÊN ĐỦ TRÌNH ĐỘ.

	Biểu tượng này chỉ ra rằng bên trong có điện áp cao. Sẽ rất nguy hiểm nếu thực hiện bất kỳ cách tiếp xúc nào với bất kỳ bộ phận nào bên trong sản phẩm này.		Điện áp AC: Điện áp định mức được đánh dấu với biểu tượng này là điện áp AC.
	Biểu tượng này báo cho bạn thông tin quan trọng liên quan tới vận hành và bảo dưỡng kèm theo sản phẩm này.		Điện áp DC: Điện áp định mức được đánh dấu với biểu tượng này là điện áp DC.
	Sản phẩm loại II: Biểu tượng này chỉ ra rằng không yêu cầu kết nối an toàn đến dây nối tiếp đất. Nếu biểu tượng này không có trên sản phẩm có dây dẫn điện lưới, sản phẩm PHẢI được đảm bảo kết nối với dây bảo vệ nối đất (mặt đất).		Thận trọng. Tham khảo các hướng dẫn sử dụng: Biểu tượng này sẽ hướng dẫn người sử dụng tham khảo tài liệu Hướng dẫn sử dụng để biết thêm thông tin liên quan đến an toàn.

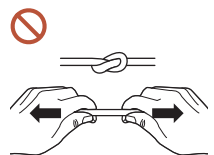
## Điện và an toàn

 Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

### Cảnh báo

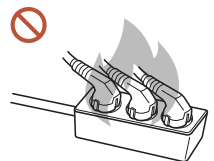


Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt.  
Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



Không bẻ cong hoặc giật mạnh cáp nguồn. Cần thận để không đặt vật nặng lên cáp nguồn.

Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.



Không kết nối nhiều sản phẩm với một ổ cắm điện.  
Ổ cắm nguồn bị quá nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn.



Cắm phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

Kết nối không chặt có thể gây ra hỏa hoạn.



Lau sạch tất cả bụi bẩn xung quanh chân phích cắm nguồn hoặc ổ cắm nguồn bằng miếng vải khô.

Có thể xảy ra hỏa hoạn.



Cắm phích cắm vào ổ cắm điện nối đất. (Trừ các thiết bị không cần nối đất)

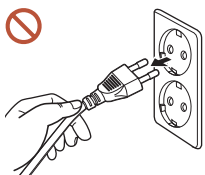
Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.



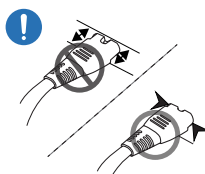
Không sử dụng phích cắm bị hỏng hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

## ⚠️ Thận trọng



Giữ phích cắm khi rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện.  
Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Khi cắm phích cắm vào cổng, hãy nhớ cắm vào hoàn toàn.  
Nếu không cắm phích cắm hoàn toàn vào cổng, phích cắm có thể bị ngắt kết nối bất ngờ hoặc có nguy cơ quá nóng do quá dòng, dẫn đến tai nạn về an toàn.

❗ Chỉ sử dụng cáp nguồn do Samsung cung cấp kèm theo sản phẩm của bạn. Không sử dụng cáp nguồn với các sản phẩm khác.

Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

❗ Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

Khi xảy ra sự cố với sản phẩm, cần phải rút dây nguồn để ngắt hoàn toàn điện cho sản phẩm. Lưu ý rằng sản phẩm không được ngắt điện hoàn toàn bằng cách chỉ sử dụng nút nguồn trên điều khiển từ xa.

⊘ Không rút cáp nguồn trong khi đang sử dụng sản phẩm.

Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.

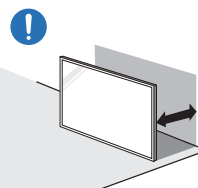
## Cài đặt

### ⚠️ Cảnh báo



Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

Cáp nguồn bị hỏng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Khi lắp đặt sản phẩm, hãy giữ sản phẩm cách tường một khoảng để sản phẩm được thông gió tốt.

Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



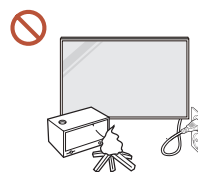
Không lắp đặt sản phẩm tại những nơi thông gió kém như giá sách hoặc hộc tủ.

Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



Giữ túi nhựa đóng gói ngoài tầm với của trẻ em.

Việc trẻ em sử dụng không đúng cách bao bì nhựa có thể gây ngạt thở.



Không lắp đặt cáp nguồn (nguồn điện DC) và sản phẩm gần nguồn nhiệt.

(Nến, thuốc đuổi muỗi, thuốc lá, bình xịt, thiết bị sưởi, những nơi tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp, v.v.)



Khi lắp đặt sản phẩm, hãy cố định sản phẩm chắc chắn để không bị rơi.

Nếu sản phẩm không được cố định chắc chắn và bị trẻ em chạm vào trong khi trẻ đang chơi, sản phẩm có thể rơi, gây ra hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích cho trẻ.



Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Dầu ăn hoặc hơi dầu có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm.



Nhờ kỹ thuật viên lắp đặt giá treo trên tường.

Có thể xảy ra thương tích nếu việc lắp đặt do người không đủ trình độ tiến hành. Chỉ sử dụng tủ được phê duyệt.

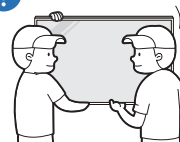


Nếu sản phẩm được lắp đặt ở một vị trí bất thường, môi trường xung quanh đó có thể gây ra vấn đề nghiêm trọng về chất lượng. Do đó, hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung trước khi lắp đặt.

(Những nơi phát sinh nhiều bụi mịn, những nơi sử dụng hóa chất, những nơi có nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, những nơi có nhiều nước hoặc hơi nước, các phương tiện vận chuyển như xe cộ, sân bay và nhà ga được sử dụng liên tục trong một thời gian dài, v.v.)



## Thận trọng



Không làm rơi sản phẩm trong khi di chuyển.

Sản phẩm có thể rơi, gây ra thương tích cá nhân hoặc hư hỏng sản phẩm.



Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

Màn hình có thể bị hỏng.



Việc tiếp xúc lâu dài với ánh nắng trực tiếp có thể làm mất màu bề mặt của màn hình.



## Hoạt động

### ⚠ Cảnh báo



Nếu sản phẩm phát ra tiếng động lạ, mùi khét hoặc khói, hãy rút phích cắm ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Giữ các pin của điều khiển từ xa và các phụ kiện nhỏ ngoài tầm với của trẻ em. Đảm bảo trẻ em không nuốt bất kỳ bộ phận nào trong số đó.

Nếu trẻ em đã nuốt phải pin, hãy liên hệ ngay với bác sĩ của bạn.



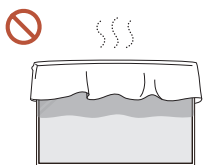
Nếu sản phẩm bị rơi hoặc vỏ ngoài bị hỏng, hãy tắt công tắc nguồn và rút dây nguồn. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Tiếp tục sử dụng có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



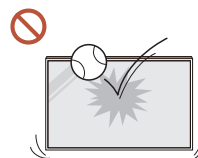
Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.



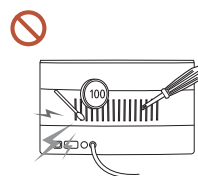
Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



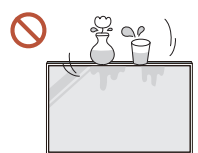
Không tác động lực vào sản phẩm.

- Màn hình có thể bị hỏng.
- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



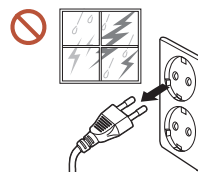
Không nhét các vật bằng kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc các vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào sản phẩm (qua lỗ thông gió hoặc các cổng vào/ra, v.v.).

- Nếu có chất lạ xâm nhập vào sản phẩm, hãy nhớ tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không đặt các vật chứa chất lỏng (bình, lọ, chai, v.v.) hoặc đồ vật bằng kim loại trên đỉnh sản phẩm.

- Nếu có chất lạ như nước vào sản phẩm, hãy nhớ rút dây nguồn. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn.

Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



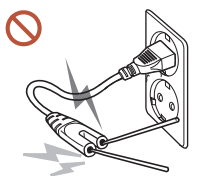
Không để vật nặng hoặc những thứ mà trẻ thích (đồ chơi, kẹo, v.v.) trên đỉnh sản phẩm.

Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.



Không dựa vào hoặc trèo lên sản phẩm.

- Sản phẩm có thể rơi, gây ra thương tích cá nhân hoặc thậm chí tử vong.
- Đặc biệt cẩn thận rằng trẻ em không dựa vào hoặc trèo lên sản phẩm.



Trong khi phích cắm đang được cắm vào ổ cắm điện, không chèn đầu hoặc dây dẫn khác vào ổ điện còn lại. Ngoài ra, sau khi rút phích cắm ra khỏi ổ cắm điện, không chạm ngay vào các chân cắm của phích cắm.

Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



Có điện cao áp bên trong sản phẩm. Không tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung để sửa chữa.
- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm và thông gió cho căn phòng ngay lập tức.

Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.

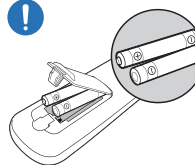


Không sử dụng máy làm ẩm hoặc bếp lò quanh sản phẩm.

Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

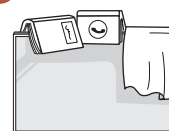


## Thận trọng



Lắp từng pin sao cho cực (+, -) chính xác.

Nếu cực không chính xác, pin có thể vỡ hoặc chất lỏng bên trong có thể bị rò rỉ, gây ô nhiễm và gây ra thiệt hại đối với môi trường xung quanh, hỏa hoạn hoặc thương tích cá nhân.



Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



Khi bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài do đi nghỉ hoặc vì lý do nào khác, hãy ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện.

Bụi bẩn tích tụ kết hợp với nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn, điện giật hoặc rò rỉ điện.



Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

Thị lực của bạn có thể bị giảm.



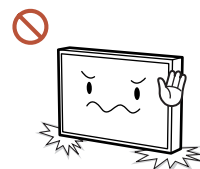
Không được thải bỏ pin (và các pin sạc) theo cách thông thường và chúng phải được hoàn trả lại để tái chế. Khách hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại các pin đã qua sử dụng hoặc pin sạc để tái chế.

Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế cộng đồng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán cùng loại pin hay pin sạc đó.

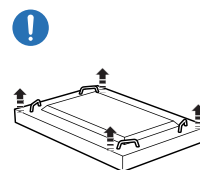
- ❗ Để mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.  
Mắt của bạn sẽ hết mỏi.
- ❗ Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.  
Khi bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài, hãy kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc đặt trình bảo vệ màn hình thành chế độ ảnh động.
- ❗ Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.  
Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.
- ⊘ Chỉ sử dụng những pin đủ tiêu chuẩn chuyên dùng, không dùng chung pin mới và pin cũ cùng lúc.  
Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin
- ⊘ Không nhìn vào màn hình sản phẩm quá gần và liên tục trong một thời gian dài.  
Thị lực của bạn có thể bị giảm.
- ⊘ Không nhấc hoặc di chuyển sản phẩm khi sản phẩm đang hoạt động.
- ⊘ Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.
- ⊘ Khi sử dụng tai nghe, không đặt âm lượng quá cao hoặc sử dụng tai nghe trong một thời gian dài.  
Điều này có thể dẫn đến tổn thương thính giác.

## Lưu ý khi xử lý panel

 Màu sắc và hình thức có thể khác nhau tùy theo mẫu.

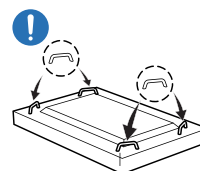


Không đứng lên trên sản phẩm như trình bày trong hình vẽ. Tấm panel dễ vỡ và có thể bị hỏng.



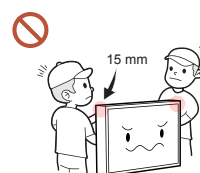
Đặt sản phẩm nằm xuống để xử lý như trình bày trong hình vẽ. (Bạn có thể sử dụng bao bì sản phẩm).

 Kiểu máy được hỗ trợ: 85 inch trở lên



Đảm bảo là bạn dùng tay nắm phía sau sản phẩm khi di chuyển sản phẩm.

 Kiểu máy được hỗ trợ: 85 inch trở lên



Không được cầm nắm bất kỳ chỗ nào trong khoảng cách 15 mm từ mặt trước sản phẩm.

## Làm sạch

### ⚠ Cảnh báo



Không phun nước hoặc chất làm sạch trực tiếp lên sản phẩm.

- Bề mặt của sản phẩm có thể bị hư hỏng hoặc các ký hiệu có thể bị xóa.
- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

### ⚠ Thận trọng

- ⓘ Khi vệ sinh, hãy nhớ rút phích cắm và lau nhẹ nhàng bằng vải khô và mềm như vải sợi siêu mịn hoặc vải nỉ để tránh xước.

Bề mặt của sản phẩm có thể bị hư hỏng hoặc các ký hiệu có thể bị xóa.

- ⓘ Hãy nhớ sử dụng một miếng vải mềm và khô như các vải sợi siêu mịn hoặc vải nỉ vì bề mặt của sản phẩm và màn hình rất dễ bị xước.

Bề mặt của sản phẩm hoặc màn hình có thể dễ bị xước khi tiếp xúc với các vật lạ.

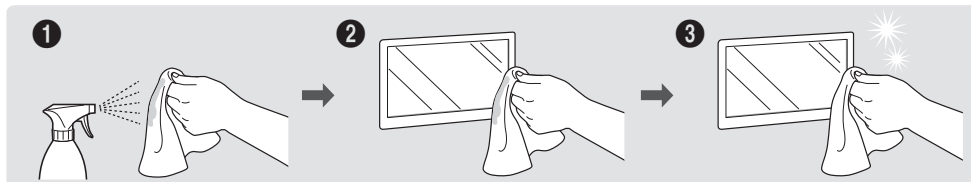
- ⊘ Không sử dụng các hóa chất có chứa cồn, dung môi, chất hoạt động bề mặt như sáp, benzen, chất pha loãng, thuốc trừ sâu, chất làm mát không khí, chất bôi trơn, hoặc chất làm sạch cho sản phẩm.

Mặt ngoài của sản phẩm có thể bị mất màu hoặc bị nứt, bề mặt của bảng điều khiển có thể bị tróc vỏ, hoặc các ký hiệu có thể bị xóa.

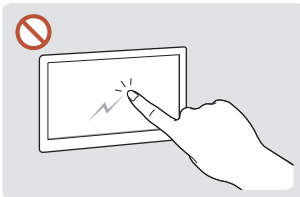
## Cất giữ và bảo trì

### Vệ sinh mặt ngoài và màn hình

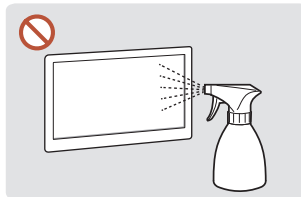
Lau bề mặt bằng một miếng vải mềm, hơi ẩm, sau đó lau lại bằng vải khô.



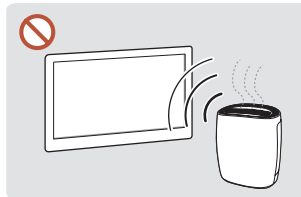
### Biện pháp phòng ngừa



Không làm xước màn hình bằng đinh hoặc các vật sắc nhọn. Các vết xước có thể để lại các dấu hoặc làm hỏng sản phẩm.



Không phun nước trực tiếp lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm. Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do nước xâm nhập vào sản phẩm.



Do đặc tính của các sản phẩm có độ bóng cao, việc sử dụng máy làm ẩm UV ở gần có thể tạo ra các vết ố màu trắng trên sản phẩm.

- Việc bóc một nhãn dán trên màn hình có thể để sót lại nhãn dán. Làm sạch nhãn dán còn sót lại trước khi xem màn hình.
- Không ấn mạnh và chà xát sản phẩm. Điều này có thể dẫn đến hư hỏng sản phẩm..
- Không lau màn hình bằng hóa chất. Điều này có thể dẫn đến hư hỏng sản phẩm.
- Liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng nếu cần làm sạch bên trong sản phẩm (phí dịch vụ sẽ được áp dụng).
- Bạn nên đeo găng tay sạch chứ không dùng tay không chạm vào tấm panel trước.

# Chương 02

## Chuẩn bị

### Kiểm tra các thành phần

✎ Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.

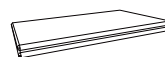
✎ Hình thức của các bộ phận có thể khác với hình ảnh minh họa.

✎ Chân đế không được cung cấp cùng với sản phẩm. Để lắp chân đế, bạn có thể mua riêng một chân đế.

✎ Có thể sử dụng bộ điều hợp RS232C để kết nối với màn hình khác bằng cáp RS232C loại D-SUB (9 chốt).



Hướng dẫn cài đặt nhanh



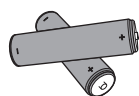
Thẻ bảo hành  
(Không có ở một số khu vực)



Hướng dẫn điều chỉnh



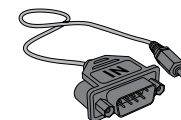
Dây điện nguồn  
(Kiểu máy được hỗ trợ: QM\*\*B)



Pin (AAA x 2)  
(Không có ở một số khu vực)



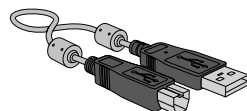
Điều khiển từ xa



Bộ điều hợp RS232C  
(Kiểu máy được hỗ trợ: QM\*\*B)

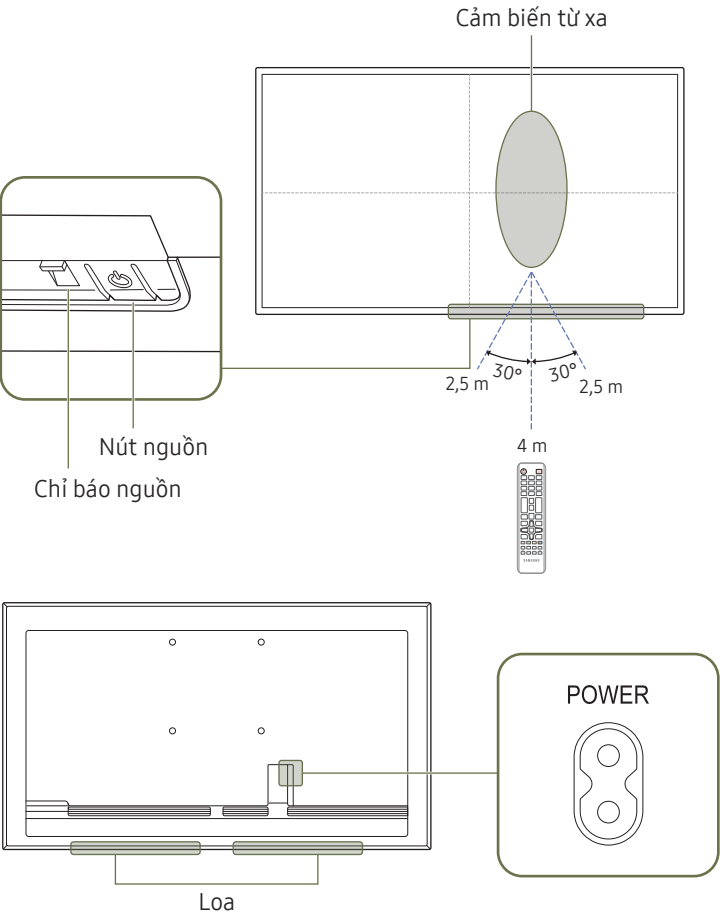


GIÁ ĐỖ CÁP  
(Kiểu máy được hỗ trợ: QM65B, QM75B)



Cáp TOUCH OUT x 2  
(Kiểu máy được hỗ trợ: QM43B-T, QM55B-T)

# Các linh kiện



Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

Các linh kiện	Mô tả
Cảm biến từ xa	Nhấn nút trên điều khiển từ xa trở vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng. Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
Nút nguồn	Bật hoặc tắt sản phẩm.

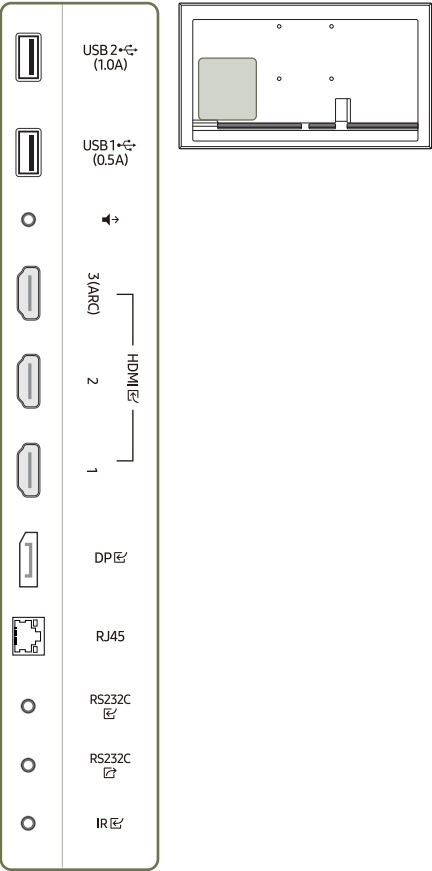
Sử dụng điều khiển từ xa trong phạm vi từ 2,5 đến 4 m từ bộ cảm biến trên sản phẩm với một góc 30° từ bên trái và bên phải.

Để tăng hiệu quả của thiết bị nhận tín hiệu hồng ngoại (IR), hãy kết nối cáp IR bên ngoài (có bán riêng) với cổng IR IN.

# Các cổng

## QM43B/QM50B/QM55B/QM65B/ QM65B-N/QM75B

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày.  
Để nâng cao chất lượng, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

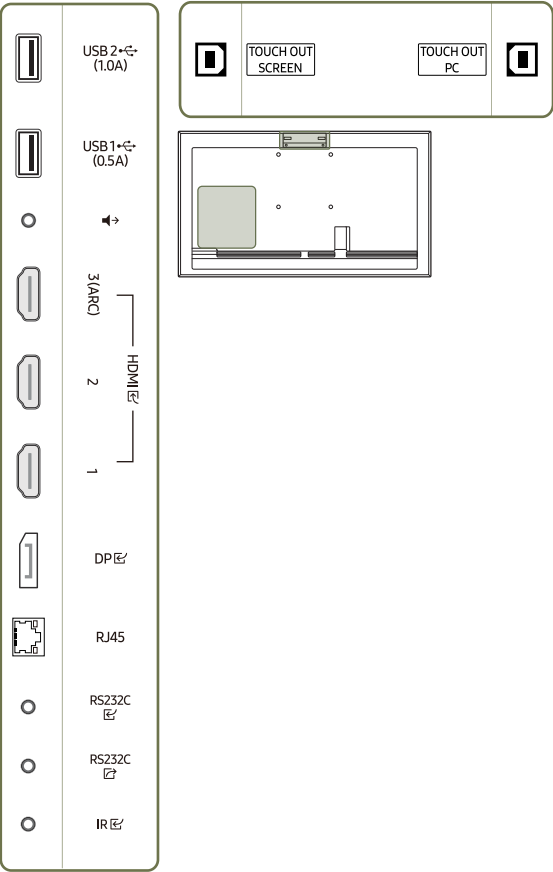


Cổng	Mô tả
USB 2 (1.0A)	Kết nối với thiết bị nhớ USB. Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 1,0A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
USB 1 (0.5A)	Kết nối với thiết bị nhớ USB. Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 0,5 A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
Speaker	Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
HDMI 3 (ARC)	Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
HDMI 2	
HDMI 1	
DP	Kết nối với PC bằng cáp DP.
RJ45	Kết nối với MDC và Internet bằng cáp LAN. (10/100 Mbps) Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối. *Shielded Twist Pair.
RS232C	Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
RS232C	Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
IR	Kết nối với cáp IR bên ngoài để nhận tín hiệu từ điều khiển từ xa.



# QM43B-T/QM55B-T

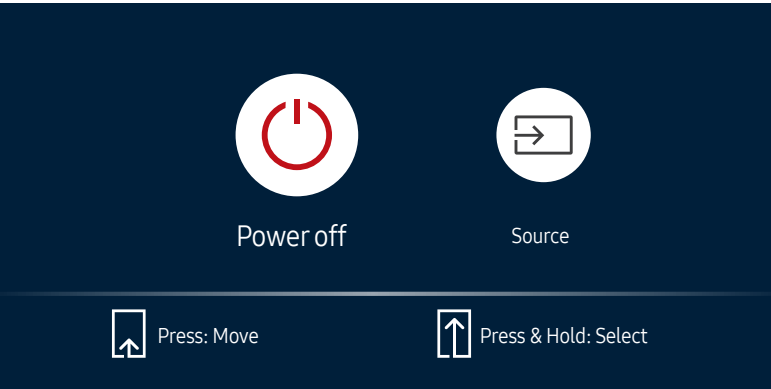
Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày.  
Để nâng cao chất lượng, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.





Cổng	Mô tả
USB 2+ (1.0A)	Kết nối với thiết bị nhớ USB. Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 1,0A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
USB 1+ (0.5A)	Kết nối với thiết bị nhớ USB. Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 0,5 A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
▶▶	Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
HDMI 3 (ARC)	Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
HDMI 2	
HDMI 1	
DP	Kết nối với PC bằng cáp DP.
RJ45	Kết nối với MDC và Internet bằng cáp LAN. (10/100 Mbps) Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối. *Shielded Twist Pair.
RS232C	Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
RS232C	Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
IR	Kết nối với cáp IR bên ngoài để nhận tín hiệu từ điều khiển từ xa.
TOUCH OUT SCREEN	Kết nối với một cổng USB trên sản phẩm để sử dụng chức năng cảm ứng.
TOUCH OUT PC	Kết nối với cổng USB trên máy tính để sử dụng chức năng cảm ứng.

# Trình đơn điều khiển

- Nút nguồn (⏻) nằm ở vị trí dưới cùng của sản phẩm.
- Nếu bạn nhấn nút nguồn trên sản phẩm đang bật, menu điều khiển sẽ hiển thị.

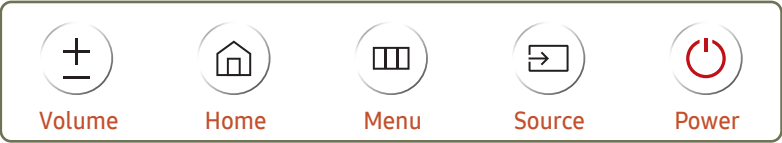
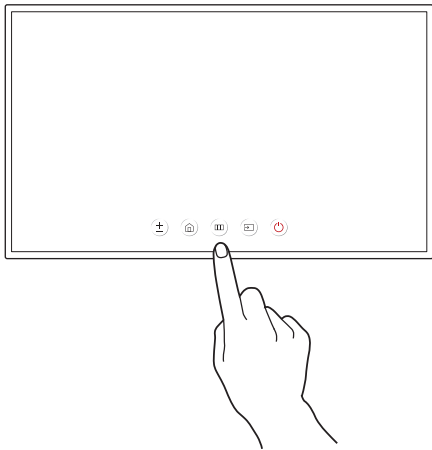












Mục	Mô tả
 Power off	<p>Tắt nguồn sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Khi màn hình menu điều khiển hiển thị, hãy nhấn nhẹ nút nguồn để di chuyển con trỏ đến <b>Power off</b> (⏻), sau đó nhấn và giữ nút nguồn để tắt sản phẩm.</li></ul>
 Source	<p>Chọn nguồn tín hiệu đầu vào được kết nối.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Khi màn hình menu điều khiển hiển thị, hãy nhấn nhẹ nút nguồn để di chuyển con trỏ đến <b>Source</b> (↗), sau đó nhấn và giữ nút nguồn để hiển thị màn hình nguồn vào.</li><li>Khi màn hình nguồn vào hiển thị, hãy nhấn và giữ nút nguồn để chuyển tới nguồn vào theo ý muốn.</li></ul>

- Bạn chỉ có thể sử dụng nút nguồn cho **Power off** và **Source**.
- Để thoát khỏi màn hình menu điều khiển, hãy chờ ít nhất 3 giây và không được nhấn nút nguồn.


# Menu quản trị viên (Kiểu máy được hỗ trợ: QMB-T)

- Chạm và giữ màn hình khi bật sản phẩm sẽ hiển thị menu quản trị viên.
- Nếu điều khiển cảm ứng không hoạt động, hãy sử dụng điều khiển từ xa để vào **System** → **Touch Control** → **Touch Control** và chọn **On** từ menu OSD.
- Nếu menu quản trị viên không được hiển thị, hãy sử dụng điều khiển từ xa để vào **System** → **Touch Control** → **Admin Menu Lock** và chọn **Off** từ menu OSD.
- Menu này không hiển thị khi bạn sử dụng chế độ cảm ứng trên máy tính được kết nối.

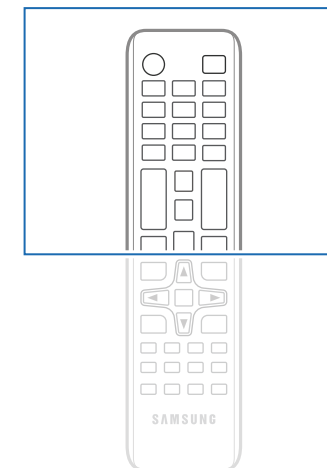
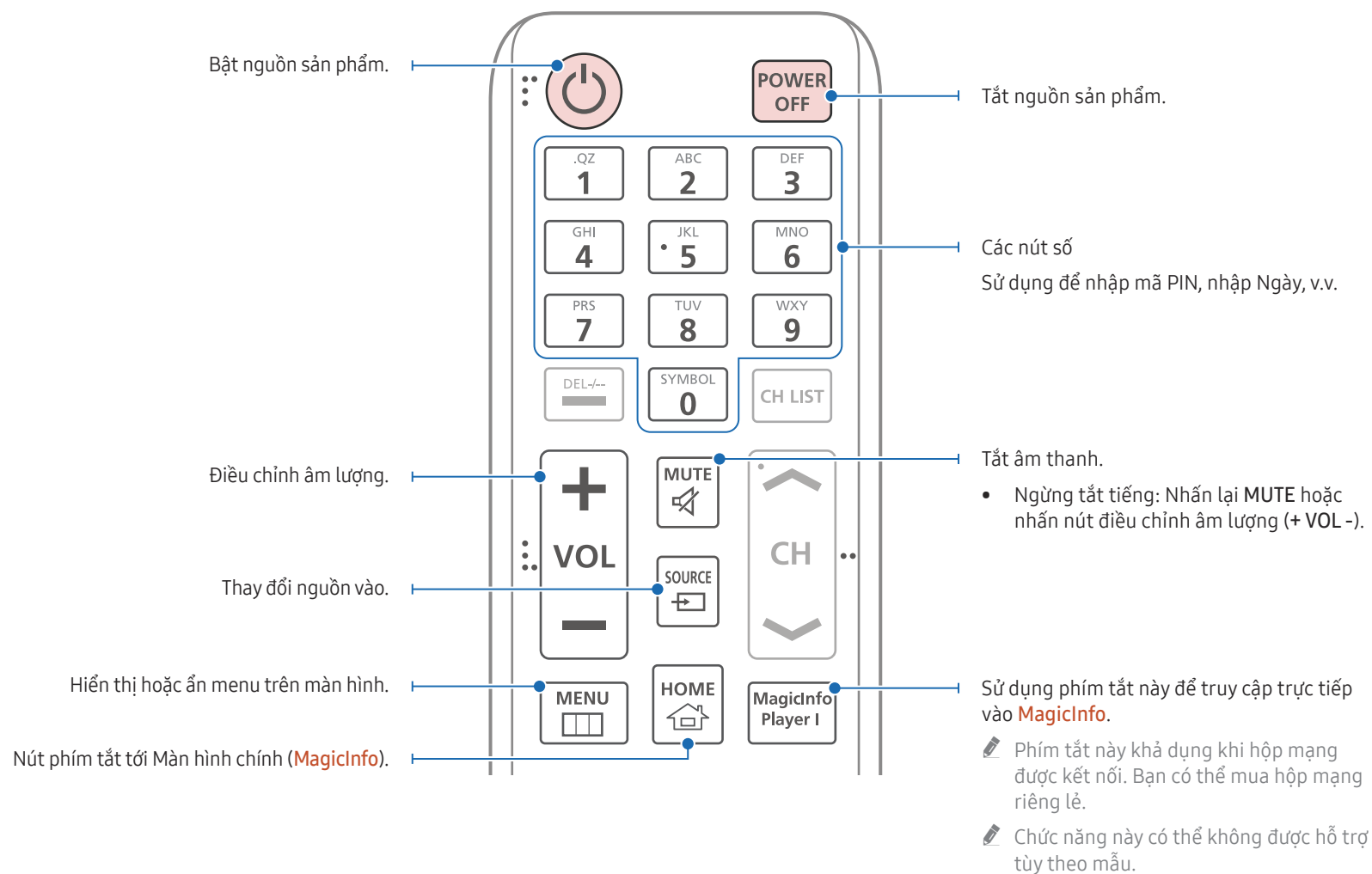



Nút	Mô tả
 Volume	Điều chỉnh <b>Volume</b> . <ul style="list-style-type: none"><li>Chọn  <b>Volume</b> từ menu quản trị viên.</li></ul>
 Home	Chuyển sang màn hình <b>Home</b> . <ul style="list-style-type: none"><li>Chọn  <b>Home</b> từ menu quản trị viên.</li></ul>
 Menu	Hiển thị trình đơn OSD. Để thay đổi cài đặt, chọn một mục menu. <ul style="list-style-type: none"><li>Chọn  <b>Menu</b> từ menu quản trị viên.</li></ul>
 Source	Chọn nguồn tín hiệu đầu vào được kết nối. Chọn nguồn vào từ danh sách các nguồn vào được hiển thị. <ul style="list-style-type: none"><li>Chọn  <b>Source</b> từ menu quản trị viên.</li></ul>
 Power	Tắt nguồn sản phẩm. <ul style="list-style-type: none"><li>Chọn  <b>Power</b> từ menu quản trị viên.</li></ul>

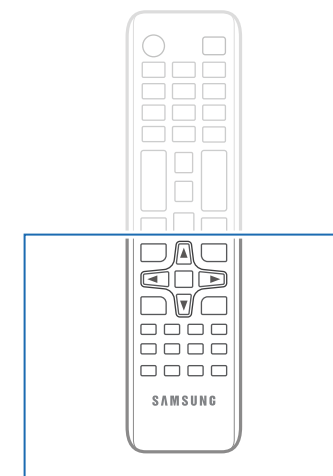
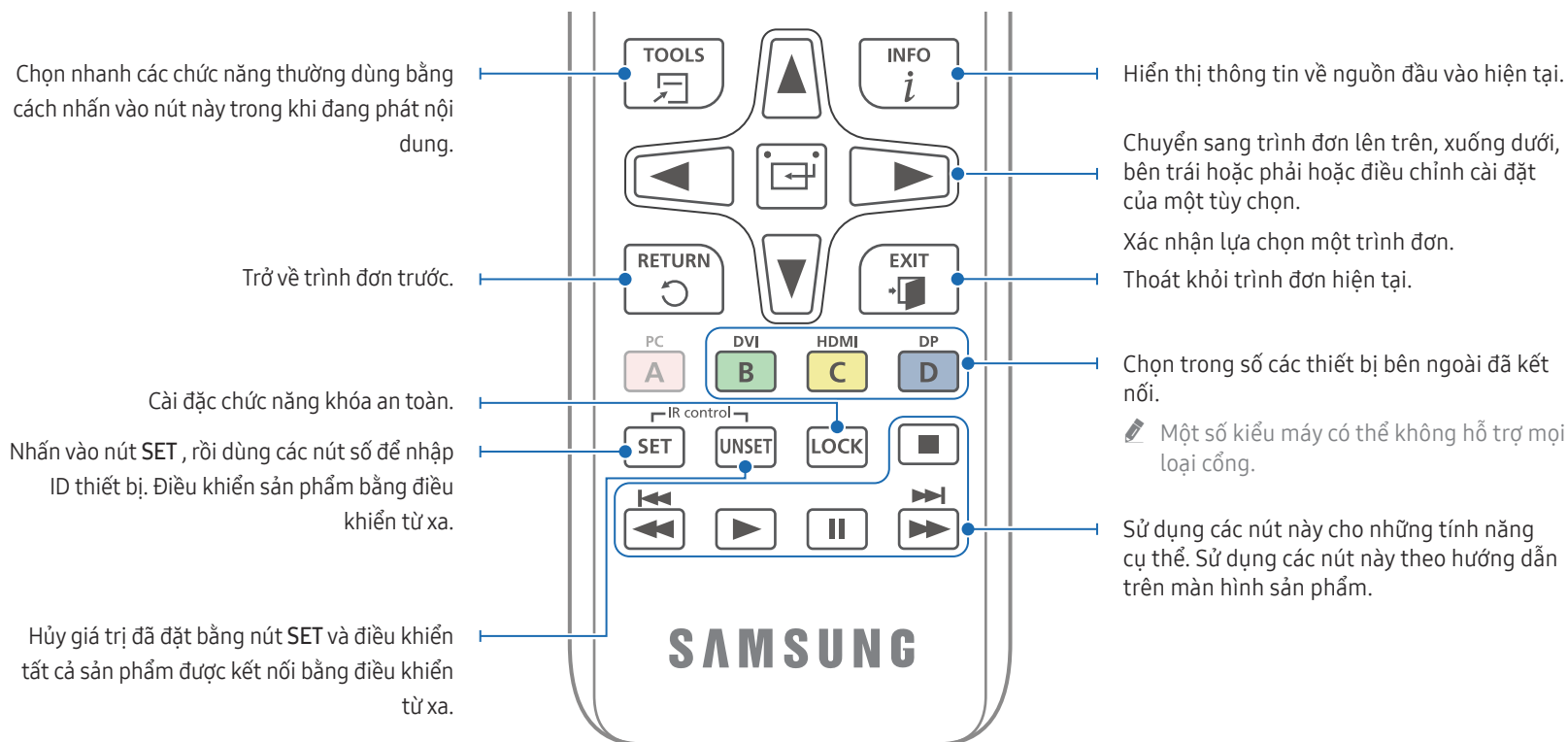
## Điều khiển từ xa

 Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.

 Nút không có mô tả trong hình ảnh bên dưới không được hỗ trợ trên sản phẩm.



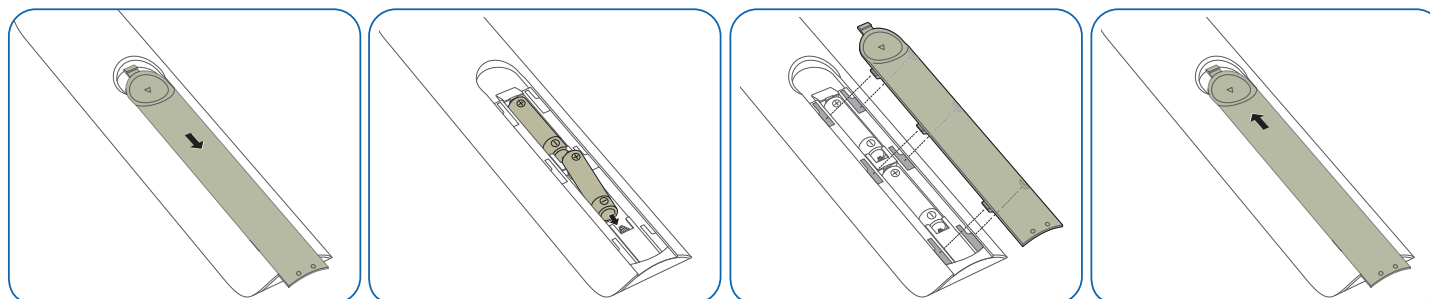
 Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.



Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.

## Để đặt pin vào điều khiển từ xa (AAA x 2)

Tháo pin ra khi điều khiển từ xa không được sử dụng trong một thời gian dài.



## Trước khi Lắp đặt Sản phẩm (Hướng dẫn Lắp đặt)

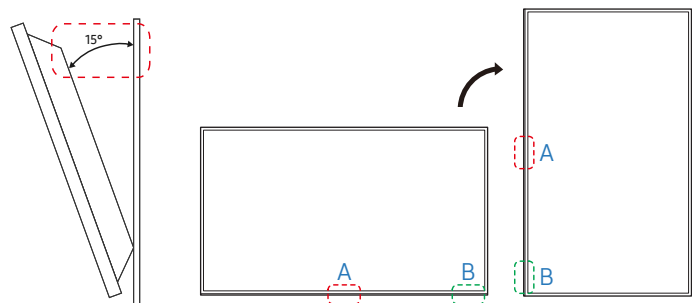
Để tránh thương tích, thiết bị này phải được gắn chặt vào sàn/tường theo hướng dẫn lắp đặt.

- Đảm bảo rằng công ty lắp đặt được ủy quyền lắp đặt giá treo tường.
- Nếu không, giá treo tường có thể rơi và gây ra thương tích cá nhân.
- Đảm bảo lắp đặt giá treo tường được chỉ định.

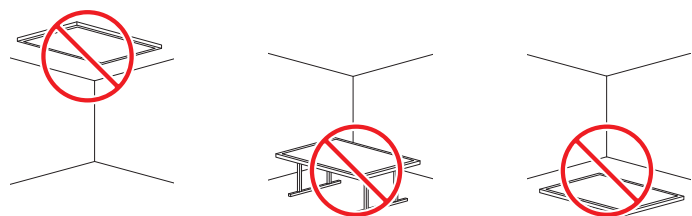
## Góc nghiêng và xoay

Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

- Sản phẩm có thể đặt nằm nghiêng tới tối đa 15° so với tường thẳng đứng.
- Để sử dụng sản phẩm ở chế độ Đọc, hãy xoay sản phẩm cho đến khi đèn chỉ báo nguồn (A hoặc B) được đặt ở vị trí như hình dưới đây.



Không sử dụng mẫu này lắp đặt trên trần, sàn hoặc bàn.



## Thông gió

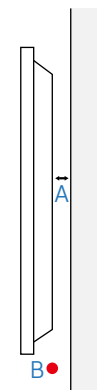
Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

### Lắp đặt trên Tường thẳng đứng

A Tối thiểu là 40 mm

B Nhiệt độ xung quanh: Dưới 35 °C

Khi lắp sản phẩm trên tường thẳng đứng, hãy chừa một khoảng ít nhất 40 mm giữa sản phẩm và bề mặt tường để thông gió và đảm bảo nhiệt độ xung quanh được giữ ở mức dưới 35 °C.



### Lắp đặt trên Tường có vết lõm

A Tối thiểu là 40 mm

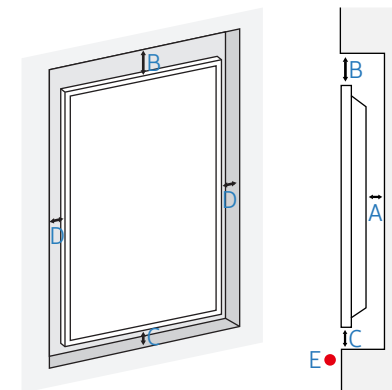
B Tối thiểu là 70 mm

C Tối thiểu là 50 mm

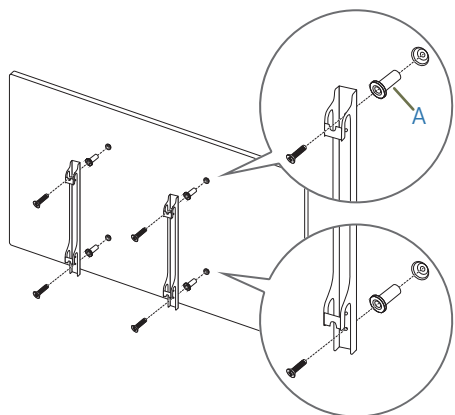
D Tối thiểu là 50 mm

E Nhiệt độ xung quanh: Dưới 35 °C

Khi lắp sản phẩm trên tường bị lõm, hãy chừa một khoảng tối thiểu như chỉ định ở trên giữa sản phẩm và tường để thông gió và đảm bảo nhiệt độ xung quanh được giữ ở mức dưới 35 °C.



## Lắp đặt giá treo tường



## Chuẩn bị trước khi lắp đặt giá treo tường


Để lắp giá treo tường không phải do Samsung sản xuất, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất giá treo tường cung cấp.

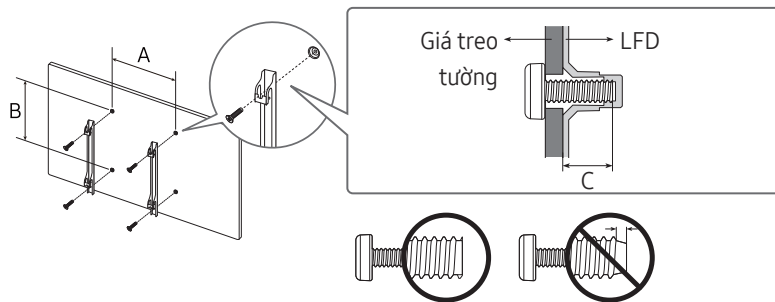
 **A:** Những thứ này có trong gói giá treo tường và có thể không được cung cấp tùy thuộc vào loại giá treo tường.

## Lắp đặt giá treo tường

- Bộ giá treo tường (được bán riêng) cho phép bạn lắp sản phẩm lên tường.
- Hình ảnh được cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo. Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt giá treo tường, hãy xem hướng dẫn đi kèm giá treo tường.
- Chúng tôi khuyên bạn nên liên hệ với kỹ thuật viên để được trợ giúp khi lắp đặt giá treo tường.
- Samsung không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc nào đối với sản phẩm hay thương tích nào đối với bạn hoặc người khác nếu bạn tự ý lắp đặt giá treo tường.


## Thông số kỹ thuật của bộ giá treo tường (VESA)

-  Lắp giá treo tường lên tường đặc vuông góc với sàn nhà. Để lắp sản phẩm lên một mặt tường khác, hãy liên hệ với đại lý gần nhất.
- Nếu bạn lắp sản phẩm trên tường nghiêng, sản phẩm có thể bị đổ và dẫn đến thương tích cá nhân nghiêm trọng.



- Bộ giá treo tường của Samsung có hướng dẫn lắp đặt chi tiết và tất cả các bộ phận cần thiết cho việc lắp ráp đều được cung cấp.
- Không sử dụng vít dài hơn độ dài chuẩn hoặc không phù hợp với thông số vít chuẩn VESA. Vít quá dài có thể làm hỏng phần bên trong của sản phẩm.
- Đối với giá treo tường không phù hợp với thông số vít chuẩn VESA, độ dài của vít có thể khác nhau tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của giá treo tường.
- Không vặn vít quá chặt. Vặn quá chặt có thể làm hỏng sản phẩm hoặc khiến sản phẩm bị đổ, dẫn đến thương tích cá nhân. Samsung không chịu trách nhiệm về các kiểu tai nạn này.
- Samsung không chịu trách nhiệm về hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích cá nhân khi người tiêu dùng sử dụng giá treo tường không phải là VESA hoặc không được chỉ định hoặc người tiêu dùng không tuân theo các hướng dẫn lắp đặt sản phẩm.
- Không treo sản phẩm nghiêng quá 15 độ.
- Luôn nhờ ít nhất 2 người khi lắp sản phẩm lên tường. (Cần ít nhất bốn người để lắp đặt mẫu 82 inch trở lên.)
- Kích thước chuẩn cho bộ giá treo tường được hiển thị trong bảng bên dưới.

Tên mô-đen	Thông số lỗ vít VESA (A * B) tính bằng milimet	C(mm)	Vít chuẩn	Số lượng
QM43B / QM43B-T	200 x 200	31-32	M8	4
QM50B / QM55B / QM55B-T		29-30		
QM65B / QM65B-N	400 x 400			
QM75B				

-  Không lắp đặt bộ giá treo tường trong khi sản phẩm của bạn đang bật. Việc này có thể dẫn đến thương tích cá nhân do điện giật.



# Chương 03

## Sử dụng màn hình cảm ứng (Kiểu máy được hỗ trợ: QMB-T)

### Màn hình cảm ứng



Điều khiển PC bằng cách chạm vào màn hình thay vì sử dụng thiết bị đầu vào như bàn phím hoặc chuột. Màn hình cảm ứng hoạt động bằng cách phát hiện dòng điện nhỏ chạy qua cơ thể bạn (điện dung). Đảm bảo sử dụng bề mặt đầu ngón tay của bạn khi chạm vào màn hình.

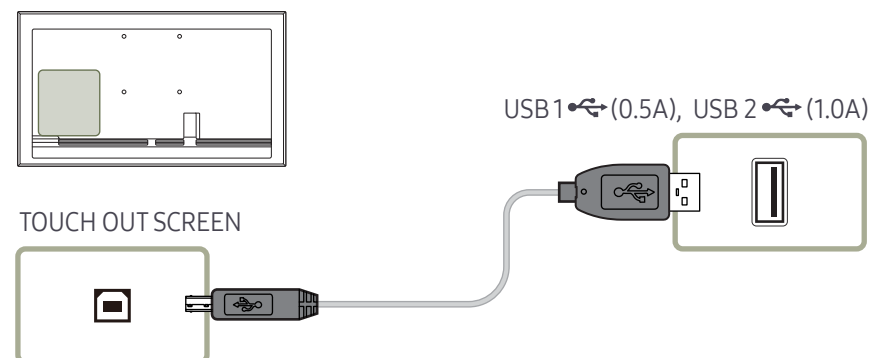
### Đọc lưu ý dưới đây trước khi sử dụng sản phẩm

- Thật cẩn thận để đảm bảo chất liệu điện không tiếp xúc với màn hình. Màn hình có thể không hoạt động chính xác nếu có tĩnh điện.
- Không dùng đầu ngón tay nhấn mạnh vào màn hình cảm ứng. Không sử dụng vật sắc khi chạm vào màn hình. Màn hình có thể vỡ hoặc bị hỏng.
- Không chạm vào màn hình khi đeo găng tay, ngón tay bẩn hoặc sử dụng vật sắc như móng tay hoặc bút bi. Màn hình có thể không hoạt động chính xác.
- Thật cẩn thận để đảm bảo màn hình không tiếp xúc với hơi ẩm. Bộ cảm biến cảm ứng có thể không hoạt động chính xác.
- Hiển thị hình ảnh tĩnh trên màn hình trong khoảng thời gian dài có thể gây ảnh sau (màn hình xuống cấp) hoặc vấy bẩn. Tắt màn hình khi không sử dụng.

### Kết nối lớp phủ cảm ứng

 Chức năng cảm ứng không được hỗ trợ trong các ứng dụng, ngoài menu OSD và menu quản trị viên.

Kết nối cáp TOUCH OUT giữa TOUCH OUT SCREEN và cổng USB 1  (0.5A) hoặc USB 2  (1.0A) trên sản phẩm.



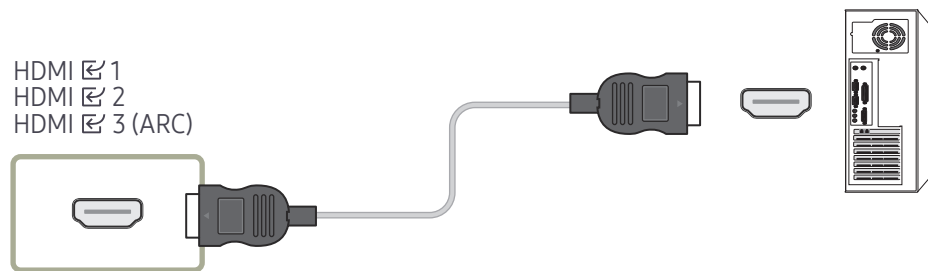
## Kết nối màn hình cảm ứng

 Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

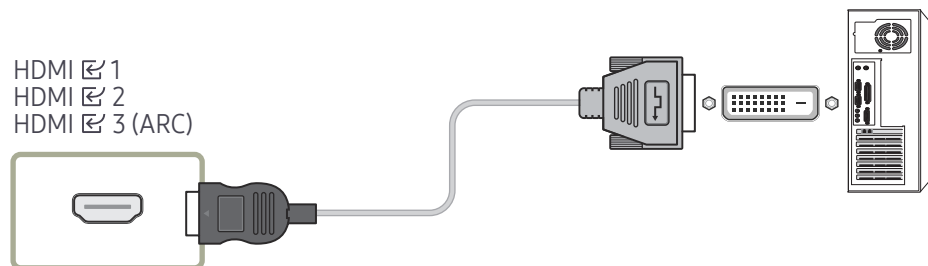
### Kết nối với máy tính

1 Kết nối PC với sản phẩm bằng cáp DP, HDMI hoặc HDMI-DVI.

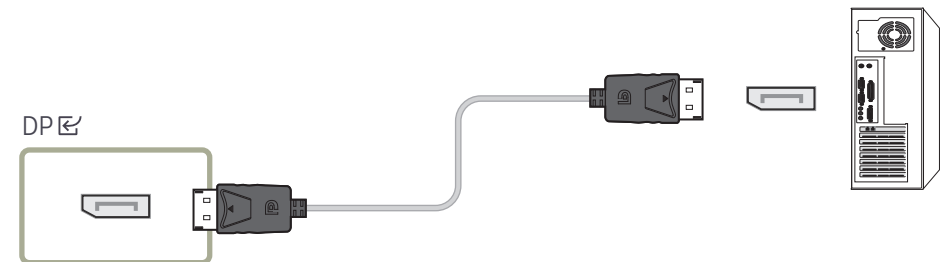
#### Kết nối thiết bị bằng cáp HDMI



#### Kết nối thiết bị bằng cáp HDMI-DVI



#### Kết nối sử dụng cáp DP

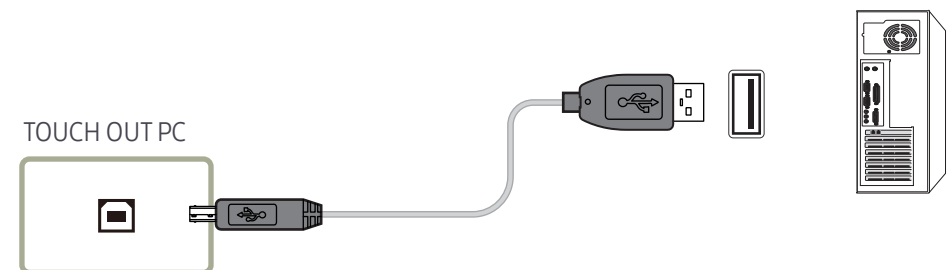


2 Cắm cáp nguồn từ sản phẩm vào ổ cắm điện.

3 Sau khi kết nối nguồn điện, sản phẩm sẽ tự động phát hiện và chuyển sang nguồn vào đã kết nối.

 Nếu màn hình bị trống, hãy tắt sản phẩm và sau đó bật lại.


4 Kết nối cổng TOUCH OUT PC trên sản phẩm với cổng USB trên PC bằng cáp TOUCH OUT.



---

## Kết nối với máy tính xách tay hoặc máy tính bảng

Bạn có thể kết nối máy tính bảng hoặc máy tính xách tay với sản phẩm giống như cách kết nối máy tính để bàn.

-  Nếu điều khiển màn hình cảm ứng không khả dụng sau khi thiết bị được kết nối
  - Đảm bảo đã kết nối cáp HDMI hoặc HDMI-DVI trước khi kết nối cáp TOUCH OUT.
  - Nếu vẫn không thể sử dụng được điều khiển màn hình cảm ứng sau khi kết nối các cáp đúng cách, hãy ngắt kết nối cáp TOUCH OUT rồi kết nối lại.

# Đặt cấu hình thiết đặt màn hình cảm ứng

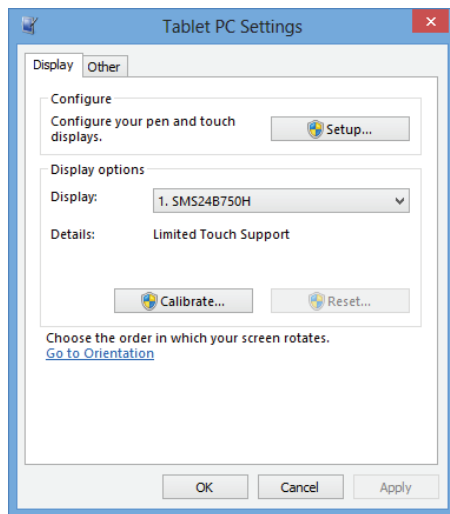
Để sử dụng đúng cách chức năng cảm ứng của sản phẩm trong Windows, đi tới **Thiết đặt Máy tính Bảng** và hiệu chuẩn sản phẩm.

- ✎ Trước tiên, kết nối màn hình cảm ứng trước khi đặt cấu hình thiết đặt sau đây.
- ✎ Số lượng màn hình cảm ứng tối đa có thể được kết nối đồng thời sẽ thay đổi tùy theo hệ điều hành và các cài đặt card đồ họa.
- ✎ Nếu không tìm thấy **Cài đặt Máy tính bảng** trong **Bảng điều khiển**, hãy tìm kiếm **Cài đặt Máy tính bảng** từ **Bảng điều khiển tìm kiếm**.
- ✎ Nếu sử dụng trong thiết lập nhiều màn hình, bạn phải nhớ cấu hình QMB-T là màn hình chính.

## Điều chỉnh

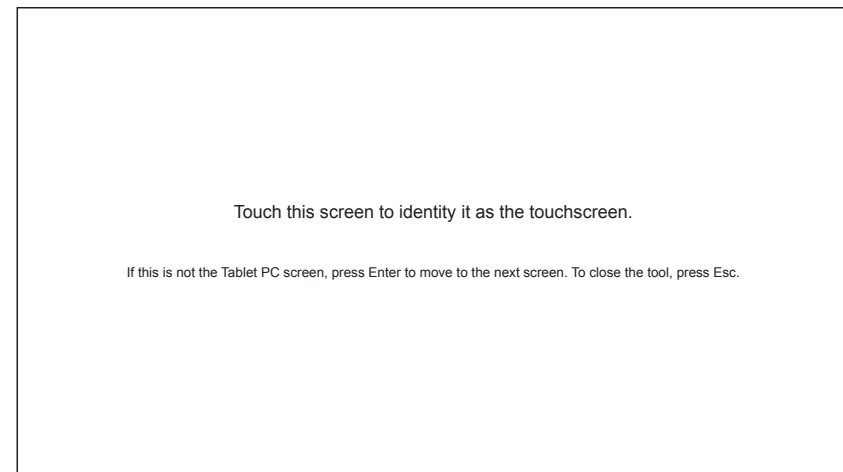
- ✎ Hướng dẫn bên dưới dành cho Windows 8. Phương pháp tương tự áp dụng cho cả Windows 7, Windows 8 và Windows 10.
- ✎ Sau khi thay đổi **Picture Size** từ menu OSD, bạn có thể phải điều chỉnh cài đặt hình ảnh lại.
- ✎ Tùy theo số lần xuất hiện lỗi khi hiệu chỉnh, hãy vào **Cài đặt máy tính bảng**. Trong tab **Hiển thị**, nhấn vào **Đặt lại** rồi hiệu chỉnh lại.

1 Trong tab **Màn hình**, chọn **Thiết lập** trong **Đặt cấu hình**.

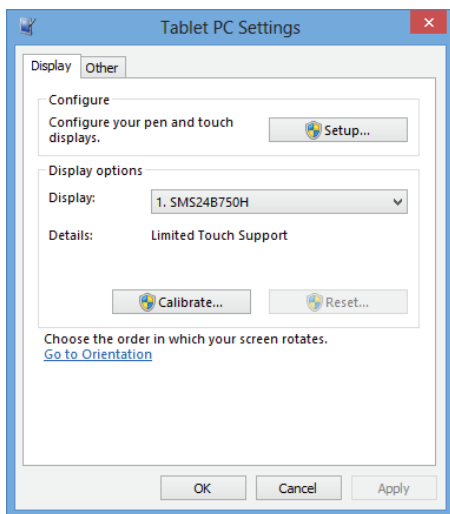


2 Dùng ngón tay chạm vào trang được hiển thị trên sản phẩm.

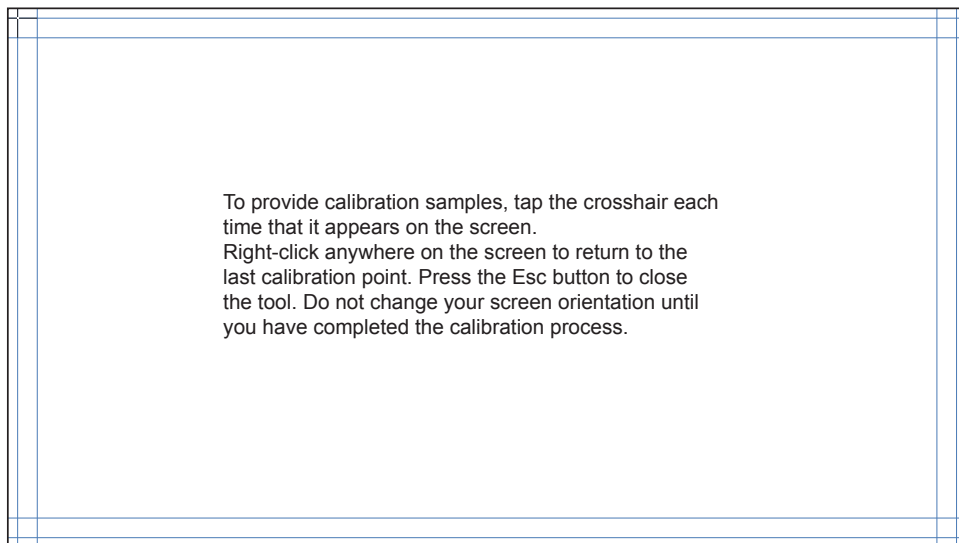
- ✎ Ở chế độ màn hình kép: Nếu trang sau đây không xuất hiện trên sản phẩm, hãy nhấn phím Enter để hiển thị trang.



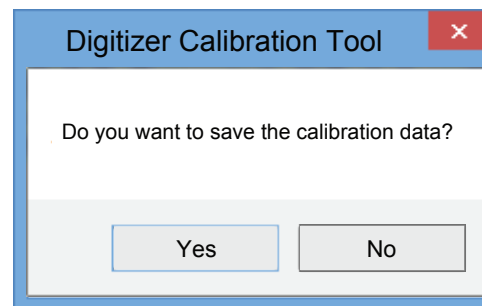
- 3 Chọn sản phẩm từ Màn hình trong **Hiển thị tùy chọn**. Tiếp theo, chọn **Điều chỉnh**.



- 4 Thực hiện điều chỉnh theo hướng dẫn trên màn hình như minh họa trong hình.

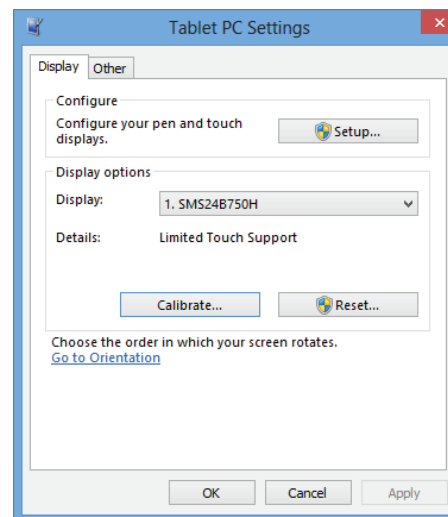


- 5 Sau khi hoàn tất điều chỉnh, thông báo **Bạn có muốn lưu dữ liệu điều chỉnh không?** xuất hiện. Chọn **Có**.



- 6 Màn hình cảm ứng đã được điều chỉnh thành công.

 Việc chọn **Đặt lại** sẽ xóa dữ liệu điều chỉnh.



# Chương 04

## Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

### Trước khi kết nối

#### Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

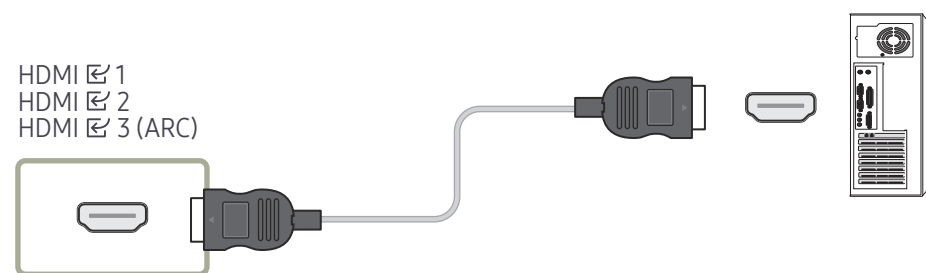
- ✎ Tham khảo hướng dẫn sử dụng của thiết bị nguồn mà bạn muốn kết nối. Số cổng và vị trí cổng có trên thiết bị nguồn có thể khác nhau tùy theo mẫu sản phẩm.
- ✎ Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối. Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.
- ✎ Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.
- ✎ Bạn nên sử dụng cáp đã được phê duyệt để kết nối cáp HDMI.

### Kết nối với máy tính

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác. Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
- Có thể kết nối máy tính với sản phẩm bằng nhiều cách. Sử dụng một phương pháp kết nối phù hợp với máy tính của bạn.

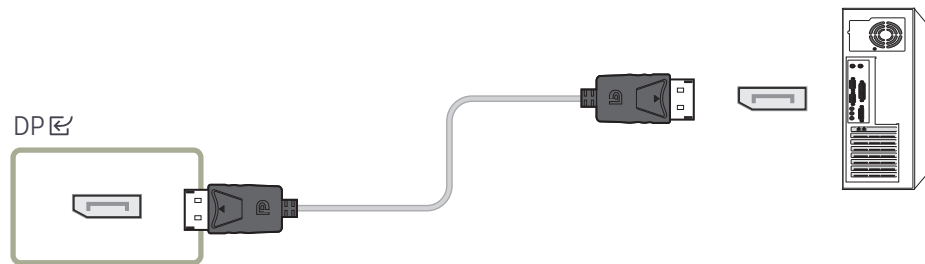
#### Kết nối sử dụng cáp HDMI






- ✎ Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



## Kết nối sử dụng cáp DP

 Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.




- Thận trọng khi sử dụng DP
-  Một số thẻ đồ họa không tương thích với chuẩn DP có thể ngăn màn hình Windows Booting/ Bios hiển thị khi sản phẩm ở chế độ tiết kiệm điện. Nếu trường hợp này xảy ra, hãy đảm bảo bật sản phẩm trước khi bật PC của bạn.
-  Việc sử dụng cáp DP không tuân thủ tiêu chuẩn VESA có thể làm cho sản phẩm bị hỏng. Samsung sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi sự cố phát sinh từ việc sử dụng cáp không tuân thủ tiêu chuẩn đó.
-  Đảm bảo bạn sử dụng cáp DP được chỉ định trong tiêu chuẩn VESA.
-  Để sử dụng độ phân giải tối ưu (3840 x 2160 @ 60Hz) khi nguồn vào là **DisplayPort**, bạn nên sử dụng cáp DP ngắn hơn 5m.
-  Việc tắt chế độ tiết kiệm năng lượng khi nguồn vào là **DisplayPort** có thể nhập thông tin độ phân giải mới và đặt lại kích thước hoặc vị trí của cửa sổ tác vụ.

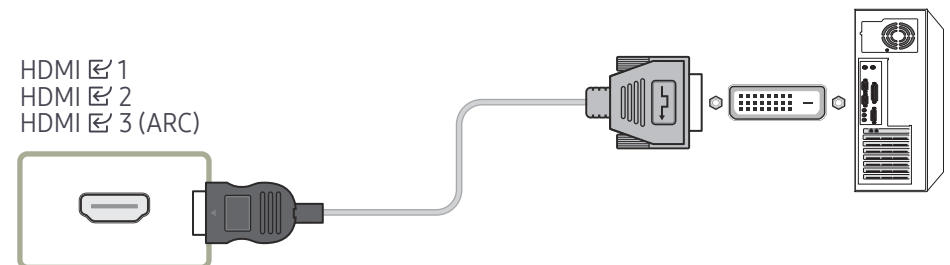
## Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

 Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

 Chỉ hỗ trợ âm thanh trên các mẫu sản phẩm hỗ trợ cổng AUDIO IN.

Sau khi kết nối máy tính với sản phẩm bằng cáp HDMI-DVI, đảm bảo đặt cấu hình cài đặt như hình vẽ dưới đây để bật video và âm thanh từ máy tính.

- **Menu → Sound → đặt HDMI Sound thành PC(DVI)**
  -  Cài đặt **Sound** có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu sản phẩm.
- **Menu → System → General → đặt HDMI Hot Plug thành Off**



## Kết nối với thiết bị video

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác. Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
- Bạn có thể kết nối một thiết bị video với sản phẩm bằng cách sử dụng cáp.

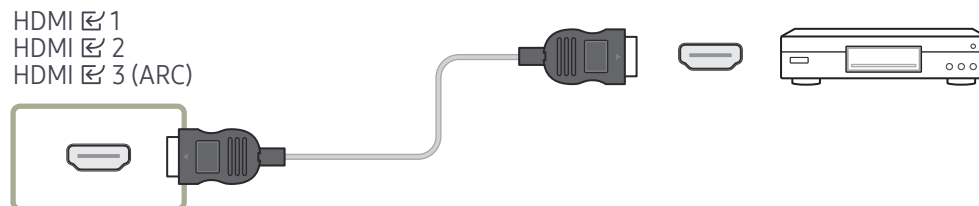
 Nhấn nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa để thay đổi nguồn.

### Sử dụng Cáp HDMI hoặc Cáp HDMI-DVI

- Cáp HDMI hỗ trợ tín hiệu âm thanh và video kỹ thuật số và không yêu cầu cáp âm thanh.
- Hình ảnh có thể không hiển thị bình thường (hoặc không hề có) hoặc âm thanh có thể không hoạt động nếu thiết bị ngoại vi sử dụng phiên bản cũ hơn của chế độ HDMI được kết nối với sản phẩm. Nếu sự cố này xảy ra, hãy hỏi nhà sản xuất thiết bị ngoại vi về phiên bản HDMI và nếu phiên bản này đã lỗi thời, hãy yêu cầu nâng cấp.
- Chắc chắn sử dụng cáp HDMI có độ dày không quá 14 mm.
- Chắc chắn mua cáp HDMI được chứng nhận. Nếu không, hình ảnh có thể không hiển thị hoặc lỗi kết nối có thể xảy ra.
- Bạn nên sử dụng cáp HDMI cơ bản tốc độ cao hoặc cáp có chức năng ethernet. Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng ethernet qua HDMI.

## Kết nối sử dụng cáp HDMI

 Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



## Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

 Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

- Âm thanh sẽ không được kích hoạt nếu kết nối sản phẩm với một thiết bị video sử dụng cáp HDMI-DVI. Để xử lý vấn đề này, hãy kết nối thêm cáp âm thanh với các cổng âm thanh trên sản phẩm và thiết bị video.
- Sau khi kết nối thiết bị video với sản phẩm bằng cáp HDMI-DVI, đảm bảo đặt cấu hình cài đặt như hình vẽ dưới đây để bật video và âm thanh từ thiết bị video. Bạn có thể sử dụng cổng DVI trên sản phẩm làm cổng HDMI bằng cách sử dụng bộ điều hợp DVI-HDMI.

– **Menu** → **Sound** → đặt **HDMI Sound** thành **AV(HDMI)**

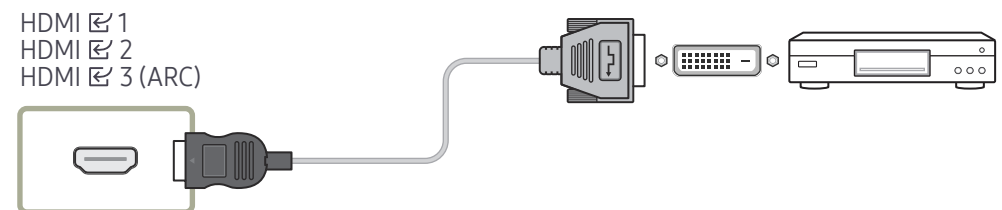
 Cài đặt **Sound** có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu sản phẩm.

– **Menu** → **System** → **General** → đặt **HDMI Hot Plug** thành **On**

 Hỗ trợ độ phân giải 1080p (50/60Hz), 720p (50/60Hz), 480p, và 576p.

 Các kiểu máy được trang bị UHD có thể hỗ trợ tối đa UHD 30 Hz.

 Đảm bảo kết nối các đầu nối cùng màu với nhau. (trắng với trắng, đỏ với đỏ, v.v.)



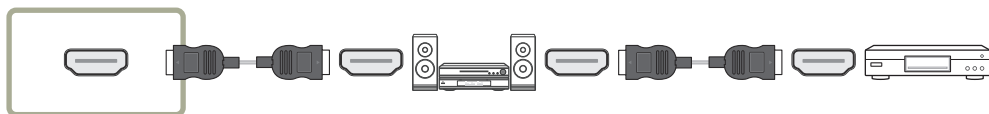


## Kết nối HDMI với hệ thống Âm thanh và thiết bị Video

- ✎ Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.  
Sau khi kết nối thiết bị video với sản phẩm bằng cách sử dụng Cổng SOUND BAR HDMI và cáp HDMI-DVI, hãy đảm bảo cấu hình các cài đặt như dưới đây.

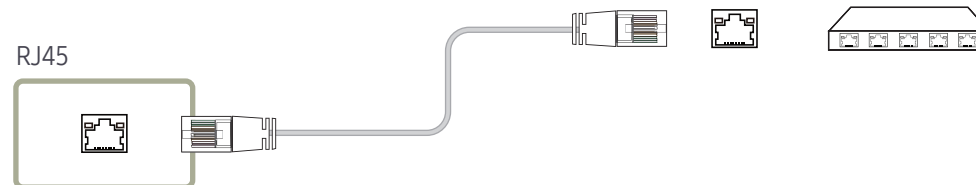
Menu → System → General → đặt **HDMI Hot Plug** thành **Off**

HDMI 3 (ARC)



## Kết nối với Cáp LAN

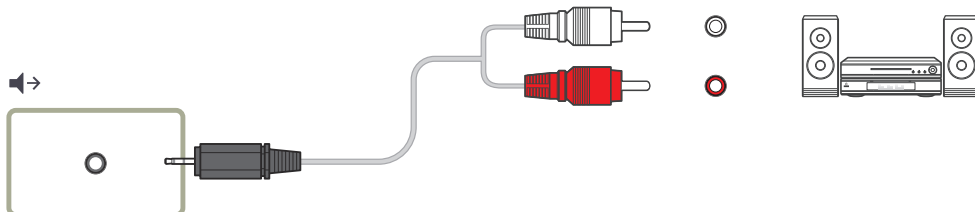
- ✎ Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



- Sử dụng cáp Cat 7(loại \*STP) để kết nối. (10/100 Mbps)  
\*Shielded Twist Pair

## Kết nối với Hệ thống âm thanh

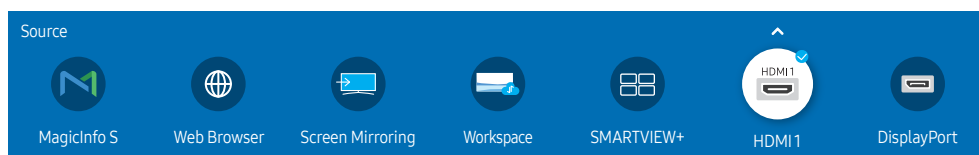
- ✎ Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.  
✎ Đảm bảo kết nối các đầu nối cùng màu với nhau. (trắng với trắng, đỏ với đỏ, v.v.)



# Thay đổi Nguồn vào

## Source

SOURCE



Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

**Source** cho phép bạn chọn nhiều nguồn khác nhau và thay đổi tên thiết bị nguồn.

Bạn có thể hiển thị màn hình thiết bị nguồn được kết nối với sản phẩm. Chọn một nguồn từ Source List (Danh sách nguồn) để hiển thị màn hình của nguồn được chọn.

Bạn cũng có thể thay đổi nguồn vào bằng cách sử dụng nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa.

Có thể màn hình sẽ hiển thị không đúng nếu chọn một nguồn không đúng cho thiết bị nguồn bạn muốn chuyển sang.

## Edit

SOURCE → ▲ → **Edit** → ENTER

Chỉnh sửa tên và loại thiết bị của thiết bị ngoại vi được kết nối.

- Danh sách có thể bao gồm các thiết bị nguồn sau. Các thiết bị nguồn trong danh sách khác nhau tùy thuộc vào nguồn được chọn.

**HDMI 1 / HDMI 2 / HDMI 3 / DisplayPort / Cable Box / Game Console / PC / Blu-ray player**

Các thiết bị nguồn sẵn có có thể thay đổi tùy theo sản phẩm.

- Bạn không thể chỉnh sửa các nguồn sau.

**MagicInfo S / Web Browser / Screen Mirroring / Workspace / SMARTVIEW+**

Các mục menu có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.



## Web Browser

SOURCE →  Web Browser → ENTER 

 Kết nối mạng để truy cập Internet trên sản phẩm hệt như truy cập Internet trên máy tính.

 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

## Settings

SOURCE →  Web Browser → ▲ → Settings → ENTER 

### Refresh Interval

Đặt thời gian trình duyệt web cần chờ trước khi quay lại trang chủ.

- Off / 5 min / 10 min / 15 min / 30 min

### Zoom

Đặt tỷ lệ thu phóng sẽ áp dụng khi trình duyệt web được làm mới.

- 50% / 75% / 100% / 125% / 150% / 200% / 300%

### Home Page

Đặt trang web sẽ hiển thị khi trình duyệt web được làm mới.

- Samsung Display / Custom

### Custom

Nhập URL để đặt làm trang chủ.

- Enter URL

 Chỉ khả dụng khi Home Page được đặt thành Custom.

## Advanced Settings

### General

Ẩn các Tab hoặc Thanh công cụ tự động	Nếu các tab trình duyệt, trình đơn hoặc thanh công cụ không được sử dụng trong một lúc, chúng sẽ tự động biến mất. Để làm chúng xuất hiện lại, hãy di chuyển con trỏ hoặc tiêu điểm đến đầu màn hình. <ul style="list-style-type: none"><li>• Sử dụng / Không sử dụng</li></ul>
Ẩn con trỏ ở chế độ cảm ứng	Ẩn con trỏ để tránh gây nhiễu khi thực hiện thao tác chạm. <ul style="list-style-type: none"><li>• Sử dụng / Không sử dụng</li></ul>
Trình chặn Cửa sổ bật lên	Giúp cho trải nghiệm duyệt web của bạn trở nên dễ chịu hơn bằng cách chặn cửa sổ bật lên. <ul style="list-style-type: none"><li>• Sử dụng / Không sử dụng</li></ul>
Proxy Server	Định cấu hình máy chủ proxy cho trình duyệt web. <ul style="list-style-type: none"><li>• Sử dụng / Không sử dụng</li></ul>
Đặt lại Cài đặt	Tất cả cài đặt Trình duyệt web đã tùy chỉnh của bạn sẽ được đặt lại về giá trị mặc định. Các đánh dấu và lịch sử của bạn sẽ không bị ảnh hưởng.

### Search Engine

Nếu bạn nhập từ khóa vào trường nhập URL/từ khóa, Trình duyệt web sẽ mở trang Kết quả Tìm kiếm. Chọn công cụ tìm kiếm mà bạn muốn sử dụng.

- Google / Bing




Privacy & Security	
Không theo dõi	Yêu cầu các trang web không theo dõi bạn. <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng / Không sử dụng</li> </ul>
Xóa lịch sử	Xóa toàn bộ lịch sử duyệt web của bạn.
JavaScript	Cho phép tất cả các trang chạy JavaScript để có trải nghiệm duyệt tốt hơn. <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng / Không sử dụng</li> </ul>
Xóa dữ liệu duyệt	Xóa tất cả dữ liệu duyệt như cookie, hình ảnh và dữ liệu trong bộ nhớ cache. Các đánh dấu và lịch sử của bạn sẽ không bị ảnh hưởng.
Chặn cookie của bên thứ ba	Chặn các trang web của bên thứ ba lưu và đọc dữ liệu cookie. Các tính năng trên một số trang web có thể không hoạt động. <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng / Không sử dụng</li> </ul>
Encoding	
Encoding	Chọn một phương pháp mã hóa cho các trang web. Cài đặt hiện tại là Tự động. <ul style="list-style-type: none"> <li>Tự động / Thủ công (Hiện tại: Unicode)</li> </ul>
Giới thiệu	
Hiển thị phiên bản hiện tại của Trình duyệt web.	

## Đọc trước khi sử dụng chức năng Web Browser

Đọc thông tin này trước khi sử dụng chức năng Web Browser.


- Tập tin tải về không được hỗ trợ.
- Chức năng **Web Browser** có thể không truy cập được một số trang web nhất định, bao gồm những trang web do một số công ty nhất định vận hành.
- Sản phẩm không hỗ trợ phát lại các video flash.
- Không hỗ trợ E-commerce để mua hàng trực tuyến.
- Không hỗ trợ ActiveX.
- Chỉ có một số phong chữ giới hạn được hỗ trợ. Các ký tự và biểu tượng nhất định có thể không hiển thị đúng.
- Đáp ứng đối với một lệnh điều khiển từ xa và hiển thị trên màn hình có thể bị trễ khi đang tải một trang web.
- Quá trình tải một trang web có thể bị chậm trễ hoặc ngưng hoàn toàn phụ thuộc vào tình trạng của các hệ thống tham gia.
- Không hỗ trợ thao tác sao chép và dán.
- Khi soạn một email hay một tin nhắn đơn giản, các chức năng nhất định như kích thước phông chữ và lựa chọn màu sắc có thể không khả dụng.
- Số lượng trang đánh dấu và kích thước tập tin bị giới hạn khi lưu.
- Số lượng cửa sổ có thể mở cùng lúc bị hạn chế.
- Tốc độ duyệt web sẽ thay đổi tùy theo môi trường mạng.
- Lịch sử duyệt web được lưu theo thứ tự từ mới nhất đến cũ nhất, các mục cũ nhất sẽ bị ghi đè đầu tiên.
- Tùy theo bộ giải mã video/âm thanh được hỗ trợ, bạn có thể không phát lại được một số tệp âm thanh và video HTML5 nhất định.
- Các nguồn video từ các nhà cung cấp dịch vụ luồng tín hiệu tối ưu hóa cho PC có thể không phát được bình thường trên trình duyệt **Web Browser** độc quyền của chúng tôi.

## Workspace

-  Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.
-  Hãy đảm bảo đã kết nối sản phẩm với mạng.
-  Hãy nhớ kết nối bàn phím và chuột trước khi khởi động chức năng này.

SOURCE →  **Workspace** → ENTER 

Truy cập vào PC từ xa và tài nguyên công việc của bạn bằng tính năng này.

- **Window PC**  
**Remote PC:** Chức năng này cho phép bạn kết nối sản phẩm của mình với PC từ xa hoặc máy chủ đám mây.  
**Screen Sharing:** Chia sẻ màn hình PC chạy Windows với thiết bị.  
 Chỉ hỗ trợ máy tính hoặc Máy chủ đám mây chạy macOS/Windows 7 Pro trở lên.
- **Mac**  
**Remote Login:** Kết nối với Mac của bạn qua Đăng nhập Từ xa.
- **Samsung DeX:** Kết nối với thiết bị di động Samsung từ thiết bị của bạn.
- **Microsoft 365:** Cộng tác với các phiên bản trực tuyến của Microsoft 365.
- **VMware Horizon:** Cho phép các doanh nghiệp đang vận hành cơ sở hạ tầng VMware truy cập vào **VMware Horizon** bằng tài khoản Horizon.

## SMARTVIEW+

SOURCE →  **SMARTVIEW+** → ENTER 

- Bạn có thể xem nhiều mục nội dung thông qua **SMARTVIEW+**.
- Để bắt đầu chức năng, chọn **SMARTVIEW+**, sau đó chọn nội dung để thêm trong Chọn nội dung hoặc chọn một kết hợp mong muốn trong Cài đặt sẵn ở đầu **SMARTVIEW+**. Hoặc chạy tính năng chia sẻ màn hình cho thiết bị di động.

## Screen Mirroring

SOURCE →  **Screen Mirroring** → ENTER 

Làm theo hướng dẫn trên màn hình để điều chỉnh cài đặt PC và kết nối không dây sản phẩm với PC.

# Chương 05

## Điều khiển Nhiều Màn hình

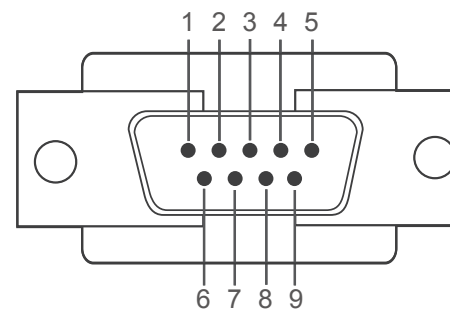
Điều khiển nhiều thiết bị hiển thị được kết nối đồng thời với PC.

### Kết nối cáp

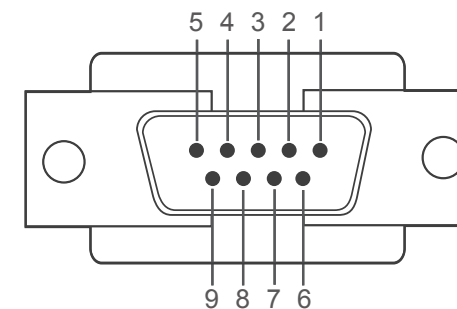
#### Cáp RS232C

Giao diện	RS232C (9 chốt)
Chốt	TxD (Số 2), RxD (Số 3), GND (Số 5)
Tốc độ bit	9600 bit/giây
Số bit dữ liệu	8 bit
Chặn lẻ	Không
Bit dừng	1 bit
Điều khiển luồng dữ liệu	Không
Độ dài tối đa	15 m (chỉ đối với loại có tấm chắn)

- Gán chốt



<Loại cổng đực>

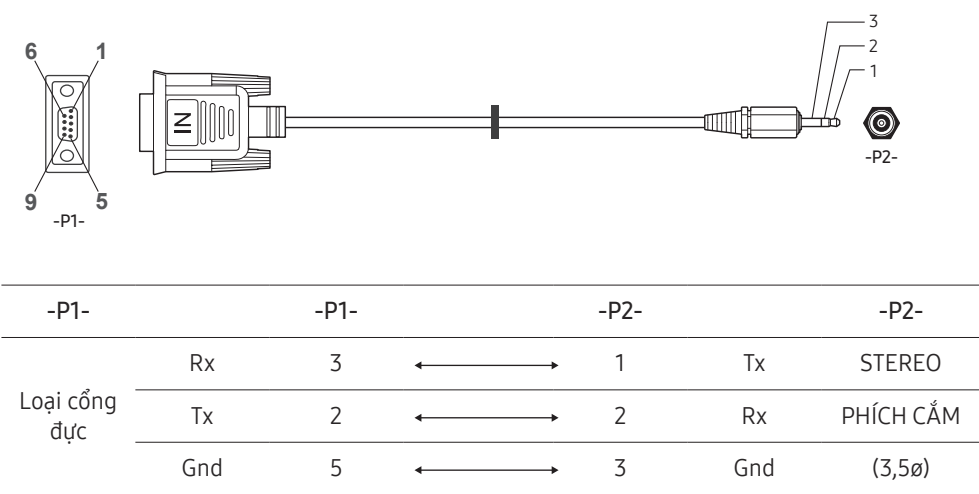


<Loại cổng cái>

Chốt	Tín hiệu
1	Dò đường truyền dữ liệu
2	Dữ liệu thu được
3	Dữ liệu truyền đi
4	Chuẩn bị cổng dữ liệu
5	Tín hiệu tiếp đất

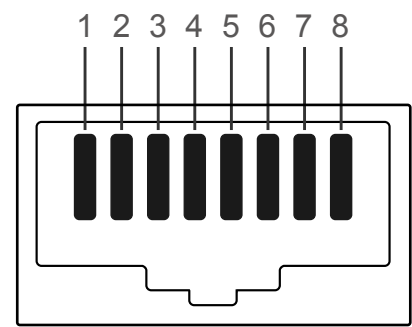
Chốt	Tín hiệu
6	Chuẩn bị gói dữ liệu
7	Gửi yêu cầu
8	Tín hiệu đã rõ ràng để gửi đi
9	Chỉ báo chuông

- Cáp RS232C  
Bộ kết nối: D-Sub 9 chốt với cáp stereo



## Cáp mạng LAN

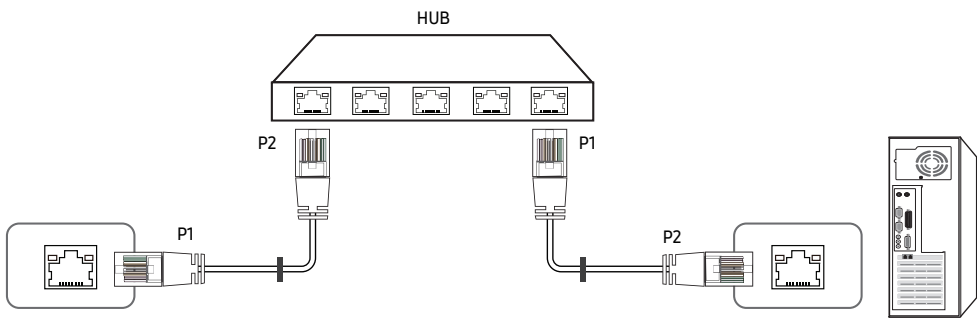
- Gán chốt



Số chốt	Màu chuẩn	Tín hiệu
1	Trắng và cam	TX+
2	Màu cam	TX-
3	Trắng và xanh lá	RX+
4	Xanh dương	NC
5	Trắng và xanh dương	NC
6	Xanh lá	RX-
7	Trắng và nâu	NC
8	Nâu	NC

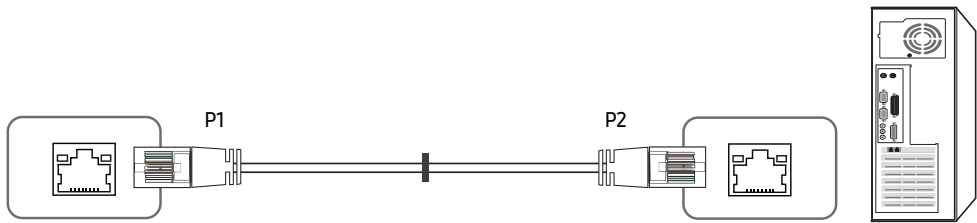
- Bộ kết nối: RJ45

Cáp LAN trực tiếp (PC đến HUB)



Tín hiệu	P1		P2	Tín hiệu
TX+	1	↔	1	TX+
TX-	2	↔	2	TX-
RX+	3	↔	3	RX+
RX-	6	↔	6	RX-

Cáp LAN chéo (PC đến LFD)



Tín hiệu	P1		P2	Tín hiệu
TX+	1	↔	3	RX+
TX-	2	↔	6	RX-
RX+	3	↔	1	TX+
RX-	6	↔	2	TX-

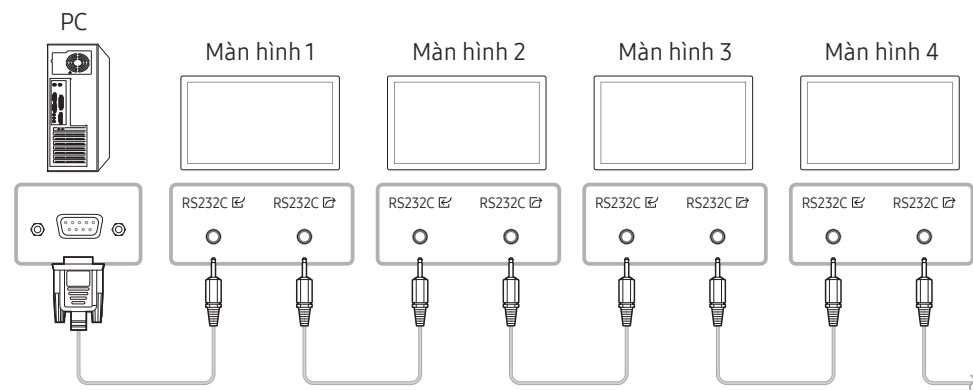


## Kết nối

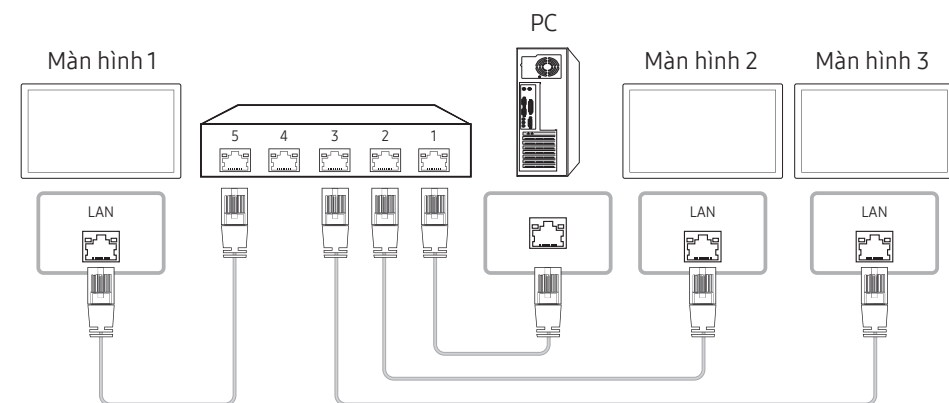
✎ Đảm bảo là bạn kết nối mỗi bộ điều hợp với đúng cổng RS232C trên sản phẩm.

✎ Linh kiện kết nối có thể thay đổi tùy theo kiểu máy.

- Kết nối 1



- Kết nối 2



## Các mã điều khiển

### Xem trạng thái điều khiển (Nhận lệnh điều khiển)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	Loại lệnh		0	

### Điều khiển (Cài đặt lệnh điều khiển)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	Loại lệnh		1	Giá trị	

## Lệnh

Không.	Loại lệnh	Lệnh	Dãy giá trị
1	Điều khiển nguồn	0x11	0~1
2	Điều khiển âm lượng	0x12	0~100
3	Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào	0x14	-
4	Điều khiển kích thước màn hình	0x19	0~255
5	Điều khiển chế độ tường video	0x5C	0~1
6	Khóa an toàn	0x5D	0~1
7	Bật Tường Video	0x84	0~1
8	Điều khiển người dùng Tường Video	0x89	-

- Toàn bộ liên lạc diễn ra bằng giá trị thập lục phân. Kiểm tra tổng được tính bằng cách cộng toàn bộ giá trị trừ phần đầu trang. Nếu kiểm tra tổng cộng thêm hơn 2 chữ số như hiển thị dưới đây (11+FF+01+01=112), thì chữ số đầu tiên sẽ bị gỡ bỏ.

Ví dụ: Power On (Bật nguồn) & ID=0

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu 1	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		1	"Power"	

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu 1	12
0xAA	0x11		1	1	

- Để điều khiển toàn bộ thiết bị kết nối với một cáp tuần tự liên tục không kể ID, hãy đặt ID là "0xFE" và truyền lệnh. Các lệnh được tiến hành bởi mỗi thiết bị nhưng ACK không phản ứng.

## Điều khiển nguồn

- Tính năng  
Có thể bật và tắt nguồn sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn (Get Power ON / OFF Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		0	

- Cài đặt nguồn BẬT/TẮT (Set Power ON / OFF)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		1	"Power"	

"Power": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

1: Bật nguồn

0: Tắt nguồn

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x11	"Power"	

"Power": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x11	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

## Điều khiển âm lượng

- Tính năng  
Có thể điều chỉnh âm lượng của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái âm lượng (Get Volume Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x12		0	

- Cài đặt âm lượng (Set Volume)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x12		1	"Volume"	

"Volume": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x12	"Volume"	

"Volume": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x12	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

### Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào

- Tính năng  
Có thể thay đổi nguồn vào của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn tín hiệu đầu vào (Get Input Source Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x14		0	

- Cài đặt nguồn tín hiệu đầu vào (Set Input Source)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x14		1	"Input Source"	

"Input Source": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

0x18	DVI
0x0C	Nguồn tín hiệu vào
0x20	MagicInfo
0x1F	DVI_video
0x21	HDMI1
0x22	HDMI1_PC
0x23	HDMI2
0x24	HDMI2_PC
0x25	DisplayPort

 Bạn không thể sử dụng DVI\_video, HDMI1\_PC và HDMI2\_PC bằng lệnh Cài đặt. Chúng chỉ phản ứng với lệnh "Get" (Lấy).

 **MagicInfo** chỉ khả dụng với mẫu có chức năng **MagicInfo**.

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x14	"Input Source"	

"Input Source": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x14	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

## Điều khiển kích thước màn hình

- Tính năng  
Có thể thay đổi kích cỡ màn hình của sản phẩm bằng PC.
- Xem kích thước màn hình (Get Screen Size Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x19		0	

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x19	"Screen Size"	

"Screen Size": kích cỡ màn hình sản phẩm (phạm vi: 0 - 255, đơn vị: inch)

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x19	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển chế độ Video Wall

- Tính năng  
Chế độ **Video Wall** có thể được kích hoạt trên sản phẩm bằng cách sử dụng PC.  
Điều khiển này chỉ khả dụng trên sản phẩm được bật **Video Wall**.
- Xem chế độ tường video (Get Video Wall Mode)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5C		0	

- Cài đặt tường video (Set Video Wall Mode)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5C		1	"Video Wall Mode"	

"Video Wall Mode": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

1: **Full**

0: **Natural**

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5C	"Video Wall Mode"	

"Video Wall Mode": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5C	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Khóa an toàn

- Tính năng  
Bạn có thể sử dụng PC để bật hoặc tắt chức năng **Safety Lock On** trên sản phẩm.  
Tính năng này vẫn hoạt động không kể bật hay tắt nguồn điện.
- Xem trạng thái khóa an toàn (Get Safety Lock Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5D		0	

- Kích hoạt hoặc tắt kích hoạt khóa an toàn (Set Safety Lock Enable / Disable)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5D		1	"Safety Lock"	

"Safety Lock": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

1: BẬT

0: TẮT

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5D	"Safety Lock"	

"Safety Lock": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x5D	"ERR"	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Bật Tường Video

- Tính năng  
Máy tính cá nhân BẬT/TẮT Tường Video của sản phẩm.  
Điều khiển này chỉ khả dụng trên sản phẩm được bật **Video Wall**.
- Nhận trạng thái bật/tắt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x84		0	

- Cài đặt bật/tắt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x84		1	V.Wall_On	

- V.Wall\_On: Mã Tường Video sẽ cài đặt trên sản phẩm

1: Tường Video BẬT

0: Tường Video TẮT

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x84	V.Wall_On	

V.Wall\_On : Giống như trên

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x84	ERR	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

## Điều khiển người dùng Tường Video

- Tính năng  
Máy tính cá nhân bật/tắt chức năng Tường Video của sản phẩm.  
Điều khiển này chỉ khả dụng trên sản phẩm được bật **Video Wall**.

- Nhận trạng thái Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x89		0	

- Cài đặt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Val1	Val2	Kiểm tra tổng
0xAA	0x89		2	Wall_Div	Wall_SNo	

Wall\_SNo: Mã số sản phẩm được cài đặt trên sản phẩm

Mẫu Tường Video 10x10 : (1 ~ 100)	
Số thứ tự	Dữ liệu
1	0x01
2	0x02
...	...
99	0x63
100	0x64

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Val2	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		4	'A'	0x89	Wall_Div	Wall_SNo	

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Val1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x89	ERR	

"ERR": Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Wall\_Div: Mã bộ chia Tường Video được cài đặt trên sản phẩm



Mẫu Tường Video 10x10															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tất	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00
1	0x11	0x12	0x13	0x14	0x15	0x16	0x17	0x18	0x19	0x1A	0x1B	0x1C	0x1D	0x1E	0x1F
2	0x21	0x22	0x23	0x24	0x25	0x26	0x27	0x28	0x29	0x2A	0x2B	0x2C	0x2D	0x2E	0x2F
3	0x31	0x32	0x33	0x34	0x35	0x36	0x37	0x38	0x39	0x3A	0x3B	0x3C	0x3D	0x3E	0x3F
4	0x41	0x42	0x43	0x44	0x45	0x46	0x47	0x48	0x49	0x4A	0x4B	0x4C	0x4D	0x4E	0x4F
5	0x51	0x52	0x53	0x54	0x55	0x56	0x57	0x58	0x59	0x5A	0x5B	0x5C	0x5D	0x5E	0x5F
6	0x61	0x62	0x63	0x64	0x65	0x66	0x67	0x68	0x69	0x6A	0x6B	0x6C	0x6D	0x6E	0x6F
7	0x71	0x72	0x73	0x74	0x75	0x76	0x77	0x78	0x79	0x7A	0x7B	0x7C	0x7D	0x7E	N/A
8	0x81	0x82	0x83	0x84	0x85	0x86	0x87	0x88	0x89	0x8A	0x8B	0x8C	N/A	N/A	N/A
9	0x91	0x92	0x93	0x94	0x95	0x96	0x97	0x98	0x99	0x9A	0x9B	N/A	N/A	N/A	N/A
10	0xA1	0xA2	0xA3	0xA4	0xA5	0xA6	0xA7	0xA8	0xA9	0xAA	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
11	0xB1	0xB2	0xB3	0xB4	0xB5	0xB6	0xB7	0xB8	0xB9	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
12	0xC1	0xC2	0xC3	0xC4	0xC5	0xC6	0xC7	0xC8	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
13	0xD1	0xD2	0xD3	0xD4	0xD5	0xD6	0xD7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
14	0xE1	0xE2	0xE3	0xE4	0xE5	0xE6	0xE7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
15	0xF1	0xF2	0xF3	0xF4	0xF5	0xF6	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A




## Sử dụng MDC

Điều khiển nhiều màn hình "MDC" là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính.



Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình. Chương trình MDC có sẵn trên trang web. (<http://displaysolutions.samsung.com>)





-  Nếu bạn nhấn nút **On** hoặc **Off** nằm ở phía trên cùng bên trái màn hình, sản phẩm sẽ kiểm tra trạng thái trong khoảng 1 phút. Để chạy các lệnh khác, hãy thử sau 1 phút.
-  Để biết chi tiết về cách kết nối các thiết bị với ứng dụng điều khiển nhiều màn hình, hãy tham khảo trang [41](#).

## Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC

 Các bước cài đặt và gỡ cài đặt có thể khác nhau tùy theo hệ điều hành.

### Cài đặt

-  Việc cài đặt MDC có thể bị ảnh hưởng bởi thẻ đồ họa, bản mạch chủ và điều kiện mạng.
- Nhấp chuột vào chương trình cài đặt **MDC Unified**.
  - Nhấp **"Next"**.
  - Khi màn hình **"Welcome to the InstallShield Wizard for MDC\_Unified"** xuất hiện, nhấp vào **"Next"**.
  - Trong cửa sổ **"License Agreement"** được hiển thị, chọn **"I accept the terms in the license agreement"** và nhấp **"Next"**.
  - Trên cửa sổ **"Customer Information"** được hiển thị, điền đầy đủ các trường thông tin và nhấp chuột vào **"Next"**.
  - Trong cửa sổ **"Destination Folder"** được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào **"Next"**.
    -  Nếu không chỉ định đường dẫn thư mục, chương trình sẽ được cài đặt ở đường dẫn thư mục mặc định.

- Trong cửa sổ **"Ready to Install the Program"** được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào **"Install"**.
- Tiến độ cài đặt sẽ được hiển thị.
- Nhấp chuột vào **"Finish"** trên cửa sổ **"InstallShield Wizard Complete"** được hiển thị.
  -  Chọn **"Launch the program"** và nhấp vào **"Finish"** để chạy chương trình MDC ngay lập tức.
- Biểu tượng đường dẫn tắt **MDC Unified** sẽ được tạo ra trên màn hình sau khi cài đặt.
  -  Biểu tượng cài đặt MDC có thể không được hiển thị tùy thuộc vào hệ thống PC hoặc thông số kỹ thuật của sản phẩm.
  -  Nhấn phím F5 nếu biểu tượng cài đặt không được hiển thị.
  -  ID và mật khẩu mặc định là "admin" và "admin".

### Gỡ bỏ

- Chọn **Thiết lập** → **Pa-nen điều khiển** trên trình đơn **Bắt đầu** và nhấp đúp vào **Thêm/Xóa chương trình**.
- Chọn **MDC Unified** từ danh sách và bấm vào **Thay đổi/Loại bỏ**.

# Chương 06

## Tính năng Player

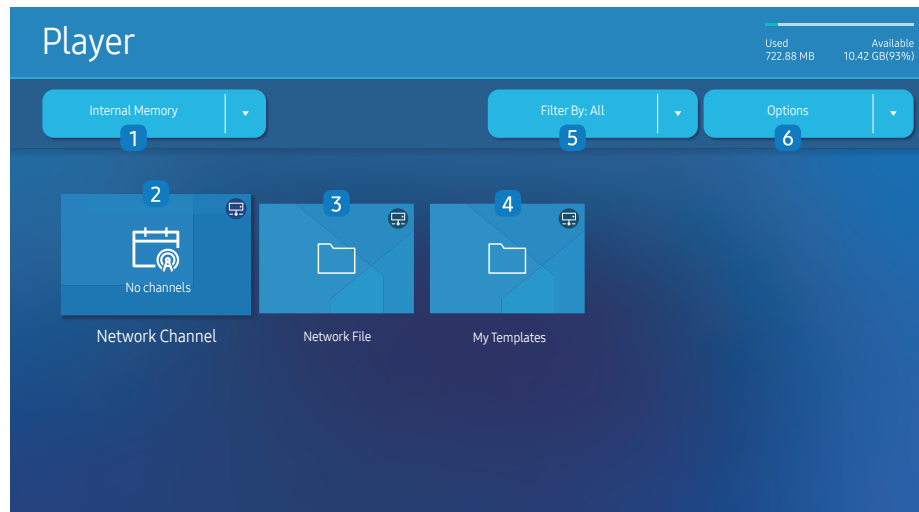
Có thể truy cập bằng nút HOME trên điều khiển từ xa.

### Player

HOME  → **Player** → ENTER 


Phát một loạt nội dung như các kênh truyền hình với lịch chiếu, mẫu hoặc tệp.

 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

 Bạn phải chọn **Clock Set** trước khi sử dụng tính năng này.

Không.	Mô tả
1	Chọn giữa bộ nhớ trong hoặc bộ nhớ ngoài.
2	<p>Phát nội dung, mẫu và lịch biểu được đặt cấu hình trên máy chủ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Bạn có thể xem liệu máy chủ có được kết nối (phê duyệt) trên màn hình <b>Player</b> không. Để xem liệu máy chủ có được kết nối khi đang chạy Network Channel hay không, hãy nhấn <b>INFO</b> trên điều khiển từ xa.</li></ul> <p>1 Chọn <b>Network Channel</b> từ màn hình <b>Player</b>. Thông báo <b>No channels</b> sẽ xuất hiện nếu không có kênh nào được đăng ký trong <b>Network Channel</b>.</p> <p>2 <b>Network Channel</b> sẽ chạy.</p>
3	Phát nội dung được lưu trữ trên máy chủ.
4	<p>Phát các mẫu lưu trong thư mục <b>My Templates</b> trong Bộ nhớ trong.</p> <p> Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.</p>
5	Chọn loại nội dung làm tiêu chí tìm kiếm danh sách nội dung mong muốn.
6	Đặt các tùy chọn khác nhau cho <b>Player</b> .

### Xem nội dung

- 1 Chọn bộ nhớ trong hoặc bộ nhớ ngoài. Các tệp được lưu trong bộ nhớ đã chọn xuất hiện.
- 2 Chọn tệp mong muốn. Nội dung xuất hiện trên màn hình. (Để có thêm thông tin về các định dạng tệp tương thích, hãy xem mục “Các định dạng tệp tương thích với Trình phát”).

# Khi nội dung đang chạy

## Các nút điều khiển trên điều khiển từ xa

Bạn có thể phát, tạm dừng hoặc bỏ qua nội dung trong danh sách phát bằng cách nhấn các nút trên điều khiển từ xa.

Nút	Tính năng
TOOLS	Hiển thị thanh trình đơn.
INFO	Hiển thị thông tin chung về nội dung.
▶	Đi đến tệp hoặc trang tiếp theo.
◀	Đi đến tệp hoặc trang trước.
⏮ / ▶ / ⏸	Phát hoặc tạm dừng trình chiếu slide hoặc nội dung video.
■	Ngừng hiển thị nội dung và đi đến màn hình <b>Player</b> .
◀◀	Tua lại nội dung video.
▶▶	Tua đi nhanh nội dung video.

- ✎ Nếu chỉ có một tệp ảnh trong Bộ nhớ trong hoặc USB, Trình chiếu slide sẽ không phát.
- ✎ Nếu tên thư mục trên USB quá dài, bạn sẽ không chọn được thư mục đó.
- ✎ Tùy chọn **Portrait** cho **Content Orientation** không hoạt động với các nội dung có độ phân giải cao hơn 3840 x 2160.
- ✎ **Content Size** cho video có độ phân giải cao hơn 3840 x 2160 chỉ hỗ trợ **Full Screen**.

# Trình đơn khả dụng

Nhấn nút **TOOLS** trên điều khiển từ xa trong khi phát lại nội dung để đặt cấu hình các cài đặt.

Menu	Mô tả
<b>Playlist</b>	Xem danh sách các mục nội dung hiện đang phát.
<b>Web Element Zoom</b>	50 / 100 / 200 / 300
<b>Sound Mode</b>	Tùy chỉnh cài đặt âm thanh cho nội dung hiện đang phát.
<b>Repeat All / Repeat One</b>	Đặt chế độ lặp lại.
<b>Background Music</b>	Đặt nhạc nền sẽ phát khi nội dung đang chạy.
<b>Reset</b>	Đặt lại nhạc nền.
<b>Pause</b>	Tạm dừng nhạc nền.
<b>Prev</b>	Phát nhạc nền trước trong danh sách.
<b>Next</b>	Phát nhạc nền tiếp theo trong danh sách.

- ✎ **Reset, Pause, Prev, Next** chỉ xuất hiện khi nhạc nền được đặt.
- ✎ Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

## Định dạng tệp tương thích với Player

- Các hệ thống tệp được hỗ trợ bao gồm FAT32 và NTFS.
- Không thể phát tệp có độ phân giải dọc và ngang lớn hơn độ phân giải tối đa. Kiểm tra độ phân giải dọc và ngang của tệp.
- Kiểm tra video được hỗ trợ, loại và phiên bản codec âm thanh.
- Kiểm tra phiên bản tệp được hỗ trợ.
  - ✎ Hỗ trợ phiên bản PowerPoint lên tới 97 – 2013
- ✎ Để truyền tệp giữa USB-**Internal Memory**, nhấp vào **Options** → **Send**. Chờ khoảng 50 giây trước khi thông báo **OK** xuất hiện.
  - Vị trí tệp mẫu
    - Truyền giữa **Internal Memory** → USB : USB → dưới thư mục MagicinfoSlide
    - Truyền giữa USB → **Internal Memory** : **Internal Memory** → dưới thư mục My Templates
  - Vị trí các tệp khác (không phải là tệp mẫu)
    - Truyền giữa **Internal Memory** → USB : USB → dưới thư mục MagicinfoSlide
    - Truyền giữa USB → **Internal Memory** : Dưới thư mục gốc
- ✎ Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

## Lịch biểu mạng đa khung hình

### Giới hạn phát lại

- Có thể phát đồng thời từ 1 đến 3 tệp video FHD hoặc mỗi lần chỉ phát một tệp video UHD và một tệp video FHD. Trong chế độ phát theo chiều dọc, có thể phát đồng thời 3 tệp video FHD hoặc mỗi lần chỉ phát một tệp video UHD.
- Đối với tệp **Office** (tệp PPT và Word) và tệp **PDF**, chỉ hỗ trợ một kiểu tệp một lúc.
- Không hỗ trợ tệp LFD(\*.LFD).
- Không hỗ trợ nội dung có độ phân giải cao hơn 3840 x 2160.

### Giới hạn đầu ra âm thanh

- Không thể sử dụng nhiều hơn một đầu ra âm thanh.
- Ưu tiên phát lại: BGM mạng → BGM cục bộ → tệp video trong khung hình chính do người dùng chọn
  - ✎ BGM mạng: Có thể cấu hình cài đặt khi tạo một lịch biểu máy chủ.
  - ✎ BGM cục bộ: Có thể định cấu hình BGM bằng cách sử dụng công cụ được hiển thị sau khi nhấn nút **TOOLS** trong khi phát lại **Player**.
  - ✎ Khung hình chính do người dùng chọn: Có thể cấu hình cài đặt khung hình chính khi tạo một lịch biểu máy chủ.

## Tệp mẫu(\*.LFD)

### Giới hạn

- Kiểm tra xem bạn đã xuất bản các thư mục **Contents** và **Schedules** đến thiết bị lưu trữ USB hay chưa.
  - ✎ Nội dung được xuất bản phù hợp sẽ hiển thị là **Published Content** (📺) trong thiết bị USB.
  - ✎ Khi sao chép nội dung bạn đã xuất bản đến thiết bị USB (**Published Content** 📺) sang **Internal Memory**, nội dung đó sẽ chỉ xuất hiện trong **Internal Memory** là **Published Content** (📺). Các thư mục **Contents** và **Schedules** sẽ bị ẩn trong **Internal Memory**.

### Giới hạn phát lại

- Có thể phát tối đa hai tệp video (**Video**).
- Đối với tệp **Office** (tệp PPT và Word) và tệp **PDF**, chỉ hỗ trợ một kiểu tệp một lúc.
- Khi phát đồng thời nhiều tệp video, đảm bảo các phần màn hình không chồng chéo lên nhau.

### Giới hạn đầu ra âm thanh

- Không thể sử dụng nhiều hơn một đầu ra âm thanh.
- Ưu tiên phát lại: BGM mạng → BGM cục bộ → tệp video trong khung hình chính do người dùng chọn

## Kiểu mã hóa video được hỗ trợ

Định dạng tập tin	Bộ chứa	Bộ giải mã video	Độ phân giải	Tỷ lệ khung hình (fps)	Tốc độ bit (Mbps)	Audio codec
*.avi	AVI MKV ASF MP4 3GP MOV FLV VRO VOB PS TS SVAF	H.264 BP/MP/HP	3840 x 2160	120	60	Dolby Digital LPCM ADPCM(IMA, MS) AAC HE-AAC WMA Dolby Digital+ MPEG(MP3) AC-4 G.711(A-Law, μ-Law) OPUS
*.mkv		HEVC (H.265 - Main, Main10)			100	
*.asf		Motion JPEG		30	80	
*.wmv		MVC	1920 x 1080	60	20	
*.mp4		MPEG4 SP/ASP				
*.mov		Window Media Video v9 (VC1)				
*.3gp		MPEG2				
*.vro		MPEG1				
*.mpg		Microsoft MPEG-4 v1, v2, v3		30		
*.mpeg		Window Media Video v7(WMV1), v8(WMV2)				
*.ts		H 263 Sorenson				
*.tp		VP6				
*.trp						
*.flv						
*.vob						
*.svi						
*.m2ts						
		</				

## Những hạn chế Khác

- Các bộ giải mã có thể không hoạt động đúng nếu có vấn đề với dữ liệu nội dung.
- Nội dung video sẽ không phát hoặc phát không đúng, nếu nội dung hoặc tập tin chứa nội dung bị lỗi.
- Âm thanh hoặc video có thể không hoạt động nếu chúng có tỷ lệ bit/tỷ lệ khung hình tiêu chuẩn vượt quá tỷ lệ tương thích của TV.
- Nếu Bảng chỉ mục bị lỗi, chức năng Tìm kiếm (Nhảy) sẽ không hoạt động.
- Khi phát video trên một kết nối mạng, video không thể phát với chất lượng tốt do tốc độ truyền dữ liệu.
- Một số thiết bị máy quay kỹ thuật số/USB có thể không tương thích với đầu đọc.
- Bộ giải mã HEVC chỉ khả dụng trong các tập tin chứa MKV / MP4 / TS.
- Bộ giải mã MVC được hỗ trợ một phần.



## Giải mã video

- H.264 UHD được hỗ trợ lên đến Mức 5.1 và H.264 FHD được hỗ trợ lên đến Mức 4.2 (TV không hỗ trợ FMO / ASO / RS).
- HEVC UHD được hỗ trợ lên đến Mức 5.2 và HEVC FHD được hỗ trợ lên đến Mức 4.1.
- Hỗ trợ HEVC 8K lên đến Mức 6.1.
- Không hỗ trợ VC1 APL4.
- GMC 2 hoặc cao hơn không được hỗ trợ.
- Khi đang phát một tập video, không hỗ trợ chế độ Liền mạch trong các điều kiện sau:
  - Codec không tương thích (MVC, VP3, MJPEG) ↔ Codec không tương thích
  - Codec không tương thích ↔ Codec tương thích
  - Độ phân giải khác với độ phân giải của màn hình
  - Tần số khác với tần số của màn hình

## Giải mã âm thanh

- WMA được hỗ trợ tối đa các kênh 10 Pro 5.1, cấu hình M2.
- Không hỗ trợ tính năng bù mất WMA, WMA1 / Âm thanh.
- QCELP, AMR NB / WB không được hỗ trợ.
- Vorbis được hỗ trợ cho tối đa 5,1 kênh.
- Dolby Digital+ được hỗ trợ cho tối đa 5.1 kênh.
- Các mức lấy mẫu được hỗ trợ là 8, 11,025, 12, 16, 22,05, 24, 32, 44,1 và 48 kHz và khác với bộ giải mã.

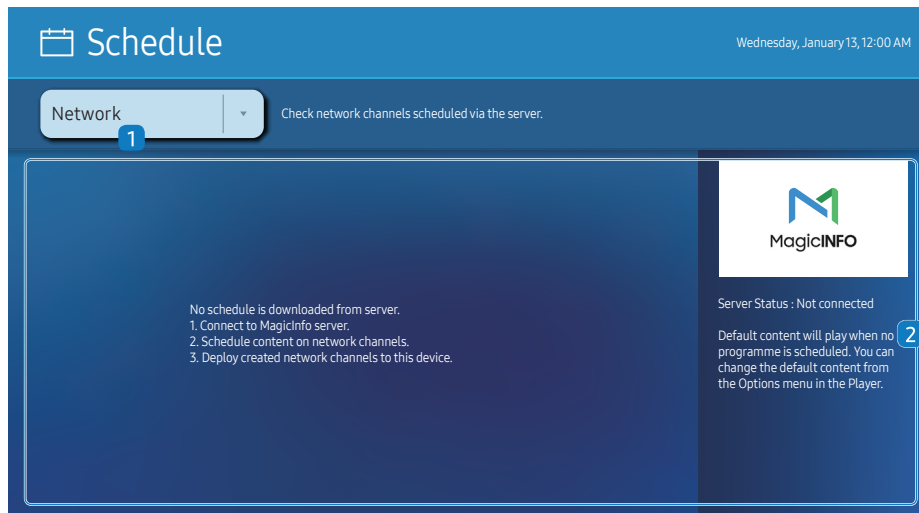
## Hình ảnh

- Định dạng tệp hình ảnh tương thích: JPEG, PNG, BMP
  -  Hỗ trợ các tệp BMP 32 bit, 24 bit và 8 bit.
- Độ phân giải tối đa được hỗ trợ: 7680 x 4320 (JPEG), 4096 x 4096 (PNG, BMP)
  -  Khi phát 10 tệp trong cùng một tệp LFD - 5120 x 5120
- Kích thước tệp tối đa được hỗ trợ: 20MB
- Có hỗ trợ **Slideshow Effect**: 9 hiệu ứng  
(**Fade1**, **Fade2**, **Blind**, **Spiral**, **Checker**, **Linear**, **Stairs**, **Wipe**, **Random**)

Power Point	PDF	WORD
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Định dạng tệp tài liệu tương thích <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phần mở rộng : ppt, pptx</li> <li>– Phiên bản : Office 97 ~ Office 2013</li> </ul> </li> <li>• Các chức năng không được hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiệu ứng hình động</li> <li>– Hình dạng 3D (sẽ được hiển thị bằng 2D)</li> <li>– Đầu trang và cuối trang (một số mục con không được hỗ trợ)</li> <li>– Word Art</li> <li>– Căn chỉnh Có thể xảy ra lỗi căn chỉnh nhóm</li> <li>– Office 2007 SmartArt không được hỗ trợ đầy đủ. 97 trong tổng số 115 mục con không được hỗ trợ.</li> <li>– Chèn đối tượng</li> <li>– Ký tự nửa độ rộng</li> <li>– Khoảng cách giữa các từ</li> <li>– Biểu đồ</li> <li>– Văn bản dọc Một số mục con không được hỗ trợ</li> <li>– Ghi chú slide và tài liệu phát</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Định dạng tệp tài liệu tương thích <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phần mở rộng : pdf</li> </ul> </li> <li>• Các chức năng không được hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nội dung nhỏ hơn 1 pixel không được hỗ trợ vì vấn đề giảm hiệu suất.</li> <li>– Nội dung Hình ảnh có Màn chắn, Hình ảnh Xếp liên không được hỗ trợ.</li> <li>– Nội dung có Văn bản Xoay không được hỗ trợ.</li> <li>– Hiệu ứng Bóng 3D không được hỗ trợ.</li> <li>– Một số ký tự không được hỗ trợ (Ký tự đặc biệt có thể bị lỗi)</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Định dạng tệp tài liệu tương thích <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phần mở rộng : .doc, .docx</li> <li>– Phiên bản : Office 97 ~ Office 2013</li> </ul> </li> <li>• Các chức năng không được hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiệu ứng nền của trang</li> <li>– Một số kiểu đoạn văn</li> <li>– Word Art</li> <li>– Căn chỉnh Có thể xảy ra lỗi căn chỉnh nhóm</li> <li>– Hình dạng 3D (sẽ được hiển thị bằng 2D)</li> <li>– Office 2007 SmartArt không được hỗ trợ đầy đủ. 97 trong tổng số 115 mục con không được hỗ trợ.</li> <li>– Biểu đồ</li> <li>– Ký tự nửa độ rộng</li> <li>– Khoảng cách giữa các từ</li> <li>– Văn bản dọc Một số mục con không được hỗ trợ</li> <li>– Ghi chú slide và tài liệu phát</li> </ul> </li> </ul>

# Schedule

HOME  → Schedule → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Bạn có thể xem lịch biểu được nhập từ thiết bị lưu trữ đã chọn.

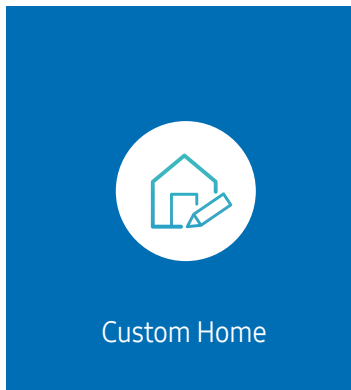
 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

Không.	Mô tả
1	Chọn vị trí đã lưu lịch biểu.
2	Tạo/Sửa/Xóa/Xem lịch phát lại nội dung.



## Custom Home

HOME  → Custom Home → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Nhập số PIN gồm 6 chữ số. Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0". Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng **Change PIN**.

Chọn một mục để chạy ở chế độ Trang chủ tùy chỉnh. Nhấn phím Home để trở về màn hình này.

# Clone Product

HOME  → Clone Product → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.


Xuất cài đặt trên sản phẩm sang thiết bị lưu trữ bên ngoài. Bạn cũng có thể nhập cài đặt từ thiết bị lưu trữ bên ngoài.

Tùy chọn này hữu ích khi gán cùng cài đặt cho nhiều sản phẩm.

## Khi bạn không tìm thấy tệp trùng lặp trên thiết bị lưu trữ bên ngoài

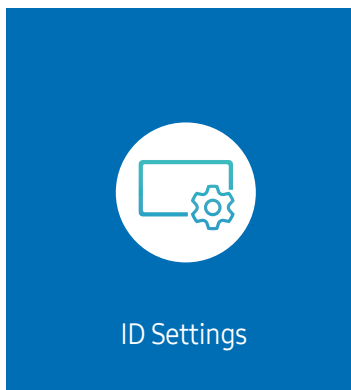
- 1 Kết nối thiết bị lưu trữ bên ngoài, sau đó chạy chức năng **Clone Product**.
- 2 Thông báo **No cloning file found on the external storage device. Export this device's settings to the external storage device?** sẽ xuất hiện.
- 3 Chọn **Export** để xuất cài đặt.

## Khi bạn tìm thấy tệp trùng lặp trên thiết bị lưu trữ bên ngoài

- 1 Kết nối thiết bị lưu trữ bên ngoài, sau đó chạy chức năng **Clone Product**.
- 2 Thông báo **Cloning file found. Please select an option.** sẽ xuất hiện.  
Chạy chức năng **Import from External Storage** hoặc **Export to External Storage**.
  - **Import from External Storage:** Sao chép cài đặt đã lưu trên thiết bị lưu trữ bên ngoài sang sản phẩm.  
 Sau khi đặt cấu hình hoàn tất, sản phẩm được tự động khởi động lại.
  - **Export to External Storage:** Sao chép cài đặt trên sản phẩm sang thiết bị lưu trữ bên ngoài.

# ID Settings

HOME  → ID Settings → ENTER 




 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Gán một ID cho máy.

## Device ID

Đặt một số ID duy nhất cho mỗi sản phẩm.

 Nhấn ▲/▼ để chọn một số và nhấn .

 Nhập số bạn muốn bằng cách sử dụng các phím số trên điều khiển từ xa.

## Device ID Auto Set

Tính năng này tự động phân bổ số ID cho thiết bị được kết nối qua cáp RS232C.

 Chức năng này chỉ khả dụng trên thiết bị đầu tiên trong chuỗi xích RS-232C.

 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

## PC Connection Cable

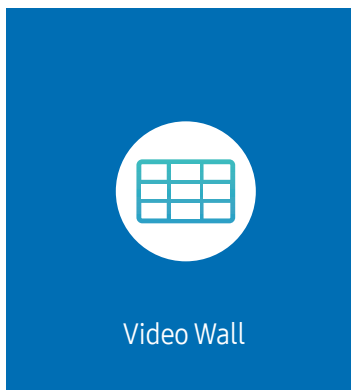
Chọn loại cáp để kết nối màn hình với PC.

- **RS232C cable**  
Giao tiếp với MDC qua cáp stereo RS232C.
- **RJ-45 (LAN)/Wi-Fi Network** hoặc **RJ-45 (LAN) Cable**  
Giao tiếp với MDC qua cáp stereo RJ45.

 Các chức năng có sẵn có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

# Video Wall

HOME  → Video Wall → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Tùy chỉnh bố cục của nhiều màn hình được kết nối để tạo nên một tường video.

Hơn nữa, hiển thị một phần toàn bộ hình ảnh hoặc lặp lại cùng một hình ảnh trên mỗi màn hình được kết nối với nhau.

Để hiển thị nhiều hình ảnh, hãy tham khảo Trợ giúp MDC hoặc hướng dẫn người dùng MagicInfo. Một số mẫu không hỗ trợ tính năng MagicInfo.

 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

## Video Wall

Bạn có thể kích hoạt hoặc tắt kích hoạt **Video Wall**.

Để sắp xếp một tường video, hãy chọn **On**.


- **Off / On**

## Horizontal x Vertical

Tính năng này tự động chia màn hình video treo tường dựa trên cấu hình ma trận của video treo tường.

Nhập ma trận màn hình video treo tường.

Màn hình video treo tường được phân chia dựa trên ma trận đã đặt cấu hình. Bạn có thể đặt số lượng thiết bị hiển thị theo chiều dọc hoặc chiều ngang trong khoảng 1 đến 15.

 Có thể chia màn hình video treo tường thành tối đa 225 màn hình.


 Tùy chọn **Horizontal x Vertical** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

---

## Screen Position

Để sắp xếp lại các màn hình đã chia, hãy điều chỉnh số lượng cho từng sản phẩm trong ma trận bằng tính năng **Screen Position**.

Chọn **Screen Position** sẽ hiển thị ma trận màn hình video treo tường với số lượng được gán cho sản phẩm tạo ra video treo tường.

Để sắp xếp lại sản phẩm, hãy sử dụng các nút định hướng trên điều khiển từ xa để di chuyển sản phẩm đến số lượng mong muốn. Nhấn nút .

 **Screen Position** cho phép bạn chia màn hình thành tối đa 225 màn hình (15 x 15).

 Tùy chọn **Screen Position** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

 Để sử dụng chức năng này, hãy đảm bảo **Horizontal x Vertical** được đặt cấu hình.

## Format

Chọn cách hiển thị hình ảnh trên màn hình video treo tường.

- **Full**: Hiển thị hình ảnh ở chế độ toàn màn hình và không có cạnh.
- **Natural**: Hiển thị hình ảnh ở tỷ lệ khung hình ban đầu mà không phóng to hay thu nhỏ kích thước.

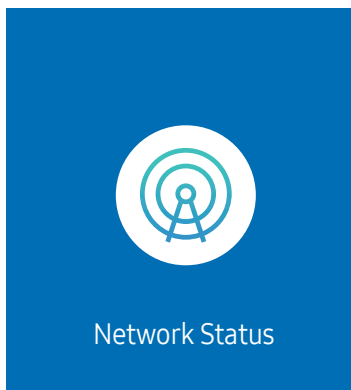
 Tùy chọn **Format** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

---

# Network Status

Kiểm tra mạng và kết nối Internet hiện tại.

HOME  → Network Status → ENTER 

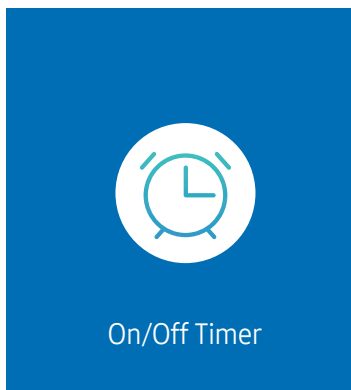


---

 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

## On/Off Timer

HOME  → On/Off Timer → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

 Bạn phải chọn **Clock Set** trước khi sử dụng tính năng này.

### On Timer

Đặt **On Timer** để sản phẩm của bạn tự động bật vào ngày và giờ bạn chọn.

Nguồn tắt với âm lượng hoặc nguồn vào đã xác định.

**On Timer:** Cài đặt hẹn giờ bật bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. Đảm bảo bạn cài đặt thời gian hiện tại trước tiên.

(**On Timer1 ~ On Timer7**)

 Mặc dù có thể sử dụng tùy chọn bộ nhớ trong/bộ nhớ USB với **On Timer** cho chế độ **MagicInfo** nhưng bạn nên dùng bộ nhớ trong.

 Chúng tôi không thể đảm bảo rằng tính năng **On Timer** sẽ hoạt động bình thường nếu được dùng với thiết bị USB chạy bằng pin vì có thể việc nhận dạng sẽ mất nhiều thời gian hơn.

- **Setup:** Chọn **Off**, **Once**, **Everyday**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun** hoặc **Manual**. Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **On Timer** bật sản phẩm.
  - Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time:** Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.
- **Volume** (Đối với các mẫu có loa tích hợp sẵn): Đặt mức âm lượng mong muốn. Sử dụng các nút mũi tên lên và xuống để điều chỉnh âm lượng.
- **Source:** Chọn nguồn vào như bạn muốn.
- **Content** (khi **Source** được đặt là **Internal/USB** cho chế độ **MagicInfo**): Từ thiết bị USB hoặc bộ nhớ trong, chọn một tập tin (ví dụ: nhạc, ảnh hoặc video) để phát ngay sau khi bật nguồn sản phẩm.

---


## Off Timer

Cài đặt hẹn giờ tắt (**Off Timer**) bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. (**Off Timer1 ~ Off Timer7**)

- **Setup:** Chọn **Off**, **Once**, **Everyday**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun** hoặc **Manual**. Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **Off Timer** tắt sản phẩm.
  - Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time:** Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.

## Holiday Management

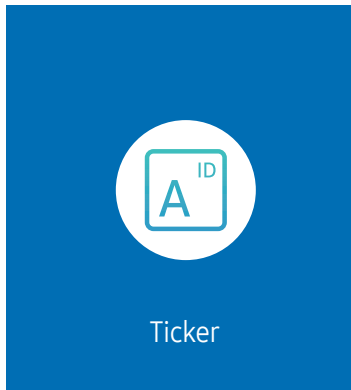
Bộ hẹn giờ sẽ bị tắt trong thời gian được chỉ định là kì nghỉ.

- **Add Holiday:** Xác định khoảng thời gian bạn muốn thêm như là ngày nghỉ.  
Chọn ngày bắt đầu và kết thúc của ngày nghỉ mà bạn muốn thêm bằng các nút ▲/▼ và nhấp vào nút **Done**.  
Khoảng thời gian này sẽ được thêm vào danh sách các ngày nghỉ.
  - **Start Date:** Đặt ngày bắt đầu của ngày nghỉ.
  - **End Date:** Đặt ngày kết thúc của ngày nghỉ.
- **Delete:** Xóa các mục đã chọn khỏi danh sách các ngày nghỉ.
- **Edit:** Chọn mục ngày nghỉ và thay đổi ngày.
- **Apply to Timers:** Đặt **On Timer** và **Off Timer** không kích hoạt vào ngày nghỉ công.
  - Nhấn  để chọn các cài đặt **On Timer** và **Off Timer** bạn không muốn kích hoạt.
  - **On Timer** và **Off Timer** sẽ không kích hoạt.



# Ticker

HOME  → Ticker → ENTER 



 Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Nhập văn bản trong khi video hoặc hình ảnh được hiển thị và hiển thị văn bản trên màn hình.




 Bạn phải chọn **Clock Set** trước khi sử dụng tính năng này.





- **Off / On:** Cài đặt có sử dụng **Ticker** hay không.
- **Message:** Nhập thông báo để hiển thị trên màn hình.
- **Time:** Đặt **Start Time** và **End Time** để hiển thị **Message**.
- **Font options:** Chỉ định phông chữ và màu văn bản cho thông báo.
- **Position:** Chọn vị trí để hiển thị **Message**.
- **Scroll:** Bật/tắt hiệu ứng cuộn **Ticker**. Chỉ định **Direction** và **Speed** cuộn cho thông báo.
- **Preview:** Xem trước các cài đặt **Ticker**.

# Chương 07





## Menu

### Picture





Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Smart Calibration		Dùng ứng dụng Smart Calibration (được cài đặt trên thiết bị di động của bạn) để điều chỉnh chất lượng hình ảnh của màn hình.
Backlight / Brightness / Contrast / Sharpness		Sản phẩm của bạn có nhiều tùy chọn để điều chỉnh chất lượng hình ảnh.  Bạn có thể điều chỉnh và lưu cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi mà bạn đã kết nối với đầu vào trên sản phẩm.  Việc giảm độ sáng hình ảnh giúp giảm mức tiêu thụ điện.
Colour Temperature		Đặt nhiệt độ màu. Giá trị và nhiệt độ tăng đồng thời nên tỷ lệ màu lam sẽ tăng lên. (Phạm vi: 2800K–16000K)  Kích hoạt khi <b>Colour Tone</b> được cài đặt là <b>Off</b> .
Advanced Settings		Định cấu hình cài đặt hình ảnh nâng cao để tạo hình ảnh ưa thích của bạn.
	Picture Enhancer	Hiển thị màu và độ nét nâng cao.
	Colour	Điều chỉnh mức bão hòa màu. Độ bão hòa màu tăng lên khi giá trị dần đạt đến 100. (Phạm vi: 0~100)
	Tint (G/R)	Điều chỉnh tỷ lệ mức độ màu xanh lục và màu đỏ. Tăng giá trị sẽ làm tăng độ bão hòa của các màu đỏ và xanh lục. (Phạm vi: 0~50)


Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Advanced Settings	White Balance	<p>Điều chỉnh nhiệt độ màu của hình ảnh để đối tượng có màu trắng trong sáng hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>2 Point</b> Điều chỉnh độ sáng của màu đỏ, xanh lá cây và xanh dương trong hai phần để tối ưu hóa cân bằng trắng chính xác.</li> <li><b>20 Point Settings</b> Điều khiển cân bằng trắng trong khoảng 20 điểm bằng cách điều chỉnh độ sáng của màu đỏ, xanh lá cây và xanh dương. <ul style="list-style-type: none"> <li><b>20 Point</b> Điều chỉnh mức độ sáng của màu đỏ, xanh lục và xanh lam trong hai mươi phần để có tối ưu hóa cân bằng trắng chính xác.</li> </ul> </li> </ul> <p> Một số thiết bị ngoại vi có thể không hỗ trợ chức năng này.</p>
	Gamma	<p>Điều chỉnh độ sáng trung bình của hình ảnh.</p> <p> Cài đặt <b>Gamma HLG, ST.2084</b> và <b>BT.1886</b> có thể thay đổi tùy theo cài đặt video đầu vào. Với các kiểu máy hỗ trợ <b>HDR+ Mode</b>, cài đặt <b>Gamma HLG, ST.2084</b> và <b>BT.1886</b> có thể thay đổi tùy theo video đầu vào và cài đặt <b>HDR+ Mode</b>. Nếu <b>HDR+ Mode</b> được đặt là <b>Off</b>, các cài đặt <b>HLG, ST.2084</b> và <b>BT.1886</b> sẽ hoạt động tùy theo video đầu vào. Để điều chỉnh <b>S Curve</b>, đặt <b>HDR+ Mode</b> thành <b>Off</b>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>HLG / ST.2084 / BT.1886 / 2.2 / S Curve</b> Điều chỉnh mức độ <b>HLG, ST.2084, BT.1886, S Curve</b> của hình ảnh.</li> </ul> <p> Nếu chọn <b>2.2</b> thì sẽ không thể điều chỉnh mức.</p> <p> Các chức năng có sẵn có thể khác nhau tùy theo loại cổng.</p>
	Contrast Enhancer	Tự động cân bằng độ tương phản để tránh chênh lệch quá mức giữa vùng sáng và tối.
	Black Tone	Chọn mức độ đen để điều chỉnh độ sâu màn hình.
	Flesh Tone	Điều chỉnh màu da bằng cách tăng hoặc giảm sắc màu đỏ.

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Advanced Settings	Colour Space Settings	<p>Đặt cấu hình cài đặt không gian màu để tinh chỉnh quang phổ của màu trên màn hình của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Colour Space</b> Chọn một không gian màu.  Để điều chỉnh <b>Colour</b>, <b>Red</b>, <b>Green</b>, <b>Blue</b> và <b>Reset</b>, đặt <b>Colour Space</b> thành <b>Custom</b>.</li> <li><b>Colour Gamut</b> Chọn một gam màu.</li> </ul>
	Input Signal Plus	<p>Mở rộng phạm vi tín hiệu đầu vào cho các kết nối HDMI.</p> <p> Khi <b>Input Signal Plus</b> được đặt thành <b>On</b>, độ phân giải được hỗ trợ đến 3840 x 2160 @ 60 Hz.          Khi <b>Input Signal Plus</b> được đặt thành <b>Off</b>, độ phân giải được hỗ trợ đến 3840 x 2160 @ 30 Hz.</p> <p> Linh kiện kết nối có thể thay đổi tùy theo kiểu máy.</p>
	Motion Lighting	Giảm mức tiêu thụ điện bằng cách giảm độ sáng màn hình khi hình ảnh trên màn hình đang chuyển động.
Picture Options	Colour Tone	<p>Chọn tông màu phù hợp nhất với sở thích xem của bạn.</p> <p> Có thể điều chỉnh và lưu trữ cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi được kết nối với đầu vào trên sản phẩm.</p> <p> Các tùy chọn sẵn có có thể thay đổi tùy theo sản phẩm.</p>
	Digital Clean View	Giảm nhiễu hình ảnh để tránh làm đứt quãng hình ảnh như nháy hình.
	HDMI Black Level	<p>Điều chỉnh mức độ màu đen để tối ưu hóa độ sáng và độ tương phản của hình ảnh qua kết nối HDMI.</p> <p> Chỉ khả dụng nếu tín hiệu đầu vào từ thiết bị bên ngoài được kết nối với cổng HDMI là RGB444.</p>
	Film Mode	Giúp chuyển đổi khung hình từ các nguồn video cũ được mượn mà hơn. Chức năng này chỉ hoạt động khi các tín hiệu đầu vào là TV, AV, Component (480i, 1080i) hoặc HDMI (1080i).
	Dynamic Backlight	Tự động điều chỉnh đèn nền để mang lại độ tương phản màn hình tốt nhất có thể trong các điều kiện hiện tại.
Apply Picture Settings		Áp dụng cài đặt hình ảnh cho tất cả thiết bị bên ngoài kết nối với thiết bị hoặc chỉ áp dụng cho nguồn hiện tại.






Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Picture Size Settings		<p>chọn kích thước và tỷ lệ khung hình của hình ảnh được hiển thị trên màn hình.</p> <p> Một số ứng dụng và thiết bị ngoại vi có thể không hỗ trợ chức năng này.</p>
	Picture Size	<p>Các tùy chọn điều chỉnh màn hình khác nhau được hiển thị tùy thuộc vào nguồn tín hiệu đầu vào hiện tại.</p> <p> Các chức năng có sẵn có thể khác nhau tùy theo mẫu sản phẩm hoặc tín hiệu ngõ vào.</p> <p> Không đặt sản phẩm về định dạng 4:3 lâu.</p> <p>Các đường viền hiển thị ở bên trái và bên phải hoặc trên và dưới màn hình có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh (cháy màn hình). Hiện tượng này không được bao gồm trong bảo hành.</p>
	Fit to screen	<p>Điều chỉnh vị trí của hình ảnh. Khi được chọn, hình ảnh chương trình sẽ được hiển thị trên toàn màn hình. Không có phần hình ảnh nào bị cắt bớt.</p>
	Zoom and Position	<p>Điều chỉnh mức thu phóng ảnh và vị trí. Chức năng này chỉ hoạt động nếu đặt Picture Size là Custom.</p> <p> Nếu bạn muốn đặt lại hình ảnh về vị trí ban đầu, chọn Reset trong màn hình Zoom and Position. Hình ảnh sẽ được đặt về vị trí mặc định.</p>
Reset Picture		<p>Khôi phục tất cả cài đặt hình ảnh về mặc định ban đầu.</p>

## OnScreen Display

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Display Orientation	Onscreen Menu Orientation	Chọn xem menu trên màn hình sẽ hiển thị theo chiều ngang hay dọc.
	Source Content Orientation	Xoay hướng màn hình sản phẩm.
	Aspect Ratio	Đặt màn hình xoay ở chế độ toàn màn hình hoặc ban đầu.  Chỉ khả dụng khi <b>Source Content Orientation</b> được đặt thành <b>Portrait</b> .
Screen Protection	Screen Saver	Kích hoạt trình bảo vệ màn hình khi thiết bị hiển thị hình ảnh tĩnh trong hai giờ trở lên.
	Screen Burn Protection	<p>Để giảm khả năng điểm ảnh chết trên màn hình, thiết bị này có trang bị công nghệ ngăn điểm ảnh chết trên màn hình <b>Screen Burn Protection</b>.</p> <p><b>Screen Burn Protection</b> di chuyển hình ảnh trên màn hình một chút.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Pixel Shift</b> Giảm thiểu hiện tượng giữ lại hình ảnh bằng cách di chuyển điểm ảnh theo chiều ngang hoặc chiều dọc.  <b>Horizontal</b>, <b>Vertical</b> và <b>Time</b> được kích hoạt khi <b>Pixel Shift</b> được đặt thành <b>On</b>.  Giá trị <b>Pixel Shift</b> có thể khác nhau tùy theo mẫu.  Hiển thị hình ảnh tĩnh hoặc đầu ra <b>4:3</b> trong một khoảng thời gian dài có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh. Đây không phải là hỏng hóc của sản phẩm.</li><li>• <b>Timer</b> Bạn có thể đặt hẹn giờ cho <b>Screen Burn Protection</b>. Tính năng <b>Screen Burn Protection</b> tự động dừng sau một khoảng thời gian cụ thể.</li><li>• <b>Immediate display</b> Chọn chế độ bảo vệ màn hình bạn muốn hiển thị ngay lập tức.</li></ul>

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Message Display	Source Info	Chọn xem có hiển thị OSD nguồn khi nguồn tín hiệu đầu vào thay đổi hay không.
	No Signal Message	Chọn có hiển thị OSD không tín hiệu khi không phát hiện thấy tín hiệu không. Sẽ có thông báo <b>No Cable Connected</b> nếu không có thiết bị nguồn nào được kết nối.
	MDC Message	Chọn có hiển thị MDC OSD khi sản phẩm được MDC điều khiển không.
	Rotation Message	Nhận thông báo cảnh báo khi thiết bị hiển thị bị xoay đến một góc không thích hợp.
Language	Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.  Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình. Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.	
Reset OnScreen Display	Tùy chọn này đổi cài đặt hiện tại trong <b>OnScreen Display</b> về cài đặt xuất xưởng mặc định.	


## Sound

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Sound Mode		<p>Bạn có thể chọn chế độ âm thanh để phù hợp với sở thích cá nhân của bạn.</p> <p> Chức năng này bị tắt khi <b>Sound Output</b> được đặt thành <b>External</b> hoặc <b>Receiver (HDMI)</b>.</p>
Balance		<p>Điều chỉnh mức âm lượng của loa để tối ưu hóa độ cân bằng âm thanh.</p> <p> Chức năng này bị tắt khi <b>Sound Output</b> được đặt thành <b>External</b> hoặc <b>Receiver (HDMI)</b>.</p> <p> Các chức năng có sẵn có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.</p>
Equaliser		<p>Điều chỉnh bộ điều chỉnh để tùy chỉnh âm lượng và chất lượng âm thanh, cũng như tăng cường độ mạnh của đầu ra âm thanh.</p> <p> Chỉ khả dụng khi <b>Sound Mode</b> được đặt thành <b>Standard</b>.</p> <p> Chức năng này bị tắt khi <b>Sound Output</b> được đặt thành <b>External</b> hoặc <b>Receiver (HDMI)</b>.</p>
Digital Output Audio Format		<p>Chọn định dạng tín hiệu âm thanh đầu ra kỹ thuật số. Khi <b>Pass-through</b> được chọn, âm thanh đầu vào sẽ được gửi đến bộ thu mà không cần bất kỳ xử lý nào. Tùy chọn này chỉ được hỗ trợ khi nguồn là HDMI và bộ thu được kết nối qua HDMI eARC hoặc ARC.</p>
Dolby Atmos		<p>Mang đến trải nghiệm âm thanh vòm trung thực khi xem nội dung Dolby Atmos.</p>



Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Sound Output		<p>Chọn loa cho đầu ra âm thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✎ Khi bạn đặt <b>Sound Output</b> thành <b>External</b> hoặc <b>Receiver (HDMI)</b> thì loa trong sẽ bị tắt. Bạn sẽ chỉ nghe thấy âm thanh qua loa ngoài.</li> <li>✎ Cả loa trong và loa ngoài sẽ đều có âm thanh nếu kết nối qua cổng AUDIO OUT và đặt tùy chọn <b>Sound Output</b> là <b>Internal</b>. Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.</li> <li>✎ Để chọn tùy chọn <b>Receiver (HDMI)</b>, hãy đặt <a href="#">Anynet+ (HDMI-CEC)</a> là <b>On</b> khi đã kết nối sản phẩm với cổng HDMI(ARC) của Đầu thu AV.</li> <li>✎ Nếu không có tín hiệu video, cả loa sản phẩm và loa ngoài sẽ không có tiếng.</li> </ul>
Auto Volume		<p>Tự động điều chỉnh mức âm lượng khi bạn thay đổi các nguồn video hoặc nội dung nên mức âm lượng vẫn giữ nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✎ Để sử dụng điều khiển âm lượng của một thiết bị nguồn đã kết nối, đặt <b>Auto Volume</b> thành <b>Off</b>.</li> <li>✎ Chức năng này bị tắt khi <b>Sound Output</b> được đặt thành <b>External</b> hoặc <b>Receiver (HDMI)</b>.</li> </ul>
Reset Sound		Đặt lại tất cả cài đặt âm thanh về mặc định ban đầu.

## Network

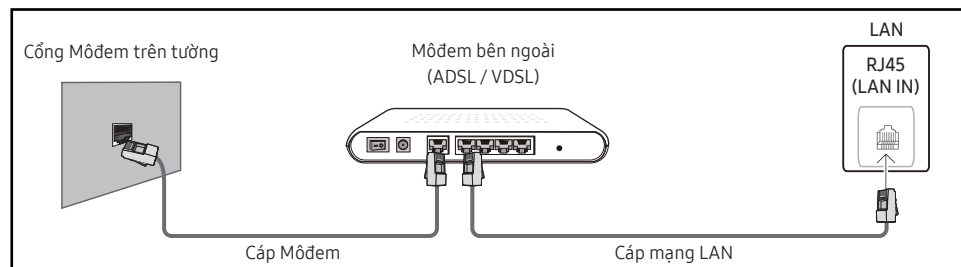
Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Network Status		Bạn có thể kiểm tra mạng và trạng thái Internet hiện tại.
Open Network Settings		Cấu hình cài đặt mạng để kết nối với một mạng có sẵn.
	Network Type	 Menu <b>Network Type</b> có thể không hoạt động trên các kiểu máy Có dây.

## Cài đặt mạng (Có dây)

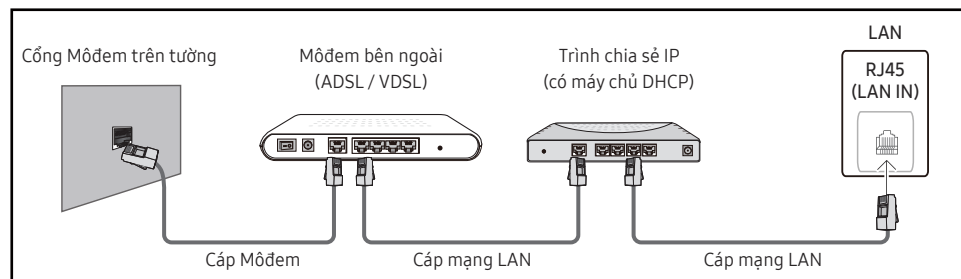
### Kết nối với Mạng có dây

Có 3 cách để kết nối sản phẩm của bạn với LAN bằng cáp.

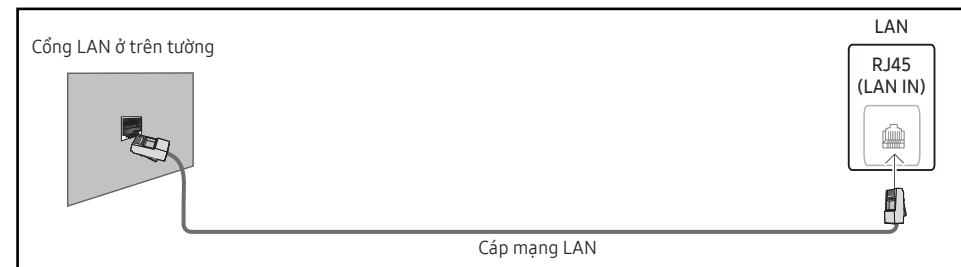
- Bạn có thể kết nối sản phẩm của mình với LAN bằng cách kết nối cổng LAN ở phía sau sản phẩm với modem ngoài bằng cáp LAN. Xem sơ đồ bên dưới.



- Bạn có thể kết nối sản phẩm với LAN bằng cách kết nối cổng LAN ở phía sau sản phẩm với Bộ chia IP được kết nối với modem ngoài. Sử dụng cáp LAN để kết nối. Xem sơ đồ bên dưới.



- Tùy thuộc vào cách đặt cấu hình mạng của bạn, bạn có thể kết nối sản phẩm của mình với LAN bằng cách kết nối trực tiếp cổng LAN ở phía sau sản phẩm với ổ cắm mạng trên tường bằng cáp LAN. Xem sơ đồ bên dưới. Lưu ý rằng ổ cắm trên tường được gắn với modem hoặc bộ định tuyến ở đâu đó trong nhà của bạn.



Nếu bạn có Mạng động, bạn nên sử dụng bộ định tuyến hoặc modem ADSL hỗ trợ Giao thức cấu hình động máy chủ (DHCP). Các modem và bộ định tuyến hỗ trợ DHCP tự động cung cấp **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway**, và các giá trị DNS mà sản phẩm của bạn cần để truy cập Internet, vì vậy bạn không phải nhập theo cách thủ công. Hầu hết mạng gia đình đều là Mạng động.

Một số mạng yêu cầu địa chỉ IP tĩnh. Nếu mạng của bạn yêu cầu địa chỉ IP tĩnh, bạn phải tự nhập **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway**, và giá trị DNS vào **IP Settings** của sản phẩm khi bạn thiết lập kết nối mạng. Để nhận **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway**, và các giá trị DNS, hãy liên hệ với Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) của bạn.

Nếu bạn có máy tính Windows, bạn cũng có thể nhận những giá trị này qua máy tính.

- Bạn có thể sử dụng modem ADSL hỗ trợ DHCP nếu mạng của bạn yêu cầu địa chỉ IP tĩnh.
- Modem ADSL hỗ trợ DHCP cũng cho phép bạn sử dụng các địa chỉ IP tĩnh.

Đặt kết nối mạng để sử dụng dịch vụ internet như thực hiện nâng cấp phần mềm.

## Open Network Settings tự động (Có dây)

Kết nối với mạng bằng cáp LAN.

Đảm bảo cáp LAN được kết nối trước tiên.

### Cách thiết lập tự động


- 1 Đặt **Network Type** thành **Wired** từ trang **Open Network Settings**.

 Đối với mẫu sản phẩm có kết nối dây, hãy chọn menu **Network Status**.

- 2 Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và xác minh kết nối mạng.

Khi kết nối đã được xác minh, thông báo **“Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider.”** xuất hiện.

 Nếu quá trình kết nối không thành công, hãy kiểm tra kết nối cổng LAN.

 Nếu quy trình tự động không thể tìm thấy giá trị kết nối mạng hoặc nếu bạn muốn cài đặt kết nối theo cách thủ công, hãy vào phần tiếp theo (Open Network Settings theo cách thủ công (Có dây)).

## Open Network Settings thủ công (Có dây)

Các văn phòng có thể sử dụng địa chỉ IP tĩnh.

Trong trường hợp này, hỏi quản trị viên mạng để biết **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway** và địa chỉ máy chủ DNS. Nhập thủ công các giá trị này.

### Xem Giá trị kết nối mạng

Để xem Giá trị kết nối mạng trên hầu hết các máy tính Windows, thực hiện theo các bước sau.

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Mạng phía dưới cùng bên phải của màn hình.
- 2 Trong menu bật lên xuất hiện, nhấp Trạng thái.
- 3 Trên hộp thoại xuất hiện, nhấp tab **Support**.
- 4 Trên Tab **Support**, nhấp nút **Details**. Các giá trị kết nối mạng được hiển thị.

 Đường dẫn tới các cài đặt tùy thuộc vào hệ điều hành đã cài đặt.

### Cách thiết lập thủ công

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wired** từ trang **Open Network Settings**.


Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu. Nhấn **Cancel**. Quá trình xác minh dừng lại.

 Đối với mẫu sản phẩm có kết nối dây, hãy chọn menu **Network Status**.

- 2 Chọn **IP Settings** trên màn hình kết nối mạng. Màn hình **IP Settings** hiển thị.

- 3 Chọn trường ở trên cùng, nhấn , rồi đặt **IP setting** thành **Enter manually**. Lặp lại quy trình nhập cho từng trường trong **IP Address**.

 Đặt **IP setting** thành **Enter manually** sẽ tự động thay đổi **DNS setting** thành **Enter manually**.

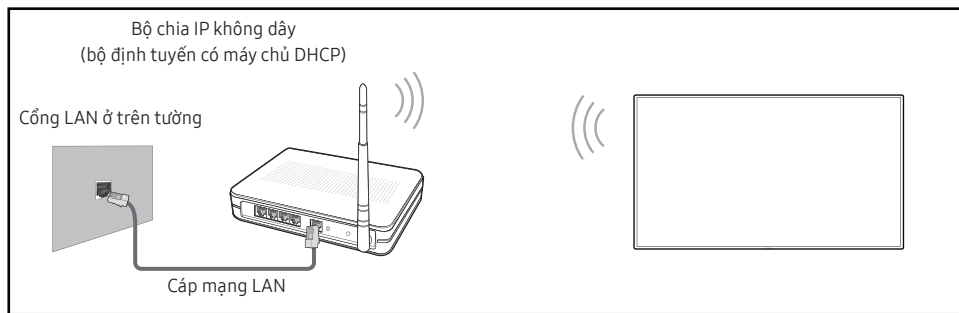
- 4 Khi hoàn tất, chọn **OK** ở cuối trang, sau đó nhấn . Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.

- 5 Khi kết nối đã được xác minh, thông báo **“Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider.”** xuất hiện.





## Cài đặt mạng (Không dây)

 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

### Kết nối với Mạng không dây



Samsung khuyến nghị bạn sử dụng IEEE 802.11n. Khi bạn phát video qua kết nối mạng, video có thể không phát thông suốt.


-  Chọn kênh cho bộ chia IP không dây hiện không được sử dụng. Nếu nhóm kênh cho bộ chia IP không dây hiện đang được sử dụng bởi một thiết bị khác gần đó, điều này sẽ gây ra hiện tượng nhiễu và lỗi truyền.
-  Sản phẩm của bạn chỉ hỗ trợ các giao thức bảo mật mạng không dây sau.
  - Chế độ xác thực: WEP, WPAPSK, WPA2PSK
  - Loại mã hóa: WEP, TKIP, AESTheo thông số kỹ thuật chứng nhận Wi-Fi, các sản phẩm của Samsung không hỗ trợ mã hóa bảo mật WEP hoặc TKIP trong các mạng chạy ở chế độ thông lượng cao (Greenfield) 802.11n.
-  Nếu bộ định tuyến không dây của bạn hỗ trợ WPS (Thiết lập Wi-Fi được bảo vệ), bạn có thể kết nối với mạng qua PBC (Cấu hình nút nhấn) hoặc PIN (Số nhận dạng cá nhân). WPS sẽ tự động đặt cấu hình khóa SSID và WPA ở một trong hai chế độ.
-  Phương pháp kết nối: Bạn có thể thiết lập kết nối mạng không dây theo 3 cách. Thiết lập mạng Tự động, Thiết lập mạng Thủ công, **Use WPS**





## Thiết lập mạng tự động (Không dây)

Hầu hết các mạng không dây đều có một hệ thống bảo mật tùy chọn yêu cầu các thiết bị truy cập mạng truyền mã bảo mật đã mã hóa được gọi là Quyền truy cập hay Mã khóa bảo mật. Mã khóa bảo mật dựa trên Mật mã, thường là một từ hoặc một chuỗi gồm chữ cái và chữ số có độ dài được chỉ định mà bạn được yêu cầu nhập khi thiết lập bảo mật cho mạng không dây của mình. Nếu bạn sử dụng phương pháp này để thiết lập kết nối mạng và có một Mã khóa bảo mật cho mạng không dây của mình, bạn sẽ phải nhập Mật mã trong quá trình thiết lập tự động hoặc thủ công.

### Cách thiết lập tự động

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wireless** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Chức năng **Network** tìm kiếm các mạng không dây có sẵn. Khi hoàn tất, chức năng này hiển thị một danh sách mạng có sẵn.

Trong danh sách mạng, nhấn nút ▲ hoặc ▼ để chọn một mạng, sau đó nhấn nút .

  -  Nếu bộ định tuyến không dây mong muốn không xuất hiện, hãy chọn **Refresh** để tìm kiếm lại.
  -  Nếu bạn không thể tìm thấy bộ định tuyến sau khi thử lại, hãy chọn **Add Network**.
- 3 Nếu màn hình **Enter the password for (AP Name)** xuất hiện, hãy chuyển sang bước 4. Nếu bạn chọn bộ định tuyến không dây không có bảo mật, hãy chuyển sang bước 6.
- 4 Nếu bộ định tuyến có bảo mật, hãy nhập **Enter the password for (AP Name)**. (Mã bảo mật hoặc PIN).
- 5 Khi hoàn tất, sử dụng nút mũi tên phải để di chuyển con trỏ sang **Done**, sau đó nhấn . Màn hình kết nối mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
  -  Một kết nối với bộ định tuyến được thiết lập nhưng không thể truy cập Internet. Trong trường hợp này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet của bạn.
- 6 Khi kết nối đã được xác minh, thông báo **"Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider."** xuất hiện.

## Thiết lập mạng thủ công (Không dây)

Các văn phòng có thể sử dụng địa chỉ IP tĩnh.








Trong trường hợp này, hỏi quản trị viên mạng để biết **IP Address**, **Subnet Mask**, **Gateway** và địa chỉ máy chủ DNS. Nhập thủ công các giá trị này.

### Xem Giá trị kết nối mạng

Để xem Giá trị kết nối mạng trên hầu hết các máy tính Windows, thực hiện theo các bước sau.

- 1 Nhấp chuột phải vào biểu tượng Mạng phía dưới cùng bên phải của màn hình.
- 2 Trong menu bật lên xuất hiện, nhấp **Trạng thái**.
- 3 Trên hộp thoại xuất hiện, nhấp tab **Support**.
- 4 Trên Tab **Support**, nhấp nút **Details**. Các giá trị kết nối mạng được hiển thị.

### Cách thiết lập thủ công

- 1 Đặt **Network Type** thành **Wireless** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Chức năng **Network** tìm kiếm các mạng không dây có sẵn. Khi hoàn tất, chức năng này hiển thị một danh sách mạng có sẵn.
- 3 Trong danh sách mạng, nhấn nút ▲ hoặc ▼ để chọn một mạng, sau đó nhấn nút  hai lần.
  -  Nếu bộ định tuyến không dây mong muốn không xuất hiện, hãy chọn **Refresh** để tìm kiếm lại.
  -  Nếu bạn không thể tìm thấy bộ định tuyến sau khi thử lại, hãy chọn nút **Stop**. Nút **Add Network** sẽ xuất hiện.
- 4 Nếu màn hình **Enter the password for (AP Name)** xuất hiện, hãy chuyển sang bước 5. Nếu bạn chọn bộ định tuyến không dây không có bảo mật, hãy chuyển sang bước 7.
- 5 Nếu bộ định tuyến có bảo mật, hãy nhập **Enter the password for (AP Name)**. (Mã bảo mật hoặc PIN).
- 6 Khi hoàn tất, sử dụng nút mũi tên phải để di chuyển con trỏ sang **Done**, sau đó nhấn . Màn hình kết nối mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
- 7 Chọn **Cancel** trong khi đang cố gắng kết nối mạng. Tác vụ này sẽ ngừng kết nối.
- 8 Chọn **IP Settings** trên màn hình kết nối mạng. Màn hình **IP Settings** hiển thị.
- 9 Chọn trường ở trên cùng, nhấn , rồi đặt **IP setting** thành **Enter manually**. Lặp lại quy trình nhập cho từng trường trong **IP Address**.
  -  Đặt **IP setting** thành **Enter manually** sẽ tự động thay đổi **DNS setting** thành **Enter manually**.
- 10 Khi hoàn tất, chọn **OK** ở cuối trang, sau đó nhấn . Màn hình kiểm tra mạng xuất hiện và quá trình xác minh bắt đầu.
- 11 Khi kết nối đã được xác minh, thông báo **"Success! Your device is connected to the Internet. If you have any problems using online services, please contact your Internet service provider."** xuất hiện.


---







## Use WPS

 Chức năng này có thể không được hỗ trợ tùy theo mẫu.

### Cách thiết lập bằng Use WPS





Nếu bộ định tuyến của bạn có nút **Use WPS**, hãy thực hiện theo các bước sau.






- 1 Đặt **Network Type** thành **Wireless** từ trang **Open Network Settings**.
- 2 Chọn **Use WPS**, nhấn .
- 3 Nhấn nút WPS hoặc PBC trên bộ định tuyến không dây trong vòng hai phút tiếp theo. Sản phẩm của bạn tự động lấy tất cả các giá trị cài đặt mạng cần thiết và kết nối với mạng của bạn.
  - Nếu bạn muốn sử dụng WPS PIN, hãy chọn **WPS PIN**.  
Đi tới Cài đặt của bộ định tuyến không dây, nhập mã PIN của bạn, sau đó chọn **OK**.
- 4 Màn hình kết nối mạng xuất hiện và quá trình thiết lập mạng hoàn tất.





Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Server Network Settings	Connect to server	<p>Kết nối với máy chủ MagicInfo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li> Nếu bạn sử dụng tùy chọn <b>TLS</b>, máy chủ sẽ được định cấu hình sử dụng https và dữ liệu truyền đi sẽ được mã hóa. (Số cổng: 7002)</li> <li> Nếu bạn không sử dụng tùy chọn <b>TLS</b>, hãy nhập địa chỉ IP của máy chủ và số cổng. Sử dụng 7001 làm số cổng. (Nếu không thể kết nối với máy chủ bằng số cổng 7001, hãy kiểm tra với quản trị viên máy chủ để tìm số cổng chính xác rồi thay đổi số cổng.)</li> <li> Nhập địa chỉ IP và số cổng của máy chủ. Sử dụng 7001 làm số cổng. (Nếu không thể kết nối với máy chủ bằng số cổng 7001, hãy kiểm tra với quản trị viên máy chủ để tìm thấy số cổng chính xác rồi thay đổi số cổng.)</li> <li> Để xem hướng dẫn sử dụng MagicInfo Server, hãy truy cập vào trang web sau: <a href="http://displaysolutions.samsung.com">http://displaysolutions.samsung.com</a> → Support → Resources → MagicInfo Web Manual.</li> </ul>
	Verify MagicINFO Server	Bật tùy chọn này để chặn giao tiếp HTTPS nếu tên miền của URL Máy chủ MagicINFO khác với tên miền của chứng chỉ Máy chủ MagicINFO.
	MagicInfo Mode	<p>Chọn <b>MagicInfo Mode</b> phù hợp tùy theo môi trường nơi bạn đang sử dụng sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li> Các loại nội dung được hỗ trợ có thể bị giới hạn khi <b>MagicInfo Mode</b> được đặt là <b>Lite</b>.</li> </ul>
	Server Access	Cho phép hoặc từ chối quyền truy cập vào máy chủ MagicInfo.
	FTP Mode	Chỉ định chế độ vận hành FTP.
	Proxy server	<p>Thiết lập kết nối máy chủ proxy và các chức năng liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Address</b> / <b>Port</b> / <b>ID</b> và <b>Password</b> được kích hoạt khi <b>Proxy server</b> được đặt thành <b>On</b>.</li> </ul>
Embedded Server Settings	Embedded Server	Bật để kích hoạt máy chủ nhúng. Tắt để xóa thông tin máy chủ đã đăng ký.
	Server Mode	Để sử dụng thiết bị này làm máy chủ web cục bộ, hãy đặt thiết bị thành 'Server' (Máy chủ). Nếu bạn đã có thiết bị máy chủ gần đó, hãy đặt thiết bị là 'Client' (Máy khách) để kết nối thiết bị này với máy chủ.
Wi-Fi		Bật hoặc tắt Wi-Fi. Bật tùy chọn này để sử dụng các tính năng yêu cầu kết nối Wi-Fi.
Device Name		<p>Chọn hoặc nhập tên thiết bị.</p> <p>Tên này có thể được hiển thị trên thiết bị mạng qua mạng.</p>






# System



Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Accessibility	Voice Guide Settings	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Voice Guide</b> Bật hoặc tắt <b>Voice Guide</b>. Ngôn ngữ được sử dụng cho <b>Voice Guide</b> sẽ giống như ngôn ngữ menu hiện tại.  <b>Volume, Speed</b> và <b>Pitch</b> được kích hoạt khi <b>Voice Guide</b> được đặt thành <b>On</b>.  Dịch vụ cung cấp có thể khác nhau tùy theo khu vực.</li><li>• <b>Volume</b> Đặt mức âm lượng cho <b>Voice Guide</b>.</li><li>• <b>Speed</b> Đặt tốc độ của <b>Voice Guide</b>.</li><li>• <b>Pitch</b> Điều chỉnh độ cao của <b>Voice Guide</b>.</li><li>• <b>Background Sound Volume</b> Điều chỉnh âm lượng nền trong khi hướng dẫn bằng giọng nói.</li></ul>
	High Contrast	Đặt nền và phông chữ thành màu có độ tương phản cao trong Menu. Độ rõ ràng của menu trở thành mờ khi tùy chọn được chọn.
	Enlarge	Tăng kích thước của khu vực Menu.
Start Setup		<p>Thực hiện các bước cài đặt ban đầu giống như bạn đã làm khi lần đầu sử dụng sản phẩm này.</p> <p> Nhập số PIN gồm 6 chữ số. Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0". Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng <b>Change PIN</b>.</p> <p> Đổi mã PIN để giữ thiết bị được an toàn.</p>








Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Zero Touch Configuration		Thiết lập thiết bị qua <b>Tizen Business Manager</b> . Trước khi sử dụng <b>Zero Touch Configuration</b> , đăng ký thiết bị ở <b>Tizen Business Manager</b> .
	Touch Control	Đặt các chức năng liên quan đến điều khiển cảm ứng.
	Touch Control	Ngăn các thao tác chạm không điều khiển thiết bị của bạn.
Time	Admin Menu Lock	Đặt <b>Admin Menu Lock</b> để hiển thị trình đơn cài đặt quản trị viên khi bạn chạm và giữ ngón tay trên màn hình.  Chỉ khả dụng khi <b>Touch Control</b> được đặt thành <b>On</b> .
		Bạn có thể đặt cấu hình <b>Clock Set</b> hoặc <b>DST</b> . Định cấu hình các cài đặt có liên quan đến thời gian khác nhau.
	Clock Set	Chọn <b>Clock Set</b> . Chọn <b>Date</b> hoặc <b>Time</b> , rồi nhấn  Sử dụng các nút số để nhập số hoặc nhấn nút mũi tên lên và xuống. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để di chuyển từ một trường nhập sang trường nhập tiếp theo. Nhấn  khi hoàn tất.  Bạn có thể cài đặt trực tiếp <b>Date</b> và <b>Time</b> bằng cách nhấn các nút số trên điều khiển từ xa.
	NTP Settings	Thiết lập máy chủ URL và múi giờ để sử dụng thời gian mạng.
	DST	Bật hoặc tắt chức năng DST (Quy ước giờ mùa hè).  <b>Start Date</b> , <b>End Date</b> và <b>Time Offset</b> được kích hoạt khi <b>DST</b> được đặt thành <b>On</b> .
	Power On Delay	Khi kết nối nhiều sản phẩm, điều chỉnh thời gian bật nguồn cho từng sản phẩm để tránh quá tải điện (trong khoảng 0–50 giây).

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Auto Source Switching	Auto Source Switching	Chuyển sang nguồn đặt trước hoặc một nguồn khác khi thiết bị nguồn chính bị ngắt kết nối.
	Primary Source Recovery	Chọn khôi phục nguồn vào chính đã chọn khi nguồn vào chính được kích hoạt.  Chức năng <b>Primary Source Recovery</b> bị tắt nếu <b>Primary Source</b> được đặt thành <b>All</b> .
	Primary Source	Chọn nguồn chính để chuyển sang khi không nhận được tín hiệu từ đầu vào hiện tại.
	Secondary Source	Chọn nguồn phụ để chuyển sang khi không nhận được tín hiệu từ đầu vào hiện tại.  Chức năng <b>Secondary Source</b> bị tắt nếu <b>Primary Source</b> được đặt thành <b>All</b> .
	Default Input	Chọn đầu vào mặc định để chuyển sang khi ngắt kết nối đầu vào mới. Tùy chọn <b>Last Input</b> chỉ bao gồm các đầu vào bên ngoài được kết nối qua cáp.  <b>Auto Source Switching</b> phải được đặt thành <b>New Input</b> để bật tùy chọn <b>Default Input</b> .
Power Control	Auto Power On	Tính năng này tự động bật trên sản phẩm ngay khi được cắm điện. Bạn không cần nhấn nút nguồn.
	Max. Power Saving	Tiết kiệm điện bằng cách tắt màn hình PC khi bạn không sử dụng PC sau một khoảng thời gian nhất định.
	Standby Control	Khi không có tín hiệu, thì sẽ xác định xem có vào chế độ ngủ hay không.
	Remote Configuration	Giữ kết nối mạng hoạt động khi sản phẩm bị tắt.
	Power Button	Bạn có thể đặt nút nguồn  trên điều khiển từ xa để bật nguồn hoặc bật/tắt nguồn.

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Power and Energy Saving	Brightness Reduction	Giảm tiêu thụ điện bằng cách điều chỉnh độ sáng màn hình.
	Screen Lamp Schedule	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Screen Lamp Schedule</b> Bật hoặc tắt lịch trình đèn.</li> <li>• <b>Schedule 1, Schedule 2</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Time</b> Độ sáng của pa-nen sẽ thay đổi về độ sáng được đặt trong <b>Lamp</b> tại một giờ nhất định.</li> <li>– <b>Lamp</b> Điều chỉnh độ sáng của pa-nen. Giá trị càng gần 100 thì pa-nen càng sáng hơn.</li> </ul> </li> </ul>
	No Signal Power Off	<p>Tiết kiệm điện bằng cách tắt sản phẩm khi không nhận tín hiệu từ bất kỳ nguồn nào.</p> <p> Chức năng này không hoạt động nếu màn hình đang ở chế độ chờ.</p> <p> Sản phẩm sẽ tự động tắt nguồn tại một thời điểm nhất định. Thời điểm này có thể được thay đổi theo yêu cầu.</p>
	Auto Power Off	Chọn thời lượng màn hình chờ trước khi tắt nếu không phát hiện được tương tác nào của người dùng.





Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
External Device Manager		Quản lý các thiết bị ngoại vi đã kết nối với bảng ký hiệu của bạn.
	Input Device Manager	<p>Thiết lập bàn phím để sử dụng với sản phẩm của bạn. Bạn có thể thêm bàn phím và đặt cấu hình cài đặt của bàn phím.</p> <p> Chỉ sử dụng được cho các kiểu máy có hỗ trợ Bluetooth.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Bluetooth Device List</b> Kết nối bàn phím, chuột hoặc bộ điều khiển game Bluetooth với sản phẩm của bạn.</li> <li>• <b>Keyboard Settings</b> Cấu hình cài đặt bàn phím đã kết nối. <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Keyboard Language</b> Đặt ngôn ngữ của bàn phím.</li> <li>– <b>Keyboard type</b> Đặt loại bàn phím.</li> </ul> </li> <li>• <b>Mouse Settings</b> Cấu hình cài đặt chuột được kết nối. <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Primary Button</b> Chọn nút bạn muốn sử dụng làm nút chính để nhấp và chọn.</li> <li>– <b>Pointer Speed</b> Đặt tốc độ của con trỏ chuột.</li> </ul> </li> </ul>
	Device Connection Manager	<p>Cho phép các thiết bị như điện thoại thông minh và máy tính bảng trên mạng chia sẻ nội dung với sản phẩm của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Access Notification</b> Hiển thị thông báo khi một thiết bị như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng được kết nối. Nếu bạn sử dụng mạng Wi-Fi yêu cầu mật khẩu, hãy tắt tùy chọn này để tự động kết nối với thiết bị mà không cần xem thông báo.</li> <li>• <b>Device List</b> Xem và quản lý các thiết bị được kết nối.</li> </ul>

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Play via		<p>Chọn chế độ <b>Play via</b> phù hợp tùy theo môi trường nơi bạn đang sử dụng sản phẩm.</p> <p>Màn hình chính có thể khác nhau tùy theo cài đặt.</p>
Change PIN		<p>Thay đổi Số nhận diện cá nhân (PIN) 6 chữ số của bạn.</p> <p>Chọn 6 chữ số bất kỳ cho mã PIN của bạn và nhập mã đó vào <b>Enter a new PIN..</b> Nhập lại 6 chữ số trong <b>Enter the PIN again..</b></p> <p>Sản phẩm đã ghi nhớ mã PIN mới của bạn.</p> <p> Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0".</p> <p> Đổi mã PIN để giữ thiết bị được an toàn.</p>

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Security		<p> Nhập số PIN gồm 6 chữ số. Số PIN mặc định là "0-0-0-0-0-0". Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng <b>Change PIN</b>.</p> <p> Đổi mã PIN để giữ thiết bị được an toàn.</p>
	Safety Lock On	<p>Bật hoặc tắt <b>Safety Lock On</b>. <b>Safety Lock On</b> hạn chế những hành động mà điều khiển từ xa có thể thực hiện. Bạn phải nhập mã PIN chính xác để tắt <b>Safety Lock On</b>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Power On Button</b> Bật tính năng này để cho phép nút Nguồn của điều khiển từ xa bật thiết bị trong khi <b>Safety Lock On</b> được bật.</li> </ul>
	Button Lock	<p>Có thể sử dụng menu này để khoá các nút trên sản phẩm.</p> <p>Chỉ điều khiển từ xa mới có thể điều khiển sản phẩm nếu <b>Button Lock</b> được đặt thành <b>On</b>.</p>
	Screen Monitoring Lock	<p>Chặn Máy chủ MagicINFO giám sát hình ảnh màn hình.</p>
	USB Auto Play Lock	<p>Chọn có tự động phát nội dung <b>MagicInfo</b> hoặc <b>MagicInfo Lite</b> được lưu trên thiết bị USB đã kết nối hay không.</p> <p> Nội dung của bạn phải là Published Content  được tạo bằng MagicInfo Premium application và xuất bản đến thiết bị USB bạn đang sử dụng. Chương trình MagicInfo Premium application có sẵn trên trang web. (<a href="http://displaysolutions.samsung.com">http://displaysolutions.samsung.com</a>)</p> <p> Khi được xuất bản đến thiết bị USB, Published Content  sẽ được lưu vào các thư mục Contents và Schedules trong thư mục gốc của thiết bị USB được kết nối.</p> <p> Kết nối thiết bị USB chứa nội dung <b>MagicInfo</b> hoặc <b>MagicInfo Lite</b> sẽ hiển thị "<b>USB Auto Play Lock : On</b>" trong năm giây.</p>
	Mobile Connection Lock	<p>Hạn chế các thiết bị khác trên mạng của bạn, chẳng hạn như điện thoại thông minh và máy tính bảng, để ngăn các thiết bị này chia sẻ nội dung với sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Screen Mirroring Standby</b> Bật tùy chọn này để nhận yêu cầu kết nối từ mọi loại nguồn.</li> </ul>







Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Security	Remote Management	Bạn có thể <b>Allow</b> hoặc <b>Deny</b> các lệnh bên ngoài để truy cập sản phẩm qua mạng.
	Secured Protocol	Bảo mật giao thức giữa thiết bị này và các thiết bị khác. <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>SNMP Settings</b> Thiết lập ID và mật khẩu cho kết nối SNMP.</li> </ul>
	Server Security Status	Bạn có thể xem thông tin máy chủ MagicINFO.  Chức năng này được bật khi được kết nối với máy chủ MagicINFO hoặc RM.
	Network Lock	Chặn truy cập mạng bên ngoài. Bạn có thể đăng ký mạng trên máy chủ để cho phép quyền truy cập.
	USB Lock	Chặn kết nối với cổng USB bên ngoài.
	Certificate Manager	Quản lý các chứng chỉ cài đặt trên thiết bị này.  Chỉ hỗ trợ hạn chế cho các kiểu máy có chứng nhận Enterprise WPA2 (TLS/TTLS/PEAP). <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>App Certificate</b> Xem và quản lý các chứng chỉ ứng dụng cài đặt trên thiết bị này. Kết nối với một ổ USB flash có các chứng chỉ để cài đặt chúng trên thiết bị này.</li> <li>• <b>Wi-Fi Certificate</b> Xem và quản lý các chứng chỉ Wi-Fi cài đặt trên thiết bị này.</li> </ul>





Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
General	Anynet+ (HDMI-CEC)	<p>Anynet+ là chức năng cho phép bạn điều khiển tất cả thiết bị Samsung đã kết nối có hỗ trợ Anynet+ bằng điều khiển từ xa dành cho sản phẩm Samsung của bạn. Hệ thống Anynet+ chỉ có thể được sử dụng với các thiết bị Samsung có tính năng Anynet+. Để đảm bảo thiết bị Samsung của bạn có tính năng này, hãy kiểm tra xem có logo Anynet+ trên thiết bị hay không.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li> Bạn chỉ có thể điều khiển các thiết bị <b>Anynet+</b> bằng điều khiển từ xa của sản phẩm, chứ không phải các nút trên sản phẩm.</li> <li> Điều khiển từ xa của sản phẩm có thể không hoạt động trong các điều kiện nhất định. Nếu điều này xảy ra, hãy chọn lại thiết bị <b>Anynet+</b>.</li> <li> <b>Anynet+</b> hoạt động khi thiết bị AV hỗ trợ <b>Anynet+</b> đang ở chế độ chờ hoặc trạng thái bật.</li> <li> <b>Anynet+</b> hỗ trợ tổng cộng tối đa 12 thiết bị AV. Lưu ý rằng bạn có thể kết nối tối đa 3 thiết bị cùng loại.</li> </ul>

## Xử lý sự cố đối với Anynet+






Sự cố	Giải pháp có thể
Anynet+ không hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra xem thiết bị có phải là Anynet+ hay không. Hệ thống Anynet+ chỉ hỗ trợ các thiết bị Anynet+.</li> <li>Kiểm tra xem dây nguồn của thiết bị Anynet+ có được kết nối đúng cách không.</li> <li>Kiểm tra kết nối cáp Video/Audio/HDMI của thiết bị Anynet+.</li> <li>Kiểm tra xem <b>Anynet+ (HDMI-CEC)</b> có được đặt thành <b>On</b> trong menu <b>System</b>.</li> <li>Kiểm tra xem điều khiển từ xa có tương thích với Anynet+ hay không.</li> <li>Anynet+ không hoạt động trong các tình huống nhất định. (thiết lập ban đầu)</li> <li>Nếu bạn đã rút, sau đó kết nối lại cáp HDMI, hãy đảm bảo tìm kiếm lại thiết bị hoặc tắt sản phẩm và bật lại.</li> <li>Kiểm tra xem chức năng Anynet+ của thiết bị Anynet có được đặt thành bật không.</li> </ul>
Tôi muốn khởi động Anynet+.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra xem thiết bị Anynet+ có được kết nối đúng với sản phẩm hay không và kiểm tra xem <b>Anynet+ (HDMI-CEC)</b> có được đặt thành <b>On</b> trong menu <b>System</b> không.</li> </ul>
Tôi muốn thoát Anynet+.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấn nút <b>SOURCE</b> trên điều khiển từ xa của sản phẩm và chọn thiết bị không phải là Anynet+.</li> </ul>
Thông báo " <b>Disconnecting Anynet+ device ...</b> " xuất hiện trên màn hình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bạn không thể sử dụng điều khiển từ xa khi đang đặt cấu hình Anynet+ hoặc khi đang chuyển sang chế độ xem.</li> <li>Sử dụng điều khiển từ xa sau khi sản phẩm đã hoàn thành việc đặt cấu hình Anynet+ hoặc đã kết thúc chuyển sang Anynet+.</li> </ul>
Thiết bị Anynet+ không phát.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bạn có thể sử dụng chức năng phát khi quá trình thiết lập ban đầu đang diễn ra.</li> </ul>
Thiết bị đã kết nối không được hiển thị.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra xem thiết bị có hỗ trợ các chức năng Anynet+ hay không.</li> <li>Kiểm tra xem cáp HDMI có được kết nối đúng cách hay không.</li> <li>Kiểm tra xem <b>Anynet+ (HDMI-CEC)</b> có được đặt thành <b>On</b> trong menu <b>System</b>.</li> <li>Tìm kiếm lại thiết bị Anynet+.</li> <li>Anynet+ yêu cầu kết nối HDMI. Đảm bảo thiết bị được kết nối với sản phẩm của bạn bằng cáp HDMI.</li> <li>Một số cáp HDMI có thể không hỗ trợ chức năng Anynet+.</li> <li>Nếu kết nối bị ngắt do có sự cố về điện hoặc cáp HDMI bị ngắt kết nối, hãy quét lại thiết bị.</li> </ul>

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
General	HDMI Hot Plug	Tính năng này được sử dụng để kích hoạt độ trễ thời gian để bật thiết bị nguồn HDMI.
	Custom Logo	<p>Bạn có thể tải, chọn, và thiết lập thời gian hiển thị của một biểu tượng t.chính xuất hiện khi sản phẩm được bật lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Custom Logo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li> Bạn có thể chọn một biểu tượng t.chính (hình ảnh/video) hoặc tắt hiển thị biểu tượng t.chính.</li> <li> Bạn phải tải biểu tượng t.chính từ thiết bị USB bên ngoài để thiết lập biểu tượng t.chính.</li> </ul> </li> <li> <b>Logo Display Time</b> <ul style="list-style-type: none"> <li> Nếu loại biểu tượng t.chính là <b>Image</b>, bạn có thể thiết lập <b>Logo Display Time</b>.</li> </ul> </li> <li> <b>Download Logo File</b> <ul style="list-style-type: none"> <li> Bạn có thể tải một biểu tượng t.chính vào sản phẩm từ một thiết bị USB bên ngoài.</li> <li> Tên tập tin của biểu tượng t.chính mà bạn muốn tải phải được lưu là "samsung" bằng tất cả các chữ cái nhỏ.</li> <li> Khi có nhiều kết nối USB bên ngoài, sản phẩm sẽ tải biểu tượng t.chính từ thiết bị cuối cùng được kết nối với sản phẩm.</li> </ul> </li> </ul> <div> <p>Các giới hạn tập tin biểu tượng t.chính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Có thể sử dụng hình ảnh có dung lượng lên tới 50 MB. <ul style="list-style-type: none"> <li>Tệp hình ảnh được hỗ trợ: samsung_image.*</li> <li>Phần mở rộng tệp được hỗ trợ: jpg, jpeg, bmp, png</li> </ul> </li> <li>Có thể sử dụng video có dung lượng lên tới 150 MB. Bạn nên sử dụng video có thời lượng dưới 20 giây. <ul style="list-style-type: none"> <li>Tệp video được hỗ trợ: samsung_video.*</li> <li>Phần mở rộng tệp được hỗ trợ: avi, mpg, mpeg, mp4, ts, wmv, asf</li> </ul> </li> </ul> </div>

Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
General	Game Mode	<p>Khi kết nối với bảng điều khiển trò chơi chẳng hạn như PlayStation™ hoặc Xbox™, bạn có thể thưởng thức trải nghiệm trò chơi trung thực hơn bằng cách chọn chế độ trò chơi.</p> <p> Nếu bạn kết nối với các thiết bị ngoại vi khác trong khi đang bật <b>Game Mode</b>, màn hình có thể sẽ không hiển thị chính xác.</p>
	DICOM Simulation Mode	<p>Điều chỉnh chế độ hiển thị để xuất hình ảnh gần với tiêu chuẩn GSDF của DICOM phần 14.</p> <p> Thiết bị này không thể được sử dụng làm thiết bị chẩn đoán y tế, ngay cả khi bật Chế độ mô phỏng DICOM.</p>
	Director Mode	Giảm thiểu việc xử lý hình ảnh để hiển thị ý định ban đầu của đạo diễn phim trên màn hình.
	Empty Storage	Xóa các tệp để tạo khoảng trống cho các tệp nội dung mới. Các tệp trên lịch trình gần đây sẽ không bị xóa.
Reset System		Khôi phục tất cả cài đặt hệ thống về mặc định.

# Support


Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Software Update		<p>Menu <b>Software Update</b> cho phép bạn nâng cấp phần mềm sản phẩm của mình lên phiên bản mới nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>✎ Cần thận để không tắt nguồn cho đến khi hoàn thành nâng cấp. Sản phẩm sẽ tự động tắt và bật sau khi hoàn thành nâng cấp phần mềm.</li><li>✎ Khi bạn nâng cấp phần mềm, tất cả các cài đặt video và âm thanh bạn đã thực hiện sẽ trở về cài đặt mặc định của chúng. Chúng tôi khuyên bạn nên ghi lại cài đặt của mình để bạn có thể dễ dàng đặt lại chúng sau khi nâng cấp.</li></ul>
	Update Now	<p>Cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>✎ <b>Current version:</b> Đây là phiên bản phần mềm đã được cài đặt trong sản phẩm.</li><li>• Cập nhật qua thiết bị USB Tải xuống gói cập nhật từ trang web của Samsung đến thiết bị lưu trữ USB, sau đó kết nối thiết bị với sản phẩm để cập nhật phần mềm của sản phẩm.<ul style="list-style-type: none"><li>✎ Hãy nhớ lưu gói cập nhật vào thư mục trên cùng của thiết bị USB. Nếu không, sản phẩm sẽ không thể tìm thấy gói cập nhật.</li></ul></li><li>• Cập nhật qua mạng<ul style="list-style-type: none"><li>✎ Có thể sử dụng chức năng này khi mạng được kết nối đúng cách.</li></ul></li></ul>
Apps		<p>Quản lý và cập nhật các ứng dụng của bạn. Để sử dụng Menu <b>Apps</b>, vui lòng đồng ý với Điều khoản và Điều kiện.</p> <p>Kiểm tra thông tin chi tiết về ứng dụng và cài đặt lại khi ứng dụng hoạt động không đúng cách.</p>


Thứ 2	Thứ 3	Mô tả
Contact Samsung		<p>Bạn có thể xem địa chỉ trang web Samsung, số điện thoại của tổng đài, số mẫu sản phẩm, phiên bản phần mềm, Giấy phép nguồn mở và các thông tin khác.</p> <p> Truy cập <b>Contact Samsung</b> và tìm sản phẩm <b>Model Code</b> và <b>Software Version</b>.</p>
Terms & Privacy		<p>Xem và thiết lập chính sách quyền riêng tư cho MagicInfo và các dịch vụ khác.</p> <p> Hãy đảm bảo đã kết nối sản phẩm với mạng.</p> <p> Các mục menu có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.</p> <p> Dịch vụ cung cấp có thể khác nhau tùy theo khu vực.</p> <p> Tính năng này chỉ được bật nếu bạn chọn “Thông báo về quyền riêng tư của Smart Signage” khi thiết lập.</p>
Device Care		<p>Tối ưu hóa và chẩn đoán tình trạng Signage của bạn. Bạn có thể kiểm tra và dọn dẹp không gian lưu trữ, chẩn đoán sự cố hoặc yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật.</p>
Reset All		<p>Tùy chọn này đổi toàn bộ cài đặt hiện tại cho một màn hình về cài đặt xuất xưởng mặc định.</p>

# Chương 08

## Hướng dẫn xử lý sự cố

### Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung

 Thực hiện theo hướng dẫn ở bên phải để kiểm tra sản phẩm của bạn trước khi yêu cầu dịch vụ. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

 Đèn chỉ báo nguồn có thể không được hỗ trợ tùy theo kiểu máy.

#### Kiểm tra sản phẩm

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình không hiển thị gì khi đèn chỉ báo nguồn nhấp nháy mặc dù sản phẩm vẫn được kết nối đúng với PC, hãy kiểm tra sản phẩm.

- 1 Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.
- 2 Ngắt kết nối toàn bộ cáp khỏi sản phẩm.
- 3 Bật nguồn sản phẩm.
- 4 Nếu **No Cable Connected** được hiển thị, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường.

Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

#### Kiểm tra độ phân giải và tần số

Đối với các chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ, thông báo **"Not Optimum Mode"** sẽ xuất hiện nhanh.

Tham khảo Chế độ hẹn giờ cài sẵn để đặt độ phân giải PC cho mẫu sản phẩm của bạn.


## Kiểm tra những mục sau đây.

### Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC)

Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra xem cáp giữa sản phẩm và PC có được kết nối chính xác không.
Bạn sẽ thấy các khoảng trống ở cả 4 cạnh của màn hình khi cáp HDMI được kết nối với sản phẩm và PC.	Các khoảng trống trên màn hình không liên quan đến sản phẩm.
	Máy tính hoặc card màn hình không gây nên các khoảng trống trên màn hình. Để giải quyết vấn đề này, hãy điều chỉnh kích thước màn hình trong các cài đặt HDMI hoặc DVI cho card màn hình.
	Nếu trình đơn cài đặt card màn hình không có tùy chọn để điều chỉnh kích thước màn hình, hãy cập nhật trình điều khiển card màn hình sang phiên bản mới nhất.
	(Hãy liên hệ với nhà sản xuất card màn hình hoặc máy tính để biết thêm thông tin chi tiết về cách điều chỉnh cài đặt màn hình.)

### Vấn đề về màn hình

Đèn chỉ báo nguồn bị tắt. Màn hình không bật.	Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.
No Signal được hiển thị trên màn hình.	Kiểm tra xem sản phẩm (bao gồm thiết bị nguồn) đã được kết nối với dây cáp đúng cách hay chưa.
	Kiểm tra xem thiết bị nguồn kết nối với sản phẩm có bật không.
	Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, có thể màn hình sẽ không hiển thị đúng cách. Trong trường hợp này, kết nối thiết bị với chức năng <b>HDMI Hot Plug</b> đang <b>On</b> .
	Bạn nên sử dụng thiết bị đổi loại cổng 2.0 cho bộ điều hợp USB Loại C (loại thiết bị đổi loại cổng). Trong trường hợp này, hãy rút thiết bị đổi loại cổng ra rồi kết nối lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với nhà sản xuất thiết bị đổi loại cổng.
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa.
	Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.

 Đèn chỉ báo nguồn có thể không được hỗ trợ tùy theo kiểu máy.



Đèn chỉ báo nguồn có thể không được hỗ trợ tùy theo kiểu máy.

Vấn đề về màn hình	
Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.	Kiểm tra kết nối cáp với sản phẩm.
Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ.	Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo.
Màn hình không ổn định và rung.	Kiểm tra xem độ phân giải và tần số của máy tính và card đồ họa có được cài đặt ở mức tương thích với sản phẩm hay không. Sau đó, thay đổi cài đặt màn hình nếu cần thiết bằng cách tham khảo 'Chế độ hẹn giờ cài sẵn'.
Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.	
Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.	Đi đến <b>Menu</b> → <b>Picture</b> , điều chỉnh cài đặt <b>Brightness</b> và <b>Contrast</b> .
Màu màn hình không đồng nhất.	Đi tới <b>Menu</b> → <b>Picture</b> → <b>Advanced Settings</b> và điều chỉnh cài đặt <b>Colour Space Settings</b> .
Màu trắng trông không hẳn là trắng.	Đi tới <b>Menu</b> → <b>Picture</b> → <b>Advanced Settings</b> và điều chỉnh cài đặt <b>White Balance</b> .
Không có hình ảnh trên màn hình và cứ mỗi 0,5 tới 1 giây, đèn chỉ báo nguồn lại nhấp nháy một lần.	Màn hình tắt để tiết kiệm năng lượng.
	Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước.
Sản phẩm sẽ tự động tắt.	Nếu PC được kết nối với sản phẩm, hãy kiểm tra trạng thái nguồn của PC.
	Đảm bảo cáp nguồn được kết nối đúng cách với sản phẩm và ổ cắm nguồn.
	Nếu không phát hiện thấy tín hiệu từ một thiết bị đã kết nối, sản phẩm sẽ tự động tắt sau 10 đến 15 phút.
Hiển thị màn hình không bình thường.	Nội dung video mã hóa có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi ở các cảnh đặc trưng bởi các đối tượng di chuyển nhanh như sự kiện thể thao hoặc video hành động.
	Mức tín hiệu thấp hoặc chất lượng hình ảnh thấp có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi. Điều này không có nghĩa là sản phẩm bị hỏng.
	Một điện thoại di động trong bán kính 1 mét có thể tạo ra tĩnh điện trên các sản phẩm kỹ thuật số và analog.

Vấn đề về màn hình	
Độ sáng và màu sắc không như bình thường.	Đi tới <b>Menu</b> → <b>Picture</b> và điều chỉnh các cài đặt màn hình như <b>Colour</b> , <b>Brightness</b> và <b>Sharpness</b> .
	Đi đến <b>Menu</b> → <b>System</b> , điều chỉnh cài đặt <b>Power and Energy Saving</b> .
	Đặt lại cài đặt màn hình về cài đặt mặc định. ( <a href="#">T.69</a> )
Tôi nhìn thấy màu đỏ, xanh lục và xanh lam.	Kiểm tra các kết nối cáp.
	Sự cố này có thể xảy ra khi bảng điều khiển của sản phẩm bị hỏng. Liên hệ với Trung tâm Dịch vụ Samsung để giải quyết sự cố.
Màn hình không ổn định, rồi sau đó treo.	Màn hình có thể treo khi sử dụng độ phân giải không phải là độ phân giải được khuyến dùng hoặc nếu tín hiệu không ổn định. Để giải quyết sự cố, thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được khuyến dùng.
Màn hình không thể hiển thị ở chế độ toàn màn hình.	Tệp nội dung SD được chia tỷ lệ (4:3) có thể tạo ra các thanh màu đen ở cả hai bên của màn hình kênh HD.
	Một video có tỷ lệ khung hình khác với sản phẩm có thể sẽ hiển thị các thanh màu đen ở đầu và cuối màn hình.
	Thay đổi cài đặt kích thước màn hình về chế độ toàn màn hình trên sản phẩm hoặc thiết bị nguồn.
Vấn đề về âm thanh (Đối với các mẫu có loa tích hợp sẵn)	
Không có âm thanh.	Kiểm tra kết nối của cáp âm thanh hoặc điều chỉnh âm lượng.
	Kiểm tra âm lượng.
Âm lượng quá nhỏ.	Điều chỉnh âm lượng.
	Nếu âm lượng vẫn nhỏ sau khi bật âm lượng đến mức tối đa, hãy điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.


### Vấn đề về âm thanh (Đối với các mẫu có loa tích hợp sẵn)

Video khả dụng nhưng không có âm thanh.	Nếu đã kết nối cáp HDMI hoặc cáp DP, hãy kiểm tra cài đặt đầu ra âm thanh trên PC.
	Đi tới <b>Menu</b> → <b>Sound</b> và thay đổi <b>Sound Output</b> thành <b>Internal</b> .
	Nếu sử dụng thiết bị nguồn <ul style="list-style-type: none"> <li>Hãy đảm bảo rằng cáp âm thanh được kết nối đúng cách với cổng đầu vào âm thanh trên sản phẩm.</li> <li>Kiểm tra cài đặt đầu ra âm thanh cho thiết bị nguồn. (Ví dụ: nếu màn hình được kết nối với cáp HDMI, bạn có thể cần phải thay đổi tùy chọn âm thanh của thiết bị hiển thị video thành HDMI.)</li> </ul>
	Nếu sản phẩm có cổng tai nghe, hãy đảm bảo cổng đó không kết nối với thiết bị nào.
	Kết nối lại cáp nguồn với thiết bị, rồi sau đó khởi động lại thiết bị.
Có tạp âm phát ra từ loa.	Kiểm tra kết nối cáp. Đảm bảo cáp video không kết nối với cổng đầu vào âm thanh.
	Kiểm tra cường độ tín hiệu sau khi kết nối cáp.
	Mức tín hiệu thấp có thể làm cho âm thanh bị lỗi.

### Vấn đề với điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa không hoạt động.	Đảm bảo rằng pin được đặt đúng chỗ (+/-).
	Kiểm tra xem pin đã hết hay không.
	Kiểm tra liệu không có điện.
	Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.
	Kiểm tra xem có bóng đèn đặc biệt hay ánh đèn neon gần đó hay không.

Vấn đề với thiết bị nguồn	
Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.	Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng.
Sự cố chức năng cảm ứng	
Chức năng cảm ứng không hoạt động khi sử dụng kết nối PC.	Kiểm tra xem cổng TOUCH OUT trên sản phẩm có được kết nối với cổng USB trên PC bằng cáp USB không.
Thao tác cảm ứng không nhạy, tốc độ phản hồi chậm và nhiều vấn đề khác.	Đảm bảo rằng không có vật thể lạ trên bề mặt màn hình.
	Kiểm tra xem màn hình có bị vỡ không.
	Đảm bảo rằng sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.
Sự cố khác	
Sản phẩm có mùi nhựa.	Mùi nhựa là bình thường và sẽ biến mất qua thời gian.
Màn hình bị nghiêng.	Tháo, rồi sau đó gắn lại chân đế vào sản phẩm.
Âm thanh hoặc video bị cắt từng đợt.	Kiểm tra kết nối cáp và kết nối lại nếu cần.
	Sử dụng cáp tiêu chuẩn.
Các hạt nhỏ xuất hiện trên cạnh của sản phẩm.	Các hạt này là một phần của thiết kế sản phẩm. Sản phẩm không bị hỏng.
Khi tôi cố thay đổi độ phân giải PC, thông báo " <b>The defined resolution is not supported.</b> " xuất hiện.	Thông báo " <b>The defined resolution is not supported.</b> " xuất hiện nếu độ phân giải nguồn đầu vào vượt quá độ phân giải tối đa của màn hình. Để giải quyết sự cố này, hãy thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được hỗ trợ trên màn hình.
Không có âm thanh từ loa trong chế độ HDMI khi cáp DVI-HDMI được kết nối.	Cáp DVI không truyền dữ liệu âm thanh. Đảm bảo kết nối cáp âm thanh với đúng cổng đầu vào để phát ra âm thanh.
<b>HDMI Black Level</b> không hoạt động đúng cách trên thiết bị HDMI với đầu ra YCbCr.	Chức năng này khả dụng chỉ khi một thiết bị nguồn, chẳng hạn như đầu phát DVD và STB, được kết nối với sản phẩm qua cáp HDMI (tín hiệu RGB).

 Chỉ dành cho các kiểu máy có cổng DisplayPort.

Sự cố khác	
Không có âm thanh trong chế độ HDMI.	Màu sắc hình ảnh được hiển thị có thể không như bình thường. Video hoặc âm thanh có thể không có. Điều này có thể xảy ra nếu thiết bị nguồn chỉ hỗ trợ phiên bản cũ của tiêu chuẩn HDMI kết nối với sản phẩm. Nếu những sự cố này xảy ra, hãy kết nối cáp âm thanh cùng với cáp HDMI.
	Một số thẻ đồ họa PC có thể không tự động nhận ra tín hiệu HDMI mà không bao gồm âm thanh. Trong trường hợp này, hãy chọn thủ công đầu vào âm thanh.
HDMI-CEC không hoạt động.	Để sử dụng một số thiết bị ngoại vi tương thích với tính năng HDMI-CEC được kết nối với cổng <b>HDMI IN</b> trên sản phẩm, hãy tắt tính năng HDMI-CEC trên tất cả các thiết bị ngoại vi. Thiết bị ngoại vi bao gồm đầu phát Blu-ray và DVD. Vận hành thiết bị ngoại vi khi tính năng HDMI-CEC của thiết bị đã được bật có thể tự động dừng các thiết bị ngoại vi khác. Để thay đổi cài đặt HDMI-CEC, hãy tham khảo hướng dẫn người dùng thiết bị hoặc liên hệ với nhà sản xuất thiết bị để được trợ giúp.
Ở chế độ tiết kiệm năng lượng, khi nguồn đầu vào là <b>DisplayPort</b> , không thể lưu cài đặt màn hình PC.	Đi tới <b>Menu</b> → <b>System</b> → <b>Power Control</b> và đặt <b>Max. Power Saving</b> thành <b>Off</b> . Hoặc, định cấu hình lại cài đặt đầu ra màn hình PC. Đảm bảo đã bật nguồn sản phẩm.
Khi khởi động PC với nguồn đầu vào được đặt thành <b>DisplayPort</b> , màn hình khởi động và BIOS sẽ không hiển thị.	Khởi động PC khi sản phẩm được bật hoặc khi nguồn đầu vào không phải là <b>DisplayPort</b> .

# Chương 09

## Các thông số kỹ thuật

### Thông số chung

Tên môđen		QM43B / QM43B-T	QM50B	QM55B / QM55B-T
Màn hình	Kích thước	Loại 43 (42,5 inch / 107,9 cm)	Loại 50 (49,5 inch / 125,7 cm)	Loại 55 (54,6 inch / 138,7 cm)
	Vùng hiển thị	941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1095,84 mm (H) x 616,41 mm (V)	1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)

Tên môđen		QM65B / QM65B-N	QM75B
Màn hình	Kích thước	Loại 65 (64,5 inch / 163,9 cm)	Loại 75 (74,5 inch / 189,3 cm)
	Vùng hiển thị	1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)

Độ phân giải (Thông số Panel)	Độ phân giải tối ưu	3840 x 2160 @ 60 Hz (HDMI)
	Độ phân giải tối đa	3840 x 2160 @ 60 Hz (DisplayPort)
Nguồn điện		AC100-240V~ 50/60Hz * Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) * Khi lắp đặt phần vỏ ngoài, đảm bảo duy trì nhiệt độ bên trong không quá 40 °C. Độ ẩm: 10% – 80%, không ngưng tụ
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Độ ẩm: 5% – 95%, không ngưng tụ * Áp dụng trước khi sản phẩm được mở hộp.

- Cắm và Chạy**  
 Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.
- Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.
- Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Sử dụng độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm suy giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh hiện tượng này, chúng tôi khuyên bạn nên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho sản phẩm của bạn.
- Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung.

# Chế độ hẹn giờ cài sẵn

Có thể tự động điều chỉnh màn hình nếu tín hiệu thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ PC. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không ở chế độ tín hiệu chuẩn, màn hình có thể không hiển thị gì khi đèn chỉ báo nguồn vẫn sáng. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)	Cổng		
					DP IN	DVI IN	HDMI IN
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+	0	0	0
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-	0	0	0
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-	0	0	0
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-	0	0	0
VESA CVT, 3840 x 2160RB	110,500	49,977	442,000	+/-	0	-	-
VESA CVT, 3840 x 2160RB	133,313	59,997	533,250	+/-	0	-	-
VESA DMT, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-	0	0	0
VESA DMT, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-	0	0	0
VESA DMT, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-	0	0	0
VESA DMT, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+	0	0	0
VESA DMT, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+	0	0	0
VESA DMT, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-	0	0	0
VESA DMT, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-	0	0	0
VESA DMT, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+	0	0	0
VESA DMT, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+	0	0	0


Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)	Cổng		
					DP IN	DVI IN	HDMI IN
VESA DMT, 1600 x 900RB	60,000	60,000	108,000	+/+	0	0	0
VESA DMT, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+	0	0	0
VESA DMT, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+	0	0	0
VESA DMT, 2560 x 1440RB	88,787	59,951	241,500	+/-	0	-	0
CTA-861, 720(1440) x 576i	15,625	50,000	27,000	-/-	-	0	0
CTA-861, 720(1440) x 480i	15,734	59,940	27,000	-/-	-	0	0
CTA-861, 720 x 576	31,250	50,000	27,000	-/-	0	0	0
CTA-861, 720 x 480	31,469	59,940	27,000	-/-	0	0	0
CTA-861, 1280 x 720	37,500	50,000	74,250	+/+	0	0	0
CTA-861, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+	0	0	0
CTA-861, 1920 x 1080i	28,125	50,000	74,250	+/+	-	0	0
CTA-861, 1920 x 1080i	33,750	60,000	74,250	+/+	-	0	0
CTA-861, 1920 x 1080	27,000	24,000	74,250	+/+	-	0	0
CTA-861, 1920 x 1080	28,125	25,000	74,250	+/+	-	0	0
CTA-861, 1920 x 1080	33,750	30,000	74,250	+/+	-	0	0
CTA-861, 1920 x 1080	56,250	50,000	148,500	+/+	0	0	0
CTA-861, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+	0	0	0
CTA-861, 3840 x 2160	54,000	24,000	297,000	+/+	-	-	0
CTA-861, 3840 x 2160	56,250	25,000	297,000	+/+	-	-	0
CTA-861, 3840 x 2160	67,500	30,000	297,000	+/+	0	-	0
CTA-861, 3840 x 2160	112,500	50,000	594,000	+/+	0	-	0
CTA-861, 3840 x 2160	135,000	60,000	594,000	+/+	0	-	0
CTA-861, 4096 x 2160	54,000	24,000	297,000	+/+	-	-	0
CTA-861, 4096 x 2160	67,500	30,000	297,000	+/+	-	-	0
CTA-861, 4096 x 2160	112,500	50,000	594,000	+/+	-	-	0
CTA-861, 4096 x 2160	135,000	60,000	594,000	+/+	-	-	0



# Chương 10

## Phụ lục

### Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

 Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

#### Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ được yêu cầu cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm hoặc chỉ điều chỉnh các tùy chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm của công ty khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

### Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng


Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

#### Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai. (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...)
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết. (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màn rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)

 Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

## Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh

### Hiện tượng lưu ảnh là gì?

Hiện tượng lưu ảnh sẽ không xuất hiện khi bảng điều khiển hoạt động bình thường. Hoạt động bình thường có nghĩa là kiểu ảnh video thay đổi liên tục. Nếu bảng điều khiển chỉ hiển thị một kiểu ảnh trong thời gian dài, sự chênh lệch điện áp nhỏ có thể xảy ra giữa các điện cực trong điểm ảnh điều khiển tinh thể lỏng.

Sự chênh lệch điện áp giữa các điện cực đó sẽ tăng dần theo thời gian và làm cho tinh thể lỏng mỏng dần đi. Khi hiện tượng này xảy ra, hình ảnh trước đó có thể vẫn được hiển thị trên màn hình khi kiểu hình ảnh thay đổi.

- ⊘ Hướng dẫn ngăn ngừa hiện tượng lưu ảnh: Xem một kiểu màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến hiện tượng lưu ảnh. Vấn đề này không thuộc chính sách bảo hành.

### Biện pháp ngăn ngừa đề xuất.

Xem một kiểu màn hình trong thời gian dài có thể dẫn đến hiện tượng lưu ảnh hoặc nhòe hình. Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, hãy tắt nguồn hoặc kích hoạt chế độ Tiết kiệm điện hoặc Trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh động.

- Thường xuyên thay đổi màu.



- Tránh kết hợp màu văn bản và màu nền có độ sáng tương phản.
- ✎ Tránh sử dụng các màu sắc có độ sáng tương phản (màu đen và trắng; màu xám và đen).



---

## License



Dolby, Dolby Atmos, Dolby Audio and the double-D symbol are registered trademarks of Dolby Laboratories Licensing Corporation. Manufactured under license from Dolby Laboratories. Confidential unpublished works. Copyright © 2012-2021 Dolby Laboratories. All rights reserved.



The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing Administrator, Inc. in the United States and other countries.

---

Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở

Trong trường hợp sử dụng phần mềm mã nguồn mở, các giấy phép mã nguồn mở được cung cấp trong menu của sản phẩm.

Để biết thông tin về Thông báo giấy phép nguồn mở, hãy liên hệ với Samsung Open Source (<http://opensource.samsung.com>)

---



SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC BÁN VỚI GIẤY PHÉP GIỚI HẠN VÀ CHỈ ĐƯỢC CHO PHÉP SỬ DỤNG ĐỂ KẾT NỐI VỚI NỘI DUNG HEVC ĐÁP ỨNG ĐƯỢC BA TIÊU CHUẨN NHƯ SAU: (1) NỘI DUNG HEVC CHỈ SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN; (2) NỘI DUNG HEVC KHÔNG NHẪM ĐỂ MUA BÁN; VÀ (3) NỘI DUNG HEVC CONTENT ĐƯỢC TẠO RA BỞI NGƯỜI SỞ HỮU SẢN PHẨM.

SẢN PHẨM NÀY KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ KẾT NỐI VỚI NỘI DUNG HEVC MÃ HÓA ĐƯỢC TẠO BỞI BÊN THỨ BA, MÀ NGƯỜI DÙNG ĐÃ ĐẶT HOẶC MUA TỪ BÊN THỨ BA, TRỪ KHI NGƯỜI DÙNG ĐƯỢC CẤP PHÉP RIÊNG ĐỂ SỬ DỤNG SẢN PHẨM VỚI NỘI DUNG NHƯ VẬY BỞI NGƯỜI BÁN NỘI DUNG ĐƯỢC CẤP PHÉP.

VIỆC BẠN SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY KẾT NỐI VỚI NỘI DUNG HEVC MÃ HÓA ĐƯỢC XEM LÀ ĐÃ CÓ SỰ CHẤP THUẬN ỦY QUYỀN HỮU HẠN ĐỂ SỬ DỤNG NHƯ ĐÃ NÊU PHÍA TRÊN.

---